



tạp văn

NGUYỄN NGỌC TƯ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



THỜI BÁO KINH TẾ SÀI GÒN

Tập văn

NGUYỄN
NGỌC
TƯ

Tái bản lần thứ hai

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
THỜI BÁO KINH TẾ SÀI GÒN

Mục lục

TRỞ GIÓ	7
ĐẤT MƠI MÙ XA	19
XA ĐÀM THỊ TƯỜNG	11
THÁNG CHẠP Ở RẠCH BỘ TÔI	27
QUÂN NHỚ	34
CHỢ BÊN ĐƯỜNG	38
NGẬM NGÙI HUNG MỸ	42
NGUYỆT - NGƯỜI BẠN KHÔNG BIẾT VIẾT VĂN	51
HIỀN TRƯỚC NHÀ MỘT BÀ GIÀ TỐT BỤNG	57
MỘT MÁI NHÀ	60
CHƠI MỘT MÌNH	66
LỜI NHẮN	71
SÂN NHÀ	75
CHA VÀ CON	79
MỘT GIẤC MƠ	83
LÀM CHO BIẾT	87
TÀN MẠN QUANH... CÁI CỔNG	91
CỬA SAU	96
THU TỪ QUÊ	99
KÍNH THUA ANH NÌ LÀ BÁO	103

ĐI QUA NHỮNG CON BÃO KHÔ	106
CHỜ ĐỢI NHỮNG MÙA TÔM	115
ĐÔI BỜ THUONG NHỚ	123
HƯ ẢO RỜI TAN...	129
CHÚT TÌNH SÔNG NƯỚC	134
BÙA YÊU VÀ CON NHỎ THẤT TÌNH	138
GIÓ MÙA THAO THỨC	141
NGƠ NGÁC MÙA ĐUA	147
CHỢ CỦA MÃ	151
LỜI CHO MÃ	154
NGỦ Ở MŨI	159
TRĂM NĂM BẾN CỤ CON ĐÒ	163
BÀ GIÀ VUI VỀ	167
NHỜ NGUỒN	172
MƠ THẤY MÙA ĐANG TỚI	177
LỜI BẠT: VỀ CÀ MAU THẨM NGUYỄN NGỌC TU	187

Trở gió

Cuộc hẹn của chúng tôi không rõ ràng, mỗi năm gió lại đến bằng một ngày khác nhau. Nên vừa bước qua tháng Chín, tôi bắt đầu dời chiếc chuông gió sang cửa sổ phía Đông. Cuộc chờ đợi nhiều khi rất dài, đến nỗi quên phứt đi. Để rồi một sớm mai, bỗng nghe hơi thở gió rất gần. Thoạt đầu, âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tinh tang, thoáng và e dè, như ai đó đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái, như đang ngại ngần không biết người xưa có còn nhớ ta không. Rồi nó mừng húm, khi nhận ra tôi chẳng quên được nó bao giờ (dù tôi đã để những chàng trai như Đờ, Ka, Mờ... lãng phai tuốt lượt). Cái chuông gió với những âm thanh mỏng manh trở thành thứ đồ chơi lãng nhách, chẳng thể hiện nổi sự hùng hực, dạt dào của nó - bây giờ lớn thành một dòng gió, xấp xải, cuống quýt xốc vào tấm tôn bên mái Đông đã bị đứt đỉnh từ mùa trước. Cồn cào. Nóng nhiệt. Mà thiệt dịu dàng. Ôi! Gió chuông.

Tôi thường đón gió chuông về với một tâm trạng lộn xộn,

ngón ngang. Mừng đó rồi bực đó. Sao tôi lại chờ đợi nó, chẳng phải năm nào cũng vậy, lúc cắm cây chối ra quét sân, đứng trong gió đầm đìa tôi cũng buồn, buồn muốn chết. Trời ơi, gió nầy là sắp hết năm đây, sắp già thêm một tuổi đây, mình đã kịp sống gì đâu, tay mình vẫn trắng như vầy... Mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được, như ai đó đuổi theo đằng sau, tôi gấp rài ăn gấp rài nói, gấp rài cười, gấp rài khi ngày bắt đầu rụng xuống...

Nhưng tôi vẫn mong gió chướng về. Sự chờ đợi đã thành thói quen của thời thơ ấu. Khi gió bắt đầu hiu hiu se lạnh, đám con nít nhảy cẫng tung, háo hức vỗ tay cười, vậy là gần được sắm quần áo, dép mới rồi (nhà nghèo, cả năm chỉ được dịp nầy chứ mấy). Gió chướng (và gió bắc) với tôi là gió Tết, dù từ khi bắt đầu mùa gió đến Tết, mất gần ba tháng ròng. Má tôi cũng coi nó là gió Tết, nghe gió, má thuận miệng hát “Cấy rồi mùa qua sông cấy muốn. Ông trời ổng thổi ngọn chướng buồn cha chả là buồn...” rồi thở dài cái thượt “Ừ hự, lụi hụi mà hết năm...”. Dường như tâm trạng má khác tôi, những sợi gió cứ như xốn xang vào nỗi nghèo túng, sợ không lo nổi một cái tết tử tế cho cả nhà.

Má, tánh lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hy vọng rục lên theo màu lúa. Mùi thơm ràn rụa thổi ngang đồng, nỗi buồn lo của má tan không thành tiếng, tan mau như sương. Đáng chờ đợi lắm, vì mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch. Gió thổi tanh ráo những đôi chân suốt một mùa đầm đìa trên đồng bãi. Liếp mía đặt từ

hồi tháng hai, tháng ba, đợi gió mới chịu già, nước ngọt và
trầu, cảm khúc mía trên tay, nghe nặng trĩu. Vú sữa chín cây
lúc lú, căng bóng, màu vàng lan dần từ đít những trái xanh,
trái tím càng tím lịm, nửa đêm dơi ăn rớt lịch bạch ngoài hè.
Còn dưa hấu nữa, ui chao...

(Bây giờ thì mùa trái cây kéo dài cả năm, cảm giác thèm
thuởng ngày đó không quay lại, nhưng xẻ trái dưa đỏ, thưởng
thức giữa cơn gió chướng hiu hiu, thấy “đã” hơn, đậm đà
hương vị hơn nhiều. Ấy, lại cực đoan...).

Cảm xúc ngọt lành thời thơ ấu chín muồi trong ký ức, lúc
lớn lên, gió chướng ám luôn vào những trang viết. Tác phẩm
nào tôi cũng cho gió lúc thấp thoáng lúc rờn rờn thổi qua
(nhiều lúc hết hồn, chỉ chi tiết nẩy thôi mình cũng đang lặp
lại, mấy nhà phê bình không khinh khỉnh sao được). Những
đám cưới được tôi cho xuất hiện trên cái nền gió nẩy, nhưng
chỉ là cái cớ cho buồn thảm hơn, sắc lại trên những mối tình
dang dở. Chắc tại gió quá dịu dàng, nên có cảm giác gòn gòn
buồn, có cảm giác như gió mỗ côi, cúi đầu hiu hắt đi giữa
đời. Hay tại tôi đã già, đã nhận ra không mùa vui nào là vui
trọn. Con nít sượng ròn nhìn đám cưới đi qua, tự hỏi bà di
lờ thời sao lại buồn dữ vậy. Đứa cháu ngồi nhìn lớp da của
ông ngoại mình bong ra rơi trên nền gạch, thất lòng nghĩ về
cái chết - con đường thế ngoại sắp (và tất) phải về...

Gió chướng với tôi, một đứa bấp bôm văn chương, nó
“gọi” khủng khiếp. Tôi vẫn thường hình dung, một mai mình
đi xa, xa lắm, xa cả những mùa gió, hoặc đọc, hoặc ai đó nhắc
chỉ gợn lỏn hai từ “gió chướng”, ngay lập tức tôi sẽ chết giấc

trong nỗi nhớ quê nhà. Và những hình ảnh quen thuộc hàng hàng lũ lượt hiện ra, những nùi rơm vương oằn nhánh me, giống bạc hà cháy lá, con nước rong linh đình lém bờ sông, má đứng giê lúa, trấu bay xà quần về cuối gió, vài buồng cau quá lúa thấp lẹa trên cao, tiếng chày quét bánh phồng thâm u trong rặng dừa nước... Trời lúc nào cũng mát liu riu, nắng thức rất trễ, tám tám giờ sáng mới thấy mặt trời ngai ngái loi loi, nắng không ra vàng không ra trắng, mây cụm lại rồi rã từng chùm trên đầu.

Ở đó, siêu thị chất đầy những dưa hấu, dưa kiệu dưa hành bánh chưng, bánh tét, liệu ở đó, có ai bán một mùa gió cho tôi?

Đất Mũi mù xa

Nơi ấy, lúc đất chuyển vào xuân, phù sa bắt đầu nồn nả lấn biển, rừng mắm xanh non rào rạt tiến về phía trước giữ đất lại cho người. Nơi ấy, những ngôi nhà đều không cửa, nhà mở toang cho gió Nam vào, chường tới, bắc qua, nhìn nhà là hiểu người, chân thật đến bày cả gan ruột... Nhưng rồi đến với làn sóng di dân ào ạt, cái không cần thay đổi đã thay, còn cái cần thay đổi thì chưa đổi bao giờ. Đất Mũi ngày xưa sẽ đến một ngày xa mãi... Thỉnh thoảng anh gọi điện cho tôi từ thành phố Hồ Chí Minh, hỏi vụ con chó cò nó ra làm sao, trái giác là trái gì mà nấu được canh chua bông súng... (sao mà những gì tôi viết ra đều khó hiểu như thế không biết). Có nói gì thì cuối cùng, anh cũng ga, hỏi rằng: "Còn Đất Mũi, chỗ đó nó ra làm sao, em hả?".

Trời, đất nước mình hẹp te vẹo mà lời anh hỏi sao nghe thăm thẳm mù xa. Nhưng anh lại hỏi lắm người rồi, tôi là đứa bạc bẽo từ Đất Mũi ra đi không nhớ thương, luyến tiếc, tôi là loại người thấy nhà người ta đẹp hơn nhà mình, thấy

vợ người ta đẹp hơn vợ mình, nên tôi bảo rằng, “Dạ, Đất Mũi cũng thường thôi anh”. “Thường à?”. Phải, thường lắm, thường thiệt là thường, tôi trả lời mà tự xấu hổ trong lòng. Về nói lại với cô em gái, em tôi la lên: “Ôi trời, sao anh không mời anh về thăm quê mình một chuyến cho biết há anh?”, đó là lúc tôi lặng đi, cái bản chất mến khách của người Đất Mũi trong tôi cũng đã phai rồi.

Thành ra trong câu chuyện này có tới ba người, anh, tôi và cô em gái Đất Mũi rất rì. Tôi thành nhịp cầu nối hai miền đất. Em tôi nhấn với anh rằng, Đất Mũi thiệt tình không có núi cao, không có biển xanh, cát trắng, không cung đình cổ kính lại càng không có phố cổ dịu hiu. Đất Mũi chỉ có bùn sinh, rừng thẳm và biển. Dẫu biển không xanh ngắt ngát mà đục ngầu phù sa nhưng ở đây nhiều biển lắm. Biển đằng trước, biển bên phải, biển bên trái. Bình minh, mặt trời từ biển quẩy nước ngoi lên rồi khi chiều về, mặt trời chín đỏ già nua lại ngụp về biển sau một ngày tự cháy.

Bây giờ, Đất Mũi đang mùa gió chướng. Coi ra thì người xóm Mũi sướng nhất đời rồi, ngọn Nam, ngọn chướng về, xóm Mũi là nơi đón, thương thức trước tiên. Em tôi muốn mời anh về ngay mùa này, lúc đất chuyển vào xuân. Gió mùa phây phẩy, gió đưa trời lộng lên cao, phù sa bắt đầu nồn nả lấn biển, rồi không lâu lắm đâu, từ bãi bồi, đất sẽ cồn lên, một rừng mấm xanh non rào rạt tiến về phía trước giữ đất lại cho người. Mùa này, ba khía chuẩn bị vào hội; không biết hẹn hò nhau từ hồi nào, ba khía tùm về xúm xít đeo trên gốc mấm, rẽ được. Con nào con nấy thật chắc nụi,

gạch ứ đầy mai (nói tới đây tự dung thêm ba khía muối ăn với bún chua cháy lòng).

Cũng mùa nầy, bắt đầu con nước ròng, cây đước nhón cái rễ như cái nôm cao lên đến nửa thân cây, những cái rễ mới thò xuống từ trong tán lá rừng xanh biếc. Nước tràn bờ bãi, người xóm Mũi bắt đầu cuộc sống rất trên sà. Những cây đước lột sít sao nhau để làm lối vào nhà, lối qua bên hàng xóm, lối ra nhà tắm, chuồng gà. Trẻ con chạy rượt, u hơi ở trên sà, nháy lò cò bên những bụi họ, bụi ớt lơ thơ trong thùng. Cá thòi lòi dạn dĩ theo con nước chạy rột rết dưới sà nhà, có lúc ngóc đầu lên, nhìn thom lom, ý hỏi ai đây ta, ai mà lặn lội tới xứ bùn sinh rừng rú nầy, ai mà ngó tui thiếu điều lòi con mắt ra, lạ lắm sao?

Lạ lắm, nếu anh đến, thế nào anh cũng bảo cái mũi đất cùng trời cuối đất nầy sao mà lạ quá đi? Lạ chớ, em tôi cười, lạ từ cái cây, ngọn cỏ, vụ trái giắc với con chó cò chỉ là chuyện nhỏ. Em tôi hỏi anh đã từng thấy nụ bông đậu cộ tím biêng biếc như những chiếc giày cao cổ (em bảo chắc như đinh đóng cột rằng hầu hết hoa dại ở xứ tôi đều có màu tím thủy chung), anh đã thấy những bông vệt cứng cỏi xòe chơm chớm như cái nôm cá, bao giờ kết trái, hoa lại trở thành chiếc ô che đầu, rồi những trái quao mới sinh ra đã cong cong. Em tôi vì nuôi nấng mẹ già, không chịu lấy chồng, ai tới hỏi, em đều cắc có đòi lẽ vật phải có một mâm muối treó cánh và mâm trái quao thật trắng (vụ trái quao nầy là tôi nói thêm với anh, chứ đòi nào em nói).

Và còn những trái đuốc quê tôi, anh đã biết? Từ khi còn là trái xanh lúng lẳng trên thân cây mẹ, trái đuốc đã thắng người trong tư thế một ngày cắm thẳng xuống bãi bùn mà không mấy may nghi ngờ, chọn lựa. (Đôi lúc trên con đường văn chương cô độc, tôi chùn bước, em tôi lại bảo tôi phải chặt lòng chặt dạ, phải giống như những trái đuốc ấy, lao xuống đất văn chương bằng niềm say mê mãnh liệt nhất).

Bao giờ ngồi nghĩ thật lâu về quê nhà tôi cũng nhận ra rằng, dường như Đất Mũi thiêng lắm, nhất là khi đất biết có người ngày mai chia xa nên dưới kinh bắt đầu con nước rút, nước chảy cạn chỉ còn một lạch nhỏ. Quê xứ bắt đầu cồn lên những thứ mà ai cũng biết rằng không thể mang theo. Đây mùi cá khô vừa mới se se nửa nắng hăng hăng nồng nả bay vào gió. Những giàn lưới tanh mặn mùi biển cá vắt mình trên những giàn phơi. Tiếng tàu đêm ra biển rừ rừ. Mé un trên những căn nhà nhỏ bên sông tù mù cuộn khói. Món hàu tái chanh, cá thòi lòi kho dừa, vọp nướng... mà em tôi đãi món nào cũng ngọt tự nhiên một cách kỳ lạ.

Mới nhớ có người đã từng thốt lên chừng như cảm động không chịu được, rằng ở đây chỉ có nước biển mặn thôi, tất cả thì ngọt bùi. Người Đất Mũi sao mà hiền từ, mến khách thấu trời thấu đất vậy không biết, dường như sống giữa bao la trời, bao la biển nầy, người ta phải học cách thương nhau để khỏi cô độc. Làm sao tay xách nách mang những thứ nầy được đây, khi em gởi theo ít ba khía muối mang về, ba khía thì mang về được rồi, còn cái tình cái nghĩa của người Đất Mũi đậm sâu vậy, làm sao bỏ vô giỏ xách theo được?

Tôi vẫn không từ bỏ câu nói của mình rằng Đất Mũi thường thối, rất thối, nhưng hết thảy mọi thứ ở đây đều làm cho người ta nhớ vì lạ, vì thương. Bấy đã trảng xe những hòn cát liu riu nằm trên bãi Khai Long, những bông rau muống biển mỏng tang mà chống chọi với gió trời, rập rờn tím ngắt. Hòn Khoai thì xanh thắm ngoài kia với ngọn hải đăng chưa bao giờ tắt.

Dường như mọi thứ ở đây đều thắm và đậm. Nắng thì lắm li thôi là lắm li, gió cối mới thôi là cối mới. Rừng đã xanh là xanh lặc lía, một màu rời rợi. Biển đã đục là ngầu ngầu phù sa. Nước đã mặn là mặn quéo đầu lưỡi. Người Đất Mũi rất đã thương là thương trọn, đã nhớ thì nhớ sâu, đã sầu thì sầu dai dẳng. Hết thảy đều không thể nửa vời. Cho nên khi anh về, đừng có từ chối mà không cạn từng ly rượu đế cay xè, cũng đừng trả giá nửa ly thôi, làm lòng bà con mình buồn nghen. Mà, anh dứt khoát phải gặp em tôi một lần, cô có tất cả đặc trưng của người Đất Mũi, da ngăm ngăm, rắn rỏi, mắt hay cười, em hay hồn nhiên xắn quần cao đến khỏi đầu gối lội qua kinh những lúc nước ròng, mộc mạc không giả đồ mặc cỡ làm duyên...

Những năm tháng qua đi đã làm em tôi khôn lớn. Em bắt đầu biết buồn, mà toàn buồn chuyện đầu đầu không hà. Mỗi lần lên thành phố thăm tôi, em đều ngồi thừ ra, em nói, chắc moi mốt rồi chẳng còn Đất Mũi ngày xưa nữa. Đất Mũi của ngày em lên chín, mười, từ vàm Rạch Tàu đến tận cuối xóm Mũi thừa thớt nhà, nhưng những ngôi nhà đều không cửa. Nhà mở toang cho gió Nam vào, chường tới, bắc qua, tắm

nhìn thông thống, nhìn nhà là hiểu người, chân thật đến bày ra cả gan ruột của mình mà rộng rãi, hào sảng. Tháng tám hội ba khía. Tháng chín mùa cua lên bãi. Tháng mười hội cá đường. Rừng dày rậm rạp, rừng chồm sát mé kinh để níu kéo chút hơi ấm con người. Cái hồi mà thiên nhiên ở đây hào phóng tới mức cha ông chúng tôi chắc lòng chắc dạ tuyên bố với quân thù, chừng nào “Khai Long hết xác cá đường, thì Mũi Cà Mau đó tao nhường cho bây”.

Thấy em buồn, tôi chỉ cười, sao mà cô đi lo chuyện thiên hạ không vậy. Em giận tôi, em bảo, “Không, đó là chuyện của quê hương, của nhà mình, của thời thơ ấu chúng mình”. Em tôi nghĩ hoài, rồi sau này khi tôi đưa anh về thăm biết làm sao bây giờ, làm sao để đưa anh đến một ngôi nhà bình yên trải lòng ra như thế, với một làn sóng di cư của hàng trăm, hàng ngàn người từ nơi khác tới, người Đất Mũi khép cửa lòng tin. Người bản xứ vẫn gắn bó mình với chiếc ghe cào, ghe câu đánh bắt gần bờ; với những chân đày hàng khơi thì những người mới đến sống bằng cách phá rừng, càn quét bãi bồi.

Nên em bảo cố rủ anh về khi trở qua mùa gió chướng bởi gió Nam là mùa gió buồn nhất, mùa này, tôm cá về bãi, người mới đến thôi phá rừng mà đi đẩy te, xiệp, giăng lưới ba màng, sạt sò huyết, mò vẹp, bắt cua. Những cách đánh bắt hết thảy đều mang tính tận diệt. Bãi bồi nhào như dấu chân người, vạt mắm nhỏ xíu xanh lúu riu mới vừa bắt rể để lán biển giữ phù sa đã bị càn phá giạt trôi, dấu lòng đất âm í muốn sinh sôi mà chân thì không sao bước tới. S. Antov viết rằng, mỗi

người có những ước mơ khác nhau nên không hiếm khi bị kịch đã xảy ra vì có số ước mơ phải hy sinh để những ước mơ khác trở thành hiện thực.

Tôi nghĩ tới Đất Mũi. Ước mơ đất của em tôi, của người yêu thiên nhiên đã đau đớn gục xuống cho bấy trẻ con có tiền đi học, khạp gạo để ở góc nhà được đầy, bữa cơm không chỉ muối trắng, tối ngủ mừng lành, có mền đắp để qua mùa gió bắc năm nay...

Rồi lắm lắm đất đã đổi thay, cái bản sắc vùng đã phai nhạt ít nhiều (em lo là không còn cái chất riêng của miền đất cuối, anh sẽ bảo anh ra Cần Giờ sướng hơn, chớ lặn lội làm chi mấy ngày đường). Lô xô những ngôi nhà tạm bợ mọc lên chen nhau bạt trống hươ cả mấy khoảng rừng. Thiên nhiên bắt đầu nghèo nàn, rách rưới, mà đất vẫn hiền như mẹ, dầu con lắm lỗi vẫn ôm vào tấm lòng. Em than thở với tôi, đã có câu “nghèo cho sạch, rách cho thơm” còn sáng tác ra câu “bần cùng sanh... lâm tặc, ngư tặc” chi vậy không biết. Tôi biểu em đừng tiếc nữa mà em không chịu nghe, mới hay vừa ráo bần tôi đã không còn là tôi nữa, chỉ có em thôi, bấy lâu nay cái không cần thay đổi thì đã thay, cái cần đổi thì chưa đổi bao giờ. Nhất là cái khoản luôn luôn nuôi tiếc những gì mình không trở lại nữa, mà, trời ơi, đời người có bao lâu đâu, không nhìn phía trước sao cứ lo ngoái lại.

Anh à, em tôi có ý nhắc hỏi anh rằng, có phải em tệ lắm không. Bởi dù gì thì hơi ấm con người đang làm cho đất thức dậy sau gần trăm năm vì sông nước chẳng chịt, vì rừng rậm hoang sơ cản đường người ta đi tới. Cuốn cuộn theo dấu chân

của những gia đình di cư, là xóm chợ xôn xao, những hàng quán mọc lên. Đất cuối trời bừng tỉnh, sôi động. Những chiếc vỏ lãi cao tốc lướt băng băng trên sóng làm con đường vốn xa rờn rã gần lại. Vậy thì lẽ ra em không nên buồn, không nên tiếc mới phải? Em đã nhún vậy rồi anh còn chần chừ ngại ngần chi nữa mà không tới Đất Mũi hả anh?

Để được đón anh về, có lẽ em tôi sẽ nhọc nhằn hơn nữa bởi hết lòng cố giữ những gì đáng giữ. Này biển, nầy rừng, nầy tôm cá trên bãi bồi, nầy tính cách hỗn nhiên không vụ lợi của người Đất Mũi. Để anh có thể ngồi quây quần với bà con, đêm thức nghe gió mùa tan trong bếp lửa, bên bữa rượu ấm nồng, tôi ngồi đếm tóc anh, chợt giật mình thấy anh bạn mình tuổi đời có còn trẻ gì đâu, hú hồn, chút xíu nữa là không kịp về Đất Mũi xứ tôi rồi. Đất Mũi gần gũi vậy, sao phải mất tới mấy chục năm trời mới đến được vậy ta.

Nhưng anh biết không, đi với anh dưới ánh nắng vàng dãi, len lỏi trong những mảng rừng loang lỗ, nhìn về cái bãi đất bồi hoang vắng, nếu thấy em tôi vui cười chơi chơi vậy, chưa chắc em đang thật đau, với em tôi, Đất Mũi ngày xưa sẽ đến một ngày xa mãi. Nếu em tôi thật sự mệt mỏi buông xuôi rồi, thì tôi biết làm sao đây anh?

Xa đầm Thị Tường

*Mình ngỡ ngỡ mình đã quên cái gì nơi ấy.
Lục lạo lại thì đúng là mình có bỏ lại cây bàn chải đánh răng.
Nhưng không, chỉ cây bàn chải đánh răng thôi mà,
nó không làm mình bứt rứt và khó chịu như vậy.
Mình vẫn còn cảm thấy mình quên cái gì đó,
khác hơn và lớn hơn, sâu đậm hơn nhiều.
Vậy thì có phải mình để lại Thị Tường một mùa gió chướng không?*

1 Là vì, mình về Thị Tường ngay đầu mùa gió. Chướng về lặng lẽ, nửa đêm nghe hây hây trên da, trên tóc. Nằm trong căn chòi giữ lúa giữa đầm nghe gió lác xác trên lá. Mấy cái đuôi lá xao xác. Nước biển như chỉ chờ có vậy, chảy từ cửa sông Đốc qua kênh xáng Bà Kẹo liếm vào dòng ngọt. Thức dậy, ngậm một ngụm đã nghe mặn cứng môi, vậy mà hôm qua mình còn lấy gạo mức lên rửa mặt. Nước đang lộn cợn đục bồng trong vát ngà màu đỏ đỏ, người ta chép miệng, “mới đây mà nước “chè chè” rồi”. Chim én không biết về trước

gió hay sau mùa gió mà đậu chiu chít trên mấy đồng chà. Nghe gió về, người Thị Tường hy vọng rất nhiều, rất nhiều tôm cá đang tới.

Đầm Thị Tường là vùng đầm nước mênh mông với diện tích mặt nước hơn bảy trăm héc ta, quảng rộng nhất gần hai cây số, rộng tay mạnh đầm như dân xứ nầy, từ bờ nam sang bờ bắc mất hơn một ngàn lát dầm, từ bờ tây sang bờ đông nhìn mút mắt. Người đầm Thị Tường làm lú đánh bắt cá tôm suốt năm nhưng trúng nhất là vào mùa gió nầy. Lúa ngoài đồng sau đang xanh lá, có vạt trở đồng đồng đất, chờ ngọn gió lao xao lành lạnh là đón tre xuống lú. Miệng lú rộng tròn như miệng thúng, rộng hơn một tí, bằng lưới. Lú giăng ngang đầm, miệng nằm giữa hai cái ven bằng lưới giăng dưới nước theo hình chữ V, lúc nào cũng hướng xuôi theo con nước, đón luồng tôm. Con tôm ngộ lắm, tụi nó lội ngược. Thấy ánh đèn treo đầu ngọn lú, tôm de đít vô (con người mình còn chết mê chết mệt những thứ ánh sáng phù hoa đó hướng chỉ là con tôm, con tép). Không thể đếm có bao nhiêu ánh đèn trên đầm vào mùa nầy. Bão rằng một vạn ngọn thì sẽ thiếu ngọn đèn cóc đôi vợ chồng son mang theo để xem lại album ảnh cưới. Bão rằng hai vạn ngọn thì mình sợ thừa vạt đèn vừa tắt ngấm của một cụ già nhất xóm chiều hôm qua vừa đi vào cõi vĩnh hằng. Chỉ biết, Thị Tường trút bỏ về lãnh đạm, ơ thờ ban ngày để trở thành một thành phố đêm rực rỡ. Thành phố của những người làm nghề hạ bạc. Chỉ có những con người ở đây thay đổi, như tối nầy có tiếng thì thầm rúc rích của đôi vợ chồng mới cưới, như tối nầy anh Bảy, một cây ca vọng cổ đã say

mềm nên không còn ai đặt điều xuống xẻ câu vọng cổ “Bờ sa cơ giữa chiến trường thọ tiễn, nên Võ Đông Sơ đành chia tay vĩnh viễn Bạch Thu... Hà...”... Vẫn những ngọn đèn chong mát thức trắng đêm. Những ngọn đèn đứng yên mà như hấp háy trôi mãi, trôi mãi. Ừng mờ mờ những khuôn mặt người nhòe trong bóng nước. Giữa mênh mông sóng nước này, không ai thấy cô đơn. Thất tình cũng không thêm buồn. Cuộc sống đẹp thế, vui thế mà.

Mình tiếc anh M., anh T. không mang máy ảnh về với mình mùa này, mình tiếc anh H. ở Bến Tre chắc bận dự trại sáng tác ở Vũng Tàu không kịp về mùa này như đã hứa từ cái lần đi Đá Bạc, mình tiếc anh mình không về mùa này, về ngay gió này. Khi đêm hoa đăng không mặc cảm với trăng đã từ từ giăng giăng sáng mặt đầm. Tụi mình thả xuống ra đó chơi.

Ra đầm, chúng mình sẽ thấy mùa xuân đang đến gần hơn bao giờ hết. Bờ lá dừa nước xa xa, mờ mờ sẫm. Bầu trời xa lắm. Mặt nước mông mênh. Mình cứ nằm xoải chân, tay gối đầu lên sạp xuống, cản gì khua đầm, gió đẩy mình đi, lênh đênh trong dòng gió. Sóng vỗ lóc bóc vô mũi xuống. Dạt xa bờ, gió không khuất rặng dừa nước dày, nên sóng cồn cào, nằm trên sạp đóng bằng ván cau lão, nghe sóng nhảy nhót hấp háy be xuống. Đầm Thị Tường bao đời nay không sâu lắm, nước có chỗ lè để ngực, có chỗ chỉ đến lưng quần, tại gió thổi mà đêm qua chiếc xuống buộc ngang hông chồi bị sóng chập chã chìm lìm, cái đầu dây bị vướng nên treo cái mũi ngóc lên trời.

Tại gió mà có nhiều đêm không đốt đèn được. Gió thổi phù

phù. Gió giật hiu hút. Gió là sà gheo vạt áo bà ba làm chị mình lúu quíu vắn lại vì xấu hổ. Gió thàng ba mang hương cà hương bấp, mùi thơm dân dã bay ra từ bờ lá đang trở rộ lưới mèo phên. Gió thàng sáu mang từ trong xóm quê mùi rạ tươi thơm, mùi rơm giòn đượm. Gió thàng chập bát ngát hương nếp mới, nghe rõ nhịp chày hì hụp quét bánh phồng, những nhịp chày rờn rã. Những chiếc đệm, chiếc chiếu trải rộng trước sân nhà, dưới nắng, phơi bánh phồng vàng óng màu mật ong.

Rồi cũng tại gió nẩy nước cũng ngập ghé lên. Không sôi réo ồn ào mà lặng lẽ. Lặng lẽ. Đêm ấy đang nằm chò co trong chòi và quả tình là đang mơ thấy một người, không dung lưng lạnh ngắt. Lớng ngớ bò dậy thì nước lên đã ướt đầm lưng rồi. Cái cà ràng chị mình để trên sàn đang nấu cơm buổi sớm ngập nước bể ra làm ba mảnh. Chị mình buồn lắm, không biết có phải tại bữa nay cả nhà ăn nổi cơm nửa sống nửa chín hay tại thương cho số phận ba ông Táo, nông nổi như vậy mà còn phải chia xa.

2 Không, mình có đem quà xứ đầm về. Mình nhớ lời chị T. nói hôm trước. Chị ngồi tà, vừa tà vừa chắt lưỡi ngọt xót: “Trời ơi, giữa trưa mà ăn cơm nguội với ghẹm muối còn gì bằng, mà phải muối cho thiệt mặn nghe, (chắt lưỡi), ăn đã dư lắm. Còn mắm thì làm hai món: nấu ninh lược nước làm lấu, ăn với cá rô, cà phổi, khổ qua, rau thì có rau đắng đất, cải xanh... Mắm chua thì ăn sống. Mắm cá nâu, cá bóng nhỏ tăn mẩn để nguyên con, trộn gừng, đường cát, vắt tí chanh. Gắp một con mắm cặp với chuối chát, khế xắt lát mỏng dính mà

ăn, (chắc lưỡi), nó ngon hóng biết làm sao mà nói. Vừa chua vừa ngọt, vừa chát vừa cay, tả một hồi bất thềm”.

Mình nghe chị tả, hiểu lòng chị, xách về khệ nệ nào mắm, nào ghẹm. Ở đầm, vào mỗi con nước rằm hay ba mươi, ghẹm nhiều vô số. Lốp vô lú, lốp nghếch con mắt thao láo bu đầu bập dờn thả lênh bênh ngấm trời chơi. Người ở đầm câu kỳ ghê lắm, muối toàn là ghẹm cái, loại nhiều gạch nhát, ăn vừa mặn vừa béo ngậy. Rồi hỏi về mắm, dù mùa cá hội đã qua lâu lắm rồi nhưng nhà nào cũng còn hũ mắm chưa giở, chỉ cần hé cái nắp đây một chút đã nghe thơm lừng lừng mũi. Cái xứ ngộ, con người nhiệt tình, chưa kịp nói giềng thì đã dúm vào gió biểu xách về rồi. Tình thật, mình muốn mang về đâu phải bấy nhiêu đó. Một buống dừa nước com thơm, con cua gạch son ăn vô say quay mòng mòng, một mớ tôm bạc, tôm càng, một con cá dứa... cho bạn bè mình biết cái xứ mình hào phóng cỡ nào. Cho những người xa đầm Thị Tường nhớ bất ứa nước mắt khi nhìn lại những món ngon năm cũ.

Có rất nhiều người từ đầm Thị Tường ra đi. Đây Tân Phong, Đất Cháy, Kinh Một, Hai, Ba, Tư, Vịnh Dừa, Giáp Nước, Bà Ký, Bà Kẹo, Thọ Mai, Vịnh Trăn, Mũi Mắm... Những cái xóm nhỏ bình thường, cái tên cũng bình thường nhưng là vùng căn cứ nổi tiếng thời chống Pháp và Mỹ. Xứ ủy Nam kỳ ở đây, tỉnh ủy nằm ở đây, các báo kháng chiến nằm ở đây, đoàn văn công nằm ở đây... Xóm làng che chở. Trục thẳng, máy bay địch không biết đi bắn phá ở đâu chiều về quẹo lại đầm xả bom đạn cho nhẹ lái.

Hồi đó, sao người ta thêm nhiều chuyện “độc” vậy không biết. Thêm buổi sáng ngấm mặt trời mọc từ đầu đằm, buổi chiều khập khượng úp mặt về Mũi Mắm cuối đằm, thêm nhìn một bầu trời tinh tươm không bóng bầy ác diệu bằng sắt đen sì, thêm thả xuống ra đằm, mang theo một ít ghẹm muối nguyên con, mắm nguyên con, thịt non mềm, một tay cầm củ gừng, một tay cầm con mắm, cứ cắn gừng một miếng, cắn mắm một miếng mà lai rai dưới trăng. Có cầu kỳ gì đâu, có đòi hỏi gì cao sang đâu mà vì bom đạn chiến tranh vẫn không làm được.

Bây giờ những người từ đằm Thị Tường ra đi có còn nhớ không? Có còn nghe thêm ngần ngật những món ngày xưa không? Và những con người hào sảng đậm đặc chất Nam bộ. Đàn ông nhậu một mâm thì đàn bà cũng một mâm. Đàn ông say thì ca vọng cổ (đôi khi cũng buồn tình đập chén, đánh vợ, không kể), đàn bà say chỉ nhảy múa cho vui hơi rượu đi. Người dân móc ruột mình ra mà nuôi cán bộ, sống chết với cách mạng. Cho tới bây giờ, ông sếp mình vẫn rung rúc nhắc lại chuyện một gia đình thay ở, chết trong đêm vì bom chậm của lữ B57. Không đếm được bao nhiêu hy sinh mất mát của người dân xứ đằm. Rồi có còn nhớ không, những con gió?

3 Minh vẫn còn thấy quên, thấy xon xot trong lòng. Có phải vì một bờ lá ven đằm bắt đầu nham nhở... Đứng bên nầy bờ Đất Cháy đã nhìn lỏng lẻo những mái nhà trắng xám phía bên Phú Mỹ. Người dân phá lá ngoài đằm, phá vườn

trong xóm làm vuông, nuôi tôm. Những rặng dừa nước âm u, hoang sơ ngày xưa đã mất. Mình đứng tiếc hệt như anh T. hôm ấy đứng tiếc người ta dùng ven lưới thay ven lú sậy bện đăng. Có phải vì chúng mình vẫn nghe quá không? Có phải vì bọn mình phi thực tế không?

Đầm vẫn như trái tim nối những mạch máu kênh rạch đi trăm ngã. Ừ, nhìn qua thì cũng như ngày xưa. Nhưng không, ngày ấy, ông cố mình sinh ra mười người con, ông ra đầm cắm đăng đặt đó, vậy mà thành thoi, mười anh em của ông nội mình cùi cùi khôn lớn, dựng vợ gả chồng và mỗi người lại sinh ra một đàn con khác. Ông nội mình lại ra đầm, bắt đầu dầm dãi, nhọc nhằn. Đến đời ba mình thì không còn những mẻ tôm nặng ký. Chuyện cá tôm nhiều vô kể quanh năm, chuyện một chiếc xuống con với vài tay lưới có thể nuôi cả gia đình đã quá xa vời. Chuyện xuống đi tới đâu, đàn cá nước đuổi theo đến đấy chỉ còn là cố tích.

Mình quen một người sống trên đầm, bác Hai Ngọc. Bác ngồi uống trà với mình và nói với giọng buồn hiu, “Càng ngày càng ít tôm cá cũng ráng mà bằm, sống chớ mình không có đất đai, biết làm gì bây giờ”. Nhà bác có tám mươi miệng lú, nuôi năm nhân khẩu, thu nhập một năm chỉ bằng chín mươi công ruộng. Ngày trước, cứ năm trăm mét một hàng lú, bây giờ là một trăm. Những nò, những chà, lưới... chi chít mặt đầm như một ma trận mà người lớ ngớ thị thành như mình không tìm được lối ra. Tôm cá thiên nhiên cạn kiệt. Mình xin mọi người đừng trách cứ Thị Tường ở bạc. Chúng mình thờ gió đầm, ăn con tôm con cá ở đầm, mặc cái quần cái áo, từ

đầm mà lớn lên. Mai mốt này chúng mình lại vất kiệt thiên nhiên để nuôi đầm con.

Mình sợ ngày ấy thì Thị Tường đã khác bây giờ. Nuôi tôm, có thể nhiều nhà ngói nhà lầu, có thể nhiều tiện nghi hơn bây giờ. Và vườn dừa cao vọi trong xóm không còn nữa, rặng dừa nước bao bọc ôm ấp con đầm, nơi con cá kéo chạy giỡn rượt nhau, con tôm bạc ẩn mình... không còn nữa. Con người tự bào chữa, trấn an mình, tại không sống được vào nó nữa rồi chớ nào muốn làm cho vùng đầm đánh mất nét duyên bao đời.

Mình sẽ trở lại Thị Tường, đứng trên bờ xáng, nơi có bụi ô rô lá vô vàng. Mình đứng đó trong lồng lộng gió, trong vàng dãi nắng, nhưng từ đây hết thấy đã vô hồn.

Mình sợ phải nhìn thấy đầm Thị Tường vốn từng nhớ thương sâu sắc trong lòng đưa tay vẫy cái chào xa mãi?

Tháng Chạp ở rạch Bộ Tời

Tôi viết những dòng này tặng bà con ở xóm rạch Bộ Tời, cái tên nghe thiệt lạ, phải hôn? Chỗ này không phải là danh thắng, căn cứ cách mạng cũng không, chưa được gọi “rạch văn hóa” nói gì tới ấp văn hóa. Đất nhỏ nhoi, thân phận con người cũng nhỏ nhoi, thăm lặng, những cậu Tư, cậu Bảy, dì Ba, dì Sáu... Không có ai ra ngoài cổng Ủy ban tỉnh mà gào kêu công lý, cũng chưa thấy vụ ấu dâm giành giật đất nào.

Có lần nghe cậu tôi trách, mấy đi ta bà ở đâu không hà, sao không viết về rạch Bộ Tời, tôi đã hỏi:

– Ở đó có gì vui?

Cậu tôi cười, có nhà. Xóm chừng mười nóc nhà, thêm mười cái chòi lá giữ vuông nằm rải hai bên rạch. Rạch thì nhỏ như con mương ranh từ sông Rạch Rập chạy thẳng qua Lung Dừa. Ở đây, nhà nào cũng nghèo, nghèo bằng chang nhau. Cho nên

họ buồn bằng nhau khi gió chướng về. Cái gió làm người ta ngậm ngùi, biết sắp hết năm, thêm một tuổi, tiếc muốn chết.

Ở đó còn có người. Nhiều người. Nhưng con người có một trắng trời mênh mông mà cả đời chẳng mấy khi thành thời ngược mặt ngó trời. Những con người có một mùa gió toì bời nhưng không một lần thơ thới hít lấy cái hương xuân của trời đất. Ai cũng có nhà nhưng quanh năm phải dầm dãi ngoài đồng đất.

Bởi ở đó toàn là nông dân, tính luôn ba tôi. Sáu mươi tuổi không lúc nào móng chân thôi đóng phèn, sáu mươi tuổi không lúc nào đôi tay thôi cầm cày cuốc. Sáu mươi tuổi ba tôi về hưu, bỏ chuyện chức tước qua một bên, bỏ chuyện làm thơ “lá rụng nhà anh, lá rụng nhà em” qua một bên, vác lều vác chõng vô rạch Bộ Tời làm vương, nuôi tôm. Ba năm, chắc đất quê vợ đã đủ thành đất nhớ, nên năm bảy bữa về thăm con cháu, chừng nửa ngày đã nhấp nhồm muốn đi.

Ở đó, ba tôi có căn chòi không lúc nào ngớt khách. Cô Bảy Hạnh ở thư viện tỉnh còn định mở “Thư viện văn hóa... xóm” ở đó. Chòi nhỏ, có ti vi, casset, điện dẫn từ ngoài sông ra hai trăm hai còn chừng trăm rưỡi, bóng đèn đỏ lòm. Bình thủy để ở vách chòi luôn chứa đầy nước nóng. Trà cũng sẵn. Bánh ngọt để kê bên. Cũng ở chỗ nấy, một bữa sáng mấy ông bạn già bạn trẻ của ba tôi tụm lại uống trà, tháng Chạp trên đường đi qua, ghé lại. Một người kêu lên, giọng như tháng thốt, như giật mình, như hổng dề:

– Trời, mới đây mà tháng Chạp rồi, lụi hụi là tới Tết.

Mau vậy. Mau quá ha. Rồi có người thở dài, “Vậy hết năm nay cũng chưa trả nợ được”.

Kia, cậu, cần gì nói chuyện nợ, nội nghe hai tiếng thảng Chạp thôi là bao nhiêu chuyện cần làm xổng xộc tới. Làm cỏ, tĩa kiểng sân trước, cọ rửa, quét vôi mười mấy năm mộ vườn sau, sửa sang nhà cửa, để xập xệ vậy coi đâu có được... Rồi cũng phải đi sắm đồ mới cho tụi nhỏ, tính coi ăn Tết sao đây. Bao nhiêu chuyện đó thôi lo cũng đã bứt gân, tóc tai toi bời rồi, nhắc làm chi chuyện nợ nần từ mùa chuyển dịch.

Nhưng phải nhắc, người Việt mình với Tết giống như con rắn tới kỳ lột da, lột không được, ngắc ngư hoài, rũ không hết lo phiền, khó chịu lắm.

Nợ đã ba năm, đã tới hạn rồi, nhà nước tử tế không phải như mấy người vay nặng lãi kêu xã hội đen đi đòi, vì họ tử tế nên mình phải tử tế với họ. Đây đã bắt đầu mùa tôm thứ ba, bà con ở đây vẫn chưa thấy khá. Nghèo hoài. Ba tôi thắc mắc, sao không thấy cái câu “Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà” ứng vô đời nông dân ở rạch Bộ Tời ta. Ở đây, tuyệt không thấy ai biểng nhắc bê tha chơi bời nhậu nhẹt, vậy mà nghèo mới tức. Đêm canh con nước khiêng máy tát ra tát vô, tờ mờ sáng ra đi đổ lú, rồi suốt ngày lụi hụi vớt rong, múc sinh cải tạo ao đầm, trồng lúa, lúa chết thì trồng nân cho có cái tôm ăn. Quần quật tới đỏ đèn đôi chân mới ráo nước, ngồi đón coi mấy ông khuyến ngư phổ biến kỹ thuật nuôi tôm trên ti vi, đặng học hỏi. Nhưng dụng kỹ thuật nào vô cái đất nầy cũng trớt quớt, tôm cũng chết trắng cẳng. Hết cách rồi. Đất phèn mặn, kinh lại cạn, lấy nước ngọt của sông Gành Hào chảy qua

chợ Cà Mau, vô trong nầy đã đầy rác, con người nhìn còn muốn bịnh nói chi tôm vốn đã ốm yếu, bịnh hoạn sẵn từ hồi bằng cây kim may tay.

Nên năm đầu chuyển dịch, người xóm mình hỏi nhau tôm bên đó có chết không, bộ tụi nó chết nửa hả. Năm nay hỏi khác, hết chết chưa.

Cảm giác cũng chai đi, hồi đó tôm chết còn bàng hoàng, nôn ruột như con trai út của mình bệnh ngặt, bảy giờ thì coi như không rồi. Vậy mới sống được. Cũng như ngày xưa, lúc còn làm ruộng, nghe giá lúa lên xuống thất thường riết cũng quen.

Ba tôi đọc báo cho mấy ông bạn chòi nghe, nhà nước thừa nhận, chuyển dịch cơ cấu từ trồng lúa sang nuôi tôm, cho đến nay thống kê chỉ 30% có lãi còn lại là hòa và lỗ, ai cũng vỗ đùi khen, sao mấy ông chịu thiệt vậy không biết, chớ mấy chuyện thất bại rồi, nghe im re, như cẳng cá nè, nhà máy đường nè... Rồi ai nấy rờ rờ cái cảm, ngậm ngùi, vậy là bà con thất đều chớ đâu riêng gì rạch Bờ Tời mình.

Ở đây có nhà dì Ba từ Tết rồi tính lại mới bán tôm được bốn năm trăm ngàn, mấy mùa trước còn giăng lưới cá phi bán cóc ken, mùa nầy không có cá mà kho quẹt. Cả nhà sống được nhờ nghề hạ bạc, chài lưới dưới rạch, con gái dì đi làm mướn dài dài xóm.

Nhà nào cũng xoay qua làm việc khác để mua gạo, củi, mắm, muối... Ba tôi cuốc đất, trồng cà, ớt, trồng cải bẹ xanh trên bờ vuông. Ngày tưới hai buổi, hai buổi na cái thùng đi xiêu xiêu trên cánh đồng chang chang nắng gió. Ba nói, "Cực một chút vậy mà có tiền mua trà bánh". Chị em tôi biểu ba

sống khổ quá, bỏ ruộng đi, ông lác đầu, bỏ là bỏ từ mấy năm trước, sống ở tròng, quen rồi. “Tao mà khổ gì, nhiều người còn khổ hơn”.

Cậu Tư “Biết Tuốt” ở đầu xóm kết luận, “Xóm mình nghèo hoài là tại tội đếm”. Mọi người cười cậu “xàm xí” (chú thích: từ mới, chưa có trong từ điển tiếng Việt), hỏi đếm gì mà có tội, cậu nói đếm tôm. Ở đâu người ta trút lủ tôm đổ cái xào vô cần xé, nhảy xoi xói chớ ở đây tại mình đếm mót từng con. Vô con nước, sáng ra nghe nhà nầy hỏi nhà kia hỏi hôm nầy được mấy con là rầu, là biết còn nghèo hoài đây.

Ba tôi làm thơ lại, máu thơ cũng bị nhiễm mặn, ông viết cái gì “Tháng ba. Con tôm co rúm dưới bùn” rồi cái gì “Cà một đời lặn ngụp nông sâu”. Tôi nhớ đại khái vậy, tôi khen “Thơ ba hay, thiệt là mang nỗi buồn lớn lao của người nông dân”. Ba tôi cười, hay gì, mấy ông trong Bộ Tài chề đọc nghe mùi nhưng khó hiểu quá. Cậu Tư “Biết Tuốt” còn biểu sao không làm thơ như vậy, “Bữa nay tôm chết thấy buồn. Ngày mai tôm chết lòng còn buồn hơn”, coi giản dị không?

Giản dị, mà buồn. Trong những câu chuyện về cái chòi “văn hóa” của ba tôi, cậu Tư nổi lên như nhân vật chính. Cậu hơi lùn, dáng đi túc tắc, tóc xoăn, hàng ria mép cục cựa mỗi khi cậu cười hi hịch. Cậu nghèo nhưng lúc nào cũng lạc quan tếu, lúc nào cũng nói hơi quá lên, cậu cười nói, “Năm nay chịu khó ăn tết bèo vậy nhưng năm tới khác à nghen. Tôi vừa thả hai chục ngàn con tôm giống, giờ chắc còn cỡ mười ngàn, chừng tháng ba tháng tư tôm trúng bể tay. Tôi đãi mấy ông uống bia mệt nghi”. Trời đất, tôm lội ngoài đầm mà cậu

còn biết còn bao nhiêu hao hót bao nhiêu, làm như “ở dưới” lên vậy, đúng là “tài như Sinbad”. Ba tôi hơi khó tánh, đòi khi cũng muốn chơi chơi nhưng nghĩ, cậu là nông dân, nông dân là vậy, khổ như cô Lựu mà không thôi hy vọng. Con người mà tắt hy vọng thì chết còn sướng hơn.

Nên mới vừa ngồi uống trà than thở chuyện nợ nần đây mấy cậu đã bảo nhau, thôi đừng buồn, cũng sống được hà. Tết tới thì ăn Tết. Bộ hồi nào giờ hông biết nghèo là gì sao (nông dân mà không biết nghèo, hỏi ngộ?). Thấy vậy chớ không có sao hết, mót mấy trái dừa ồm nhóm dài nhằng vì nước mặn xuống, lạng ra bỏ đường vô xào qua xào lại là có món mút dừa rồi. Nhà tui còn bịch gừng đem lá kia, mấy ông biểu vợ lại, tui cho. Lựu củ bự làm mút gừng, còn lại mấy củ còi, vụn, mua thêm trái khóm vắt lấy nước ra ngào là thêm được món mút dèo. Ráng tới con nước rằm làm gì không được mấy trăm ngàn để mua trứng, bột nướng mấy ký bánh bông lan, quan trọng là tụi nhỏ có cái để ăn. Con nít mà, có ăn mới vui. Còn tụi mình ba ngày Tết có đi đâu xa đâu, lòng vòng lại nhà nầy chòi kia, nhậu với cá phi xẻ khô, xin nằm ngủ, gió trời còn ngon hơn máy lạnh, sướng như tiên.

Tinh dậy đã là năm mới. Thấy mình tươi mới, thấy bao nhiêu khó khăn trôi qua hết, thấy mình còn ngon lành, còn sức để đi tiếp cái đời nông dân khổ nhọc. Hy vọng con nước tới, lúa tôm tới, mùa tôm tới lại bắt đầu. Cổ tích ngày xưa thể nào cũng có thật. Những con người lam lũ cả đời xứng đáng được trả công.

Ăn Tết như vậy, coi có phải thanh thản hơn người thành

phố không. Tháng Chạp ngoài đó người ta cũng chạy toi bời. Thấy cái gì cũng muốn mua, cái gì cũng muốn có, vật chất thiệt là cám dỗ, làm cho người ta khổ sở không ít. Cũng là dịp người ta buôn bán mà. Nội chuyện quà biếu cho sếp thôi lo cũng ồm. Mua lạp xưởng cá khô thì sợ người ta cười cho toàn đồ bỏ. Mua rượu Tây thì chai coi không được, phải đủ cặp, mà một cặp thì hết lương rồi còn gì. Chưa hết, chuẩn bị quà xong lại mất mấy ngày để chuẩn bị đem đi. Làm sao cái mặt dày dạn cỡ ôbi bán không lúng. Hờ vậy, có khi người ta ngó tay mình chớ có để ý mặt đâu.

Nên thí dụ có ai rủ đổi, người Bộ Tài dễ gì chịu.

Quán nhớ

Trong đám bạn nhỏ cùng xóm, lớn lên tản mác, chỉ nó là người đi xa nhất, cách núi sông đã đành, mà còn cách biển, bên này bên đó không thể cùng một lúc ngắm mặt trời lên. Lâu lắm nó mới về, nó bảo, bây giờ xứ mình cái gì cũng khác, nhờ có tình bạn tụi mày mà tao còn biết đường về, nhờ một thứ nữa là cái tiệm tạp hóa của dì Hai, may, cứ nhìn tiệm đó mà tao không lạc.

Lối sống văn minh không làm nó quên tiếng “tiệm” ngày xưa, ngày mà cả nó và tôi còn nhỏ xíu. Ngày nào má nó cũng kêu thằng Út ơi, thằng Út à, chạy lại đằng tiệm mua giùm má chút đồ. Buổi sáng chạy mua tương, mua củi về nấu bữa cơm sớm cho má nó lót lòng đi phụ hồ, ba đi đập xích lô. Trưa cả hai người về, nó mua đường cát về khuấy một ca to tương nước chanh, cả nhà xúm lại uống cho đỡ mệt. Chiều xách chai mua dầu về thắp đèn, bữa nào ba nó vui, muốn nhâm nhi với mấy ông bạn, nó đóng thêm xị rượu. Nó biết đi tiệm mua đồ từ lúc còn chưa nhận biết mặt của tờ giấy

bạc, ở nhà đưa tiền, nó chạy lại xòe ra mấy tờ bạc bèo nhèo đưa dì Hai, “Má con dặn mua hết bi nhiêu đồng muối”. Dặn mua ít món còn nhớ, dặn nhiều nó phải vừa đi vừa nhăm, gặp cái chạc cây, vấp ngã, quên mất, lại phải mếu máo chạy về hỏi lại. Ở nhà sai biểu cái gì còn mê chơi, dùng dằng chứ bảo đi tiệm là nó te tái đi ngay. Mua món đồ còn dư một vài trăm, thế nào dì Hai cũng thối lại bằng mấy cục kẹo chanh, kẹo dừa xanh xanh đỏ đỏ, ngọt dai đẳng cả một tuổi thơ của đám con nhà nghèo.

Tiệm tạp hóa của dì Hai cất dựa mé sông. Nhà nhỏ, hàng hóa chất đầy ra lối đi, treo lùm chùm liu diu không thấy được đầu người. Nhỏ vậy, chật chội vậy mà dường như hỏi món gì cũng có, gạo, củi, mắm muối thì nói gì, tiệm có cả những thứ năm khi mười họa mới bán được một lần. Chen chúc nhau những kệ cao, kệ thấp, thùng nhỏ, thùng to, hũ sành, hũ mù... không có cái thứ tự nào cho món lớn nhất như sịa nia thùng mủng, nhỏ nhất như cục đá lửa, cái dao lam... Bạn tôi nói với tôi rằng, mười mấy năm qua, mỗi lần bước vào những siêu thị hàng hóa bày bán hào nhoáng, nó vẫn thường nhớ tới tiệm của dì Hai, nó nói có một cái gì đó đầy sự sống, ấm áp trong cái quán hàng bẽ bộn, hỗn độn của dì. Nên nhớ nhiều lắm. Nhớ chùm cốm gạo treo trên vách, mấy cái kẹo đựng bánh kẹp, bánh men, cái diệm đựng củ cải muối để kẻ bên rổ hột vịt, ở góc nhà là thập đường mía vàng ươm óng. Một lần nó lên lấy tay mút thử, dì Hai rầy, “Cái thằng, sao ở dơ ở dáy vậy con, sao không nói để dì lấy dao xấn cho”. Nó còn nhớ nắp đậy trên cái lon đựng tiền lẻ của dì lúc nào cũng dính dăm dấp

bột gạo, bột củ năng. Qua bao nhiêu năm rồi, nó vẫn thắc mắc, tự hỏi, làm sao dì nhớ rành vị trí từng thứ hàng hóa trong tiệm của mình, để người ta hỏi cái gì, dì lệ làng, phẩm phẩm lôi ra ngay thứ ấy, mà từ cái chỗ đôi khi ta không ngờ tới. Tòì cười, với dì, cái tiệm đó có một trật tự riêng, tụi mình không biết được đâu.

Bởi dì đã mở tiệm hàng nầy từ lúc chúng tôi chưa được sinh ra. Có vài ba cái tiệm như thế cho xóm lao động nghèo nhưng không cái nào lâu đời như tiệm của dì. Mỗi gia đình trong xóm nhỏ nầy, ai đi ai đến dì rành hết thấy. Buôn bán lâu năm, dì còn thuộc rành nét ăn, xài của từng nhà. Như cậu Ba chỉ thích ăn bí hằm dừa với đường mía, vừa ngọt vừa thanh, dì Chín mê món cháo trắng ăn với củ cải xá bầu, sáng nào cũng nấu, nhà mợ Bảy thích xài xà bông bột hơn loại kem... Với cư dân trong xóm, khi đã vượt qua được đặn cơm ngày hai bữa thiếu trước hụt sau, ai cũng tự hỏi, hỏi đó sống sao được nếu vắng những tiệm buôn bán lẻ trong xóm mình ha. Làm ngày nào đủ chi ngày ấy, đủ hai ký gạo, hai trăm đồng muối, năm trăm đồng đường, với bột ngọt, tương, chao... lất nhát, vụn vặt, không người bán biết mua ở đâu. Rồi mấy đứa con gái đến độ đoảng như tôi vất vả biết chừng nào, đôi khi không lấy được chồng chứ không phải chuyện chơi, vì lâu lâu vô bếp một lần, đang nấu canh, kho cá, tá hỏa lên trong nhà hết đường hết muối, sai đứa con nít chạy lẻ ra tiệm mua về nêm vắn kịp, thiệt hú hồn, may quá. Lớn lên, xa nhà, đi rày đây mai đó, nhớ về xóm cũ, từng cái cây ngọn cỏ, con đường dường như mỗi thứ đã trở thành một phần đời... Cả cái tiệm

tạp hóa bình dị, mộc mạc của người đàn bà góa chồng hiền hậu mà cả đời chẳng đứa nào quên tên gọi: dì Hai.

Nó lại thăm, dì Hai than lúc này già cả rồi, con mắt ngó không thấy đường, đêm nào cũng nghe đau nhức mình mẩy. Dì nắn bóp tay nó (cái bàn tay chuyên môn lên quệt đường mía ăn), khen lúc này con lớn quá, mập ra. Nó cười, thì mười mấy năm rồi còn gì, xóm xưa trở thành phố thị, hàng quán tíu tít mọc lên. Mọi thứ đã đổi rồi, sao dì với cái tiệm của dì không thay đổi gì hết vậy? Dì Hai cười, nếu cái gì cũng đổi hết thì bây biết đường đâu mà về.

Tôi thấy chút xíu nữa nó đã rót nước mắt. Nó nén lòng, mếu máo cười, bảo: “Lâu quá, hổng ăn kẹo của tiệm dì Hai, dì bán cho con năm trăm kẹo đi, dì!”. Dì cười, “Cái thằng, buôn bán gì, lâu lâu con mới về, dì đái”, rồi dì lụm cụm lấy cho nó một vốc kẹo dừa.

Hồi xưa nó cùng mê chỉ mỗi món kẹo dừa, mê tới mức cả hàm răng sún hết trội.

Chợ bên đường

Gióng như đồng lúa rơm nghi ngút khói bên đường, những cái chợ nhỏ làm ấm lòng kẻ rong ruổi trên những con đường đầy bụi và sương, nắng và gió.

Chờ đợi ngọt hai mươi lăm năm sau chiến tranh, Cà Mau mới có đường về năm huyện. Những con đường còn hoang vắng, thô sơ. Một mình một ngựa... nó chạy rong chạy ruổi lóc cóc xuyên qua những cánh đồng gốc rạ tươi thơm, hai bên đường là bờ sậy, bờ chuối rậm rì. Làng quê yên ả. Những ngôi nhà im sầm buổi sớm mai. Người lớn ra đồng, trẻ con ngồi đọc é a bên cửa sổ, mấy con chó còi¹ lông vàng lem luốc vừa ngựa cổ sủa rân trời vừa rít đuổi theo đằng sau xe, lòng tự dung thấy lạc lõng, cô độc lạ lùng. Rồi chợ, chợ trước mặt, ôi ấm lòng làm sao những ngôi chợ nhóm bên vệ đường.

Chợ lúc nào cũng nhóm ngay đầu cầu, trước cơ quan xã

1. Chó còi: tiếng địa phương, chỉ chó gầy ốm, còi cọc.

hay đầu cống đá vào xóm kinh. Như người phụ nữ chân què, chợ nhỏ nhoi, hiền hậu, trầm tính dịu dàng. Mấy rổ hàng con con, mười người phụ nữ tay lấm áo lem ngồi với nhau là thành chợ, đông nữa, hai ba mươi người cũng gọi là chợ. Không cần lặn lội khuya lơ khuya lác như đi chợ thị xã, cứ chờ cho sáng ra, bắc nồi cơm lên bếp cái đă, rồi dùng đinh xách hàng ra chợ. Đã hiểu nhau về hết thầy nổi nhọc nhằn nên người mua không nặng nề mặc cả bon chen, người bán cũng chẳng đánh đă chua ngoa như kẻ chợ, hình như họp chợ chỉ để trao đổi, san sẻ với nhau những gì mình có. Bán đi những trái dừa khô để mua lại mớ rau càng cua về trộn dầu giấm chấm mắm kho, bán mấy trái khố qua đấng để mua ít đinh cải bẹ xanh về nấu với mớ cá rô mẻ mới giăng lưới được sáng nay. Cà cá, cà rau, cà trái đều bán theo mớ, hiếm hoi lắm có dì có được cây cần đòn loại 12 ký, trái cần lò dò đặt trên cái đòn đã mòn những khía, tỏ con mắt cũng không thấy số ký nằm ở đâu. Ôi, có hề gì chuyện nặng nhẹ đong đo, lòng người ta tin nhau đầy ắp kia mà. Buổi sáng sao mà dậy mùi thơm nồng hăng của rau húng lủi, húng cây, rau cần nước, cần rừng. Bày ra đó, không phải chăm chăm trông chừng hàng hóa, chị em chụm lại rôm rả với nhau chuyện chồng con, chuyện hàng xóm, ruộng lúa, vườn cây... (chuyện xóm quê mà, nói biết chừng nào cho hết). Thành ra chợ không chỉ để bán gà, bán cá, bán rau củ trong vườn nhà mà còn gói gắm thông tin cho nhau nên chợ ít người mà vui, mà thấm đượm nghĩa tình cũng vì lẽ đó.

Chợ không chỉ độc đáo vì bản sắc bình dị, nó còn độc đáo ở những mặt hàng mà nó bày ra. Thì mớ tép rong ôm

một bụng trứng xanh rờn còn ướt rượt nước mới cất vó từ dưới kinh lên đó, thì mớ cá lòng tong, lìm kìm, cá mè con con nhảy tung nhảy tóe, nhảy đến tróc lớp vảy óng ánh ra, thì kia, rổ trái giắc¹ trái tròn tròn, bóng mẩy như viên đạn cu ly², rồi những cọng năng trắng muốt thơm ngai ngái mùi bùn, mùi nước trên đồng... Những thứ này, ở thành phố có thêm cũng chịu thua, có lang thang hết chợ này sang chợ khác tìm kiếm tảo tần chưa chắc có.

Trên những con đường mới mở còn lơ thơ nhà, lơ thơ hàng quán, đi một đoạn xa ới là xa, thêm hơi người thì gặp chợ, hỏi làm sao không vui. Qua chợ bên đường, lòng nghĩ, thôi, làm như mình chưa biết gì về luật giao thông, không nhóm chợ nơi đây thì nhóm ở đâu bây giờ, đường sá chờ mấy mươi năm mới có, phải kéo nhau ra đó ngồi buôn bán, phô bày bộ mặt tươi mới của nông thôn, tiện thể dòm xe qua lại cho vui chớ. Bây giờ có kéo nhau xuống đập dưới kia mà nhóm chợ, anh bạn mình làm sao mà trông được cái cổ cao cao, cái cười giòn tan, tươi tắn của cô nhỏ bán hàng, rồi nhớ hoài, nghe ngọt ngào hoài? Thì ra, giữa những quãng đường xa ngái, chợ còn có nhiệm vụ là nhóm lên một bếp lửa đời, cho cuộc hành trình bớt xa đi.

1. Trái giắc: loại trái mọc hoang, nhỏ bằng đầu ngón tay cái, khi chín có màu đen, có vị chua, thường dùng nấu canh chua.

2. Viên đạn cu ly: viên bi thủy tinh mà trẻ con thường chơi.

Tôi lần nào qua chợ cũng giật mình, làm như gặp lại người nào đó, mà lâu lắm rất quen nhau. Hình như má, hình như chị, mà hình như giống hệt mình đang ngồi đó, quanh mình ngọt ngào buổi sớm mai trong.

Ngậm ngùi Hưng Mỹ

Hôm trước gặp chị, chị khoe đang viết cái ký “nhớ đồng”. Tôi hỏi vặn chơi, nhớ đồng là nhớ những gì, chị cười buồn, nhớ lúa, nhớ vườn, nhớ dòng nước ngọt ngào năm cũ. Nhớ cái hồi dân xứ chị nghèo nhưng trong bồ có lúa, ngoài vườn có rau, dưới ao có cá, hồi nghèo mà thanh thản, chưa phải chịu cảnh nợ nần chồng chất đến nổi, hột muối, chén cơm, chai nước mắm bà con ăn đều là từ tiền vay hết.

Thú thật là hôm ấy tôi đã cười thầm trong bụng, nghĩ, làm gì mà khổ dữ vậy, chắc cái chị nầy nói quá lên. Nhưng rồi tôi đã đi Hưng Mỹ, chị à. Ở đó, tôi then thò nhận ra, Hưng Mỹ là đây, Thị Tường là đây, cái quê xứ anh hùng nầy chẳng có gì khác xa lời chị kể.

Hưng Mỹ quê chị nằm giữa Phong Lạc và Phú Mỹ, ba xã vòng tay quây lấy Đầm Thị Tường. Đây là vùng căn cứ nổi tiếng hai thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ. Anh là người Cà Mau, nếu anh từ hai cuộc chiến tranh thần thánh ấy ra, hẳn anh còn nhớ cái vị ngọt đậm của những hạt cơm được gặt

từ những cánh đồng quê xứ nầy. Nhớ những người dân áo vá, chân bùn nhưng một lòng theo Đảng, theo cách mạng. Nhớ hàng ngàn cái hầm đào dưới những vườn dừa bạt ngàn mà người Pháp, người Mỹ không tìm được lối vào vì miệng hầm nằm trong trái tim mỗi cụ già, em nhỏ. Họ dũng cảm, kiên cường, hào sảng rộng rãi mà cũng rất giỏi giang. Chúng tôi tin rồi, chị ơi, thương quá chừng bà con Hưng Mỹ, nhất là những người mẹ, người chị, khách vừa đặt chân đến thăm nhà đã hối hả bắc nồi cơm lên bếp, biểu "Làm gì làm cũng ăn bấy ba hột cho vững dạ ghen con". Lời mời tình cảm, hồ hởi đến mức mình không nỡ chối từ, dù cái thanh âm của cái lon sữa bò chạm vào đáy thạp gạo nghe cồn cào, xót xa trong bụng.

Thương quá chừng bà con Hưng Mỹ, chị Ngờ ơi. Ba mươi tháng tư nầy nữa, là tròn hai chín năm hòa bình, con đường quốc lộ về ngang qua xã vẫn ca hoài bài "Đường chỉ đẹp khi còn... dang dở", xã có 3.911 hộ đã ngót 251 hộ nghèo, 13 ấp thì một ấp rưỡi chưa có lưới điện. Ai sai ai biểu mà cái nghèo vẫn còn tận tụy với Hưng Mỹ dữ vậy không biết.

Thì tôm chết triển miên, chết suốt ba mùa chuyển dịch rồi, hỏi dân làm sao không nghèo. Ở ấp Rau Dừa C, thậm chí chẳng có được con đường lành lẽ để nối các xóm với nhau, nên ấp giống như một cái đảo nhỏ. Mùa mưa, nước ngập các mương ranh, mỗi nhà là một ốc đảo nhỏ hơn. Những năm 68, 72, nơi đây là căn cứ cho nhiều cơ quan trọng yếu của tỉnh như Dân y, Quân y, Binh vận, Ban chính trị Tỉnh đội... Với cách mạng, chén cơm bà con từng xẻ nửa, hạt muối chia đôi, vậy

mà giờ đây, cái cảm giác bị quên lãng đau đáu trong lòng. Coi lại, Rau Dừa C chưa có công trình phúc lợi công cộng nào gọi là được con mắt. Đường không, cầu cũng không, có ngôi trường tiểu học dựng tạm bằng cây lá tạm bợ từ hồi bão số 5 giờ đã bêu xệu như răng ông già, mùa mưa, trường ngập lụt mất cả học trò. Coi lại, những người đã từng sống, chiến đấu ở đây đã chẳng ai trở về thăm, để cùng ăn với nhau nồi cháo cá, cùng uống với nhau ly rượu, nhắc chuyện xưa, cái hồi bà con Rau Dừa mình nghèo mà tốt quá trời đất... Chẳng ai trở lại...

Bây giờ đất nầy còn nghèo hơn trước, cái nghèo lừa mị người xứ xa, lừa mị những ông quan kinh lý ưa kiểm tra lột lột. Chú Sáu Tấn, nhà ở Kinh Ngang báo, “Trời ơi, cô đừng thấy bà con cất nhà mái tôn mới cầu, dưới bến có xuồng có máy mà lầm tui nầy giàu, cô phải vô tới trong bếp để coi hũ gạo, coi túi tiền của tui tui. Nó trống trơn thôi. Coi cái vô vậy chứ trong ruột tan nát hết”.

Nhà chị Võ Thị Nga nằm trong số đó. Ba năm chuyển dịch, tôm chết triển miên, nợ hơn mười triệu ở ngân hàng. Không sống được trên năm công ruộng nhà, chồng chị làm thợ mộc kiếm tiền mua gạo. Anh vái hoài, vái trả hết nợ anh cạo đầu, rúi quá, tới bây giờ tóc vẫn còn nguyên. Anh chị có bốn đứa con nhưng ba đứa đã thôi học. Chị chỉ cậu con trai đầu lòng của mình, giọng rười rượi, “Tội nghiệp thằng nhỏ, học hết lớp mười hai rồi mà không có tiền, tui bắt nó nghỉ. Tương lai của nó, tui coi như xong rồi”. Trí tật nguyên do sốt bại liệt hồi sáu tháng tuổi, biết mình không làm được việc đồng

áng như người khác, em dồn sức vào việc học. Nhưng cái mơ ước trở thành bác sỹ đã tan mau như mây, phù phàng như chẳng có cái hồi mẹ công em tới trường ngày hai buổi, như chẳng có những đứa em tình nguyện nghỉ học để cha mẹ dành dụm cho anh... Chị Nga rần rần nước mắt, “Còn nhớ Út, con nước nào cũng vái ông bà phò hộ cho trúng vuông để được đi học tiếp. Mà, hồng biết chừng... Hồi sáng nầy bán tôm được 24 ngàn, có nhiều đó mà phải lo gạo, dầu hời, nước mắm, đưa ông chồng tui bỏ túi đi làm chỗ xa, hời tiền đâu cho nó... Tui làm mẹ mà, đau chó sao không, cô?”.

Gần đó một đối đường là nhà chú Bảy Chà, được coi là nghèo nhất ấp. Đó là một căn nhà nhỏ và rách tả tơi đến mức khi bước vào tôi muốn rơi nước mắt. Nhà có ba bộ vật và đập bằng ván vụn chừng bốn lớp, hai cái võng cũng tua tũn như xơ mướp. Chú nói, “Trận mưa đầu mùa hôm rồi, tụi nhỏ ướt hết, phải cuốn mùng chạy. Mà, chạy chỗ nào cũng dột”, rồi chú ghen lại, “Khổ như chó...”. Tôi bước vào gian bếp ngoi ngóp khói, ngó nồi cơm trộn khoai bắt đầu lên tim. Gia đình chú Bảy không đất canh tác, sống bằng cách làm mướn, làm thuê. Mỗi tháng, thím Bảy lĩnh tiền chính sách (chồng trước của thím là liệt sỹ) được 150 ngàn. Hỏi cô con gái tên Trang đã học tới lớp mấy rồi, cô cười, nghèo quá, mấy anh em em hồng ai biết chữ. Rồi cô lặng lẽ nhìn ra sân, chỗ những đứa trẻ đang chơi, lê lét cái mông trần trên đất, tóc cháy vàng, gầy gò, khô khốc. Hỏi anh Nguyễn Đồng Khởi – trưởng ấp Rau Dừa C về việc nhà chú Bảy chưa được cấp sổ nghèo, anh trả lời, “Các ấp khác trong Hưng Mỹ mình đã

có rồi, nhưng riêng Rau Dừa C vẫn chưa. Tại sao mà kỳ vậy hả? Tại hồi làm thủ tục, Ban chính sách nhập nhầm làm lộn hai cột *thoát nghèo* với *còn nghèo* nên phải chờ làm lại". (Ở đây cũng có vài chuyện hơi bị... lằng xet hả, chị Ngờ, thí dụ như chuyện kéo điện, một xóm nhà lẻ ra phải cắm hai mươi cột nhưng dự toán thế nào chỉ cắm có mười tám, thành ra còn sót lại một khúc xóm, bà con phải xúm nhau tự mua điện giá trên trời mà chất lượng thì ở dưới đất).

Buồn cười, tới đây thì con Tư "lý trí" xuất hiện và chúng tôi cãi nhau. Cứ mỗi lần được nghe những quan điểm trái ngược nhau từ người dân và chính quyền, nó lại tới "để giữ cho bạn thật tỉnh táo. Tụi viết văn hay sống theo tình cảm, có lúc cũng không nên". Nên thấy cái cảnh tôi sục sục cảm thương, nó nháy xỏ vào, "Ở xã người ta nói ông Bảy nẩy nhậu nhẹt tối ngày, mấy đứa con thì hỗn hào, phá làng phá xóm, đừng thèm thương". Tôi hỏi, "Nếu bạn là chú thím Bảy, sinh ra những đứa con như vậy, bạn có buồn không, Trang hơn hai mươi mà thân hình như mười ba, mười bốn; Dương mười một tuổi mà thua cậu bé lên năm. Nhà lại nghèo như vậy, hỏi chú có buồn không? Và nếu thiệt những đứa trẻ nẩy không được tử tế lắm, có phải vì chúng thất học, chúng thiệt thời không?". Con Tư "lý trí" im lặng, nhưng nó không chịu thua, nó đang tìm lý lẽ để tranh luận tiếp, tranh luận dài dài.

Nên chúng tôi vẫn phải lờm lờm ngó nhau khi nắng cuối mùa đang đỏ ủa trên đầu, chúng tôi vòng qua chợ Rau Dừa đi Thị Trường. Cái ấp Thị Trường của chị Ngờ của mùa gió chướng, của những bờ kinh bông so đũa nở trắng trong ký

ức của chị đây, chị Ngờ ơi. Mà, thiệt buồn thay, cũng là Thị Tường làm tôm thất bát nhất trong số 13 ấp của Hưng Mỹ. Cả ấp có 365 hộ hết 105 hộ nghèo, năm nào huyện cũng lên cứu đói chừng năm ba chục hộ. Học trò từ cấp hai trở đi bắt đầu bỏ học, đi làm mướn, mà cũng phải làm mướn xứ khác, chứ đất nầy ai cũng như ai. Nhiều thanh niên của Thị Tường bây giờ đang ở biển, ở rừng, mỗi mùa gió chướng rao rao lại cồn cào nhớ quê xứ. Tôi nhớ có lần hỏi chuyện làm ăn của bà con ở quê nhà, chị nói, “Hồi đó Thị Tường có “ba không”, không theo giặc, không bỏ Đảng, bỏ cách mạng... bây giờ “tùm lum không”. Không gạo, không tiền, không cá, không rau cỏ...”. Môi trường nước mặn quá khắc nghiệt, người ta sống còn muốn le lưỡi, nên gà vịt chim cò cũng vắng hoe. Qua nhà anh Tám Hải, thấy vẫn còn cặm cái bảng bán đất, nghe kể thì đã dựng bảng hơn một năm rồi, chẳng thấy ai tới mua, nghĩa là số đó vẫn ở ngân hàng, nghĩa là món nợ sáu mươi triệu vẫn còn nguyên tròn đó. Chúng tôi ra chỗ Mũi Ông Lục, chỗ mà chị đã từng gọi là “đất trắng”, mà thương chị thật lòng. Ở đây, cái thứ lau sậy lì lợm là vậy mà ngó bộ sống cũng vất vả. Chúng xơ rơ cháy đến phai cả màu vàng, chỉ thấy thân sậy trắng bệch ra, rụi ngọn trên những bờ đất khô nẻ. Không có một thứ cây nào khác sống ở đây ngoài những đám lau sậy nầy, nên trắng đất hoang vu tràn đến những bìa dừa xanh thăm đàng phía chân trời. Nước dưới kinh trong tới đây, thấy cả mấy con cá óm nhằng lội tới lui. Khu vực nầy gồm 251 héc ta, trước đây đất hoang hóa, cây tạp mọc thành rừng, máy bay Mỹ rải thuốc mấy lần, đất trở thành đất trắng. Anh Vương

Thanh Dũng, trưởng ấp Thị Tường cho biết, “Chỗ nầy bà con mình cũng vừa vào đây khai phá hồi năm 80, 81. Nghe mấy ông kỹ sư nói cái thứ phèn nầy độc dữ lắm, nên hồi làm ruộng cũng thất te tua, lúa bắt đầu trở là queo ngon, chết queo. Năm 99, nhà nước làm thủy lợi mức đê Ông Lục, dân Ông Lục năm đó mừng húm, vì làm lúa bắt đầu trúng. Nhưng cũng được có một năm thôi, bắt đầu chuyển dịch, bà con còn nghèo dữ hơn trước... Mới đây chừng hai tháng, ở Sở Thủy sản cũng có người xuống, nghiên cứu coi đất nầy hợp với cây gì, con gì, quy hoạch ra làm sao để tính lại con đường sống cho bà con. Mà, chắc cũng lâu...”. Và sự chờ đợi đã mòn mỏi, nên trong xóm đã có người cho mượn ruộng với giá rẻ để qua U Minh thuê đất ruộng. Nói chuyện mượn đất, anh Dũng kể cái hồi Cái Nước bắt đầu chuyển dịch, dân Đầm Dơi chạy qua mượn ruộng quá trời, tưởng bên nầy cũng ngon như ở bên, nhào vô Mũi Ông Lục chừng năm rưỡi đã chạy mất, chạy không kịp trả đất. Rồi anh chừng giọng xuống, “Tui thấy phải làm thủy lợi cho ngon dân mình mới có cơ hội thoát nghèo cô à”.

Tới đây thì chúng tôi lại cãi nhau nữa, chị Ngờ ạ. Con Tư “lý trí” nó nói thiếu điều văng nước miếng, “Bà con cứ đổ thừa thủy lợi kém nên tôm chết, nên nghèo hoài là không phải. Ngay từ đầu Hưng Mỹ cũng như Cái Nước làm đề án là vụ lúa vụ tôm, tui nói đúng hôn? Nhưng bà con mê tôm quá nên bỏ bê cây lúa, nên đất bạc màu, nguồn nước bị ô nhiễm, nên tôm lụi đầu, nên hổng có gạo ăn, tui nói đúng hôn? Đó, anh Huỳnh Công Trí, chủ tịch xã cũng có nói đó, bây giờ đã nghèo túng, nợ nần như vậy mà bà con còn dửng dăng chưa chịu

làm vụ lúa vụ tôm. Bà con sợ làm lúa rồi cực khổ hôm sớm
chớ gì, tui nói đúng hôn?”.

Tôi không tranh cãi gì hết, tôi hỏi, “Bạn còn nhớ cái kinh
Ngang chỗ nhà chú Sáu Tấn mình vừa đi qua không. Mùa
này, kinh cạn chỉ còn non một thước. Xuống chạy qua, sinh
cạn cồn lên đục ngầu, nước này thì làm sao bơm vào đồng
đây. Ngược lại, bà con cũng không thể tháo nước, xổ phèn
khi mực nước kinh thấp hơn cả trong ruộng. Nên bạn thấy
đó, những cánh đồng trơ nê đất như người ta bắc cái chảo
lên bếp rồi kho cho cạn. Làm sao tôm không chết thành dịch
khi người này vừa bơm nước ra, người khác lại lấy nước vào?
Ba tôi làm ruộng ở Rạch Bộ Tời, đêm nào cũng cạnh chờ
con nước lớn nửa đêm, cả xóm kinh rủ nhau ra tát, năm cái
máy bơm hút nước chừng nửa giờ đồng hồ, rạch đã cạn trơ
lòng. Rồi ai nấy ngồi thừ ra, muốn khóc. Nhà nước còn
nghèo, lại thương hết thầy mọi người, nên nạo vét dần trái
ra, không đồng bộ, có con kinh ngang được mức nhưng hai
kinh dọc thì không nên nước khó chảy tới lui. Hệ thống thủy
lợi như vậy thì làm gì cũng khó, kỳ công rửa mặn, tháo nước
để trồng vụ lúa trên đất nuôi tôm còn khó hơn. Vì chi phí
cao lắm, tiền đâu?”.

Tiền đâu khi nợ cũ vay để cải tạo kinh mương hồi mới
“chuyển dịch” bây giờ vẫn còn nguyên đó, trả lãi còn vất
và đừng nói chuyện hoàn vốn để vay lại. Người dân Hưng
Mỹ nợ ngân hàng trên ba mươi tỉ đồng, hy vọng trả được
rất xa xôi, mờ mịt. Anh Nơ, chạy đồ bao ở chợ Rau Dừa
kể, “Ông Trọng ngoài Ngân hàng Công thương vô đây hoài

chớ gì, chả biếu tui chạy đưa đi lòng vòng để đòi nợ. Riết rồi tui biếu, thôi cha nội ơi, đi hoài cũng đâu có được gì, rồi mắc công cha nội cần nhằn cừ như. Coi cái cảnh bà con ở đây, chạy gạo từng bữa còn đuổi nói chi trả nợ”.

Nên có người lên tiếng, phải chi nhà nước chịu lấy đất trừ nợ, tôi buông xuôi cho rồi. Chớ bây giờ, nhớ tới nợ, ăn ngủ không yên, lúc nào cũng thấy bồn chồn.

Chị Ngờ ơi, tôi có cảm giác cái nghèo giằng ra sẵn những cái bẫy mà bà con nông dân mình đi lẩn quẩn thế nào vẫn quay về ngay trần chỗ ấy. Những người tốt, những người lam lũ cả đời chẳng được (hay chưa được) đền đáp.

Nhưng lạ là không bao giờ họ tắt đi niềm hy vọng, chị ạ. Bà con khoe với tôi, nghe râm ran mùa tôm về dài theo mé Đầm Thị Tường bên Phú Mỹ, bên đó mấy năm nay cũng khổ, nhưng bây giờ coi bộ đỡ lắm rồi, nghe mấy ông thầy coi nước nói năm nay tôm tép khá lắm đây. Tôi chưa mừng tượng được về mấy ông thầy coi nước, không biết có giống thầy bói không, không biết có phải là những lời an ủi, vực nhau đứng dậy rồi bị đốn đại ra không nhưng tôi biết ơn mấy ông lắm lắm, khi nhen lại cái khát vọng sống trong lòng người Hưng Mỹ.

Ờ, sống để mà bước tới.

Nguyệt – người bạn không biết viết văn

Với bạn học cũ, tôi luôn luôn dựng lên cảnh ngày gặp nhau thật huy hoàng, bữa đó có thể là ngày họp lớp, đám học trò xưa vừa ăn tiệc đứng vừa nhắc kỷ niệm ngày xưa. Nhưng tưởng tượng cách xa thực tế, tôi gặp Giàu ở bến tàu, nó chạy xe ôm, gặp đang lúc nó đang đỏ mặt tía tai giành khách, nó giật gió xách tôi, thiếu điều bồng tôi quăng lên xe của nó. Tôi gặp Tiên đang làm kế toán viên của ngân hàng, bữa tôi lại làm thủ tục vay vốn, nó cứ càu nhàu, sao cái hình trong giấy không giống người ngoài đời, còn mặt ruồi dưới cằm đâu? Bữa gặp Nguyệt cũng bất ngờ, tôi uốn tóc ở tiệm cạnh nhà Nguyệt, nó nhận ra tôi trước, chạy ào qua, nắm tay tôi lắc lia lắc lịa, mừng thôi là mừng, trong lúc con bạn nó đang ngượng nghịu với cái đầu chôm bôm, tóc tai cuốn từng cuốn như chả giò (Đáng lẽ mình nên xuất hiện trước mặt nó bằng dáng vẻ thanh lịch, tươm tất hơn mới phải

– người viết văn mà). Nó bảo, trời ơi, đúng là con Tư thiệt rồi, lâu quá không gặp.

Rồi nó kéo tôi về nhà mình, tắt tả bụng ly nước lọc ra, miệng riu rít hỏi tôi lúc nãy làm nghề gì, tôi nói viết văn, nó à ra rồi nói với cái giọng tội nghiệp xót xa cho phận con bạn bè bàng:

– Vậy à, ờ, ráng đi, ai biểu hỏi nhó mấy giỏi văn làm chi.

Lời của nó thiệt tha đến nỗi làm tôi tin rằng mình tội nghiệp thiệt, thấy thương quá đi. Người không viết văn sướng hơn mình nhiều.

Thì chuyện của Nguyệt chứng minh điều đó, nó sống vui lạ lùng. Nó bảo, trái tim nó chia ba phần tươi đỏ, “Cuộc đời tao dành cho anh phần nhiều. Phần cho con, phần để cho... phim”. (Tôi ngờ rằng nó cái biên thơ của Tố Hữu). Hai mươi ba tuổi nó lấy chồng, lấy ngay người yêu đầu tiên và duy nhất, không phải tơ tưởng chọn lựa người nầy người kia, không phải lúc nào cũng lơ mơ, thấy thằng nào cười đẹp đẹp là... muốn yêu thêm nữa. Nguyệt thì chỉ cần chăm chăm thương một mình chồng, rồi bây giờ thêm đứa con trai vừa đủ tuổi vô mẫu giáo. Chuyện chi xài trong nhà thì không phải lo, anh chồng làm chủ một cửa hàng máy văn phòng gánh hết. Một ngày Nguyệt lo cơm hai bữa, lo tắm cho con cũng hai lần thêm một lần lo chuyện ngủ cho chồng (Nói tới chuyện nầy nó cười lớn lên bí ấn lăm). Nó giỏi giang, chu đáo, làm việc nào ra việc ấy (chắc là vì không biết viết văn như tôi?). Nấu món nào chồng cũng thích, bạn bè chồng tới nhà hai năm sau còn nhắc bữa ăn cá lóc luộc mè nghe ngon

tối bây giờ. Chủ nhật nầy làm bánh xèo, chủ nhật sau nấu bánh canh, Nguyệt đem cho cha mẹ hai bên, ông bà già cảm động quá chừng, con nhỏ thiệt siêng, hiếu thảo, ngoài chợ bán thiếu gì, làm chi cho cực, con. Nó cười, ra chợ mua không có lòng bằng chính mình bỏ công làm. Họ hàng hai bên có giỗ quây, nhần là nó tới, phụ nấu nướng một tay. Một ngày bình thường bắt đầu từ việc đưa con đi nhà trẻ, nấu cơm xong, thời gian chờ chồng tan sở, nó ủi đồ lớn đồ nhỏ trong nhà, thay dây thun lưng quần cho con, đơm lại nút áo chồng, rảnh nữa coi phim bộ Đài Loan. Nó nói nó không thích phim Mỹ, khó hiểu lắm, hổng giống phim Đài Loan, coi lần nào cũng khóc muốn chết. Tánh nó là vậy, trong sáng, chân chất, chuyện trong phim mà nó định ninh như ở ngoài đời, như thế xảy ra ở trong xóm nó, kế nhà nó. Cảm giác đó lâu rồi trong tôi không còn nữa, tôi rành sáu câu cách xếp đặt, dàn dựng bi kịch, nghề viết văn cũng gần giống vậy mà.

Nên Nguyệt tội nghiệp tôi là phải rồi. Làm sao tôi có thể sống thanh thản, thoải mái như nó, thí dụ như đi chợ, gặp đứa bé ăn xin, nó thương quá móc tiền ra cho rồi thôi, Nguyệt chẳng cần tự hỏi chắc là có một bi kịch nào đó trong nhà đứa trẻ đã đẩy nó ra đường. Không biết cuộc sống nó thế nào, đêm nay nó ngủ đâu? Tương lai nó sẽ ra sao? Nguyệt nhìn con chim bay qua mà không phải nghĩ tầm phào, tại sao con chim nó bay có một mình, chắc cha mẹ nó bị bắn rồi, lúc nầy người ta săn chim, hủy hoại môi trường dữ lắm. Những bữa tối nó thanh thản đi dạo phố với chồng, con, ghé ngả Năm chợ mua

bong bóng bay, hay ăn cháo trắng hột vịt muối, tôm lại là không suy nghĩ gì hết, vui trọn cả tấm lòng. Còn tôi lúc nào cũng nghĩ nhiều lắm, toàn chuyện trời ơi đất hối, nghĩ coi cho ông nọ gặp rồi yêu bà kia như thế nào, nghĩ coi anh lính đó sẽ chết trong tư thế nào, con nhỏ nầy hành động làm sao khi thấy cha nó lấy má ghê...

Nguyệt thì không biết viết văn, hồi nhỏ, nó dốt nhất là môn nầy. Cô Thủy chê nó thiệt tình quá, không biết tưởng tượng mộng mơ, bay bổng. Vậy mà hay, tâm hồn ở dưới đất nên nó biết thịt heo đùi trước mềm hơn đùi sau, cá kèo kho xối ngon hơn kho mặn, còn cá chốt rửa bằng dầu ăn vừa sạch nhột vừa mềm, hãm mấy lửa vẫn ngon như thường, nó biết gạo Tài Nguyên ngon cơm hơn Nàng Gáo, quần áo đồ đồng ở chợ phường vừa tốt vừa rẻ. Nó biết nhiều sự kiện của đầu trên xóm dưới, nhờ thu lượm được của con nhỏ làm móng đạo, rồi quan tâm, bàn tán như thế chuyện của nhà mình.

Nên lần gặp lại nầy, toàn là Nguyệt nói, tí tí chuyện dưới đất trên trời, luôn cả chuyện chính trị, nó chê tổng thống Mỹ không đẹp trai, mặt mày xương xẩu, quạu quọ, nó thương chủ tịch M. vừa mất chức, tội nghiệp, hồi trước giờ nhờ ông mà cả xóm ít khi bị cúp điện, đường sá cũng được sửa đàng hoàng. Rồi Nguyệt nói dài tới chuyện nhà, chuyện nó nhàn chồng đi nhậu khuya, thằng con hồi hôm nầy đái dầm nhưng tuyệt không nói tới văn chương, chẳng hỏi nhau lúc nầy viết được không, nhiều ít, truyện vừa rồi đạt không, rồi ngồi chê búng chê beo tiểu thuyết mới của ông C. nào đó như am hiểu lý luận phê bình lắm. Nó nói có lúc rảnh quá chừng nó cũng

đọc sách, sao không thấy sách ghi tên Tư, tôi hỏi nó đọc sách gì, Nguyệt kể ra nào là “Tình như mây khói”, “Yêu mãi người ơi”, “Mai em theo chồng”... loại sách vừa dễ hiểu vừa có chữ bự coi không mỏi mắt. Tôi cười cười, con Nguyệt thắc mắc “Nhớ hồi nhỏ mấy thèo lèo nhất lớp, bây giờ sao khôn quá trời, bắt người khác nói không à”. Tôi cũng giật mình, ờ, ờ mình hổng biết nói gì, rồi nhìn về mặt lấp lánh ánh cười của nó mà buồn, bao giờ, chừng nào mình mới được sống vui giống vậy? Tôi biểu Nguyệt cứ nói đi, mình thích nghe hơn. Bởi có những chuyện tôi biết thì tôi để dành... viết hết rồi. Bị kịch ở chỗ là cuộc đời này không chỉ có bấy nhiêu thôi.

Còn nhiều chữ, ngoài văn chương thì phú ra, thí dụ như bạn bè. Con Nguyệt khoe, gặp được nhiều bạn bè cũ lắm. Như mới vừa đi đám cưới con Thảo “khoai lang” nè, coi ú vậy mà lấy được thằng chồng đẹp trai, ờ, bữa đó còn ngồi chung Thúy “ở dơ”, bây giờ điều dữ à, mấy ngón tay lúc nào cũng nhón nhón vành vành thấy cười lắm. Như mới gặp thằng Nguyên hồi hôm qua nè, nó ẵm con đi chích ngừa ở dưới phường, thằng nhỏ giống hết nó, tròn vo, ú quây. Như thằng Nghĩa ngày nào cũng lừa hai con bò của ông nội nó ngang nhà, Nguyệt rú nó ghé uống nước rồi đi nhưng Nghĩa mắc cỡ, cầm cây roi quất con bò chạy cà công cà cưỡng, lầm lũi đi mất. Như hôm qua ba cặp vợ chồng Nguyệt, Mỹ, Tho rú nhau đi nhậu ốc lác luộc sả, ốc bươu nướng, mấy đĩa nhỏ khoái lắm. “Ừa, Tư, mấy hổng gặp tui nó hả?”, Nguyệt hỏi, giọng tiếc hùi hụi. Tôi bảo không, à, có, mà không, tôi không có bạn, lúc bạn cần, bạn

tìm thì tôi đang bận viết cái gì đó nên không thể phân tâm mà bỏ đi chơi, đến lúc tôi rảnh rang, sức nhớ, chợt thêm gặp một người nào đó để nhậu, nói chuyện chơi thì không còn ai cả. Có gặp thì cũng như gặp Nguyệt bây giờ, lượng sượng, không biết nói chuyện gì, giống như một đũa ở trên trời, một dưới đất, có chuyện gì chung đâu.

Nguyệt thì chẳng bao giờ có đơn như thế. Nó để dành cả một tâm hồn không vương bận để quan tâm, chia sẻ, chu toàn hết thấy chuyện lật vạt của cuộc đời. Còn tôi thì đang đứng trên biển văn chương mệnh mang chưa thấy đâu là bờ bến, đường đời cũng dờ sống dờ chín, chưa đâu tới đâu, hai vai không trọn vai nào.

Bữa gặp Nguyệt về, tôi ngơ ngẩn hết mấy ngày. Nhớ cái cảnh nó vừa chống mõng lau nhà vừa nghe nhạc, loại nhạc mang âm hưởng dân ca lời lẽ cực kỳ dễ hiểu kiểu như “Nhà anh, giậu đổ bìm leo mà nhà em rào mấy lượt rào, hỡi chớ con đường mòn nào xui hai đứa gặp nhau...”. Cứ đêm về tôi mong được nằm mơ, mong thấy vía mình vừa chơi ô-tô với con vừa kể cho chồng nghe một câu chuyện gì đó thật hay lượn ở ngoài chợ cá, vừa kể hai đứa vừa cười ngắc nga ngắc ngèo. Xong rồi coi Lưu Tuyết Hoa trong phim *Xóm Vắng* vừa khóc với Tần Hân vừa hát “Buồn lòng tôi hát câu dân ca xưa để vui nỗi sầu... Mấy ai qua cầu mà mong về được người ơi...” bằng tiếng của ca sỹ Cẩm Ly (vô lý vậy mới gọi là mơ chứ). Nhưng chớ hoài không thấy...

Cuộc sống đó, không ít người vẫn “khi dễ” là nhàm chán, cạn èo, tầm thường... Rồi một đôi lần trong đời chợt rung rung nhận ra, muốn sống vậy cũng không dễ.

Hiên trước nhà một bà già tốt bụng

Tôi định hôm nào về xóm Chệt, ghé lại nhà quen, uống một bụng nước mưa đã đời, xong rồi nằm chờ cơ chỗ bộ vật đằng trước nhà ngủ một giấc thật sâu. Rồi nghỉ, chắc là không ngủ được, vì nhớ...

Tôi chắc dù đất xóm Chệt có thay đổi cỡ nào, tôi có già cóc thùng thiếc đi, mình vẫn nhận ra ngôi nhà ấy, ngôi nhà của một bà già hiền như bà nội, bà ngoại mình. Tôi không nhớ rõ khuôn mặt của bà, có thể mặt bà đầy những nếp nhăn, có thể lưng bà còng, có thể bà cũng nhai trầu bồm bẻm như bao nhiêu bà má quê khác. Cái tôi mừng tượng rõ nhất là đằng trước nhà bà, chỗ sát hàng ba, lúc nào cũng có cái lu nước mưa với bộ vật cau và hai cái đòn sứ hình con voi đã gãy mất vòi.

Hồi đó, lần nào đi học ngang tôi cũng ghé lại. Uống một gáo nước mát dạ lúc khát khô, ngồi nghỉ cho chân đỡ mỏi vì

đường xa, đụt mưa, trốn nắng. Đã bao nhiêu năm, bao nhiêu lượt người ghé lại, đám học trò nhỏ ngày xưa đã sắp bạc tóc dài râu, qua nhà lại nhớ bà, già mà thiết thính tai, nghe chúng tôi khóa gáo đã biết nước giựt tới đâu, mau mau hối con cháu châm đầy cho tụi nhỏ để mức. Cái nắp lu bằng sành bà sợ nặng, ngồi tỉ mẩn châm lá để đầy, nên nước trong lu mát lạnh tới tận óc, ngọt ngào, lại thơm thoang thoảng mùi cà bắp của đám dừa nước ven sông. Cái gáo đen mịn cúi đầu chống móng lên cây trúc cặm kê bên cũng thơm ngậy ngậy mùi gỗ đã ngâm nước lâu ngày.

Bộ vật đằng trước đã thay nhiều xác cau. Có bữa ghé đụt mưa đám học trò chúng tôi buồn tình ngồi vẽ trâu, vẽ sáo, ghi chi chít "con Út Cò Hương + thằng Bấu = 2 vợ chồng"... Vật cũ dờ ra, bà biểu con gái đem chum củi hết rồi, từ bấy đến nay không biết con Út Cò Hương có lấy thằng Bấu không nữa?

Nhà bà đã một lần bị bom, một lần bị bão, mấy đận cát mới, mấy lượt sửa sang, nhưng có thay đổi mấy bà vẫn nhắc con giữ nguyên cái lu với bộ vật. Và một ngọn đèn, ừ, thêm một ngọn đèn chong...

Đèn chỉ tắt những đêm tốt trời, trăng sáng, rồi thì cháy đỏ một tháng hai mươi mấy ngày. Hồi đó, đồn Chệt đóng kế bên nhà, hễ chàng vạng là đám lính thấy bà đem cái đèn (loại dùng để đặt đó) ra treo ngoài hàng ba. Bọn giặc sợ, theo tra hỏi hoài, "Làm ám hiệu gì cho Việt cộng vậy bà già, hay là soi đèn cho tụi nó bắn tia tôi?". Bà cười ung dung: "Ám hiệu ám hiếc gì đâu, tui treo đèn là để mấy đứa nhỏ đi đêm khỏi sợ". Đèn nhỏ,

ngọn lửa chỉ le lói đỏ nhưng lạ lùng, đêm càng tối đèn càng sáng lung linh. Cái vầng sáng đỏ hắt ra tới tận bờ lá, nhuộm hồng cả một khúc đường. Tối nào mà tôi sai đi mua dầu hôi, nước mắm ở quán chú Sỏi, tôi cầm đầu chạy đến đây thì dừng lại thờ, nhìn cái đèn với một lòng biết ơn mệnh mông. Tôi thắc mắc sao ai cũng cần ánh sáng mà lính đồn Chệt thì không?

Hàng ba nhà bà, không chỉ một mình tôi nhớ. Nhiều lắm những người khách bộ hành xuôi ngược. Người buôn ve chai lông vịt, người đi bán tranh thờ, người bán chiếu... Những thợ gặt xuôi về xứ khi lúa hết mùa... Những người đàn bà tan buổi chợ trưa... Người ta nhớ hoài, thương hoài cái hàng ba thơm thảo đó.

Phải đợi lớn lên, tôi mới nhận ra, bà dành cho những người qua đường chúng tôi không chỉ lu nước mưa, cái vạt cau và cây đèn chong. Cái không gian nhỏ nhoi dưới mái hiên đó giống như tổ ấm của mỗi người với đầy đủ nhu cầu tối thiểu, có thức uống, có chỗ nghỉ ngơi, có ánh sáng... Phải đợi về sống nơi phố thị, tôi mới nhận ra, cứ bước chân ra khỏi nhà – công sự của mình (dù có khi chỉ để đi... nhậu) là lòng lại thấy chằng chằng, chơ vơ, không hiểu vì nỗi gì! Nhìn những hàng rào cao ngất, kín bưng bọc lấy những ngôi nhà ở hai bên đường, bỗng thèm được đi qua xóm cũ, ghé tạt vào cái hàng ba quen thuộc, uống một ngụm nước mưa giữa mùa, ý trời, nó mát thì thôi đi chớ...

Có khi bỏ nón ở đâu không nhớ, bỏ tiền túi nào cũng không nhớ mà lại nhớ mấy chuyện cũ bên trời nầy, ngật thiết.

Một mái nhà

Một bữa trên đường gánh trái cây đi bán dạo, con Bèo gặp tôi, mừng quá, lâu lắc quá chừng rồi, Bèo rối rít mời tới nhà chơi, mà, cái giọng của con bạn, trời ơi, nó tươi rói, giòn tan, sung sướng, tự hào. Bèo dẫn tôi theo cho tới khuất người khuất bóng mới thôi, “Nhớ ghen, Tư, rảnh vô nhà tao quây cho đã một bữa, muốn chiên bánh xèo cũng được, không thì tụi mình nấu chè khoai môn ăn”. Rồi nó cười hực hờ, rạng rỡ, như thể nhà nó là một thiên đường.

Ai mà dè nhà nó nằm tuốt trong con hẻm Cỏ sau lưng siêu thị. Đó là một con hẻm dài, hẹp te, tối tăm, sinh bùn ọp ẹp, ngoa ngoắt ngoắt trái ngoắt phải, mỗi lần ngoắt thì nhà cửa hai bên lại nhỏ đi một chút, làm người ta tuyệt vọng đi một chút, điệu nẩy, tới cuối hẻm, chắc nhà chỉ còn bằng cái miếu ông Tà. May, nhà của con Bèo cũng không tệ đến mức vậy.

Tổ ấm đó đủ để một bàn thờ kê trước chiếc giường đôi, còn thừa một chỗ trống để giăng chiếc võng sát góc nhà. Phía sau có kê tấm giá làm bếp, gần đó đặt cái bàn ăn com nhỏ

xíu với hai chiếc ghế ba chân để đầu cũng lún vì nền đất ướt chèm nhẹp. Vách nhà được dựng bằng những tấm kềm đã phơi bản ở nhà in (chồng nó làm việc ở đó), chi chít thơ. Hòai con Bèò thơ viết gì, nó cười, “Mấy biết mà, tao học tới lớp sáu là nghỉ ngang, chữ xuôi đọc còn trăm trảy trăm trật nói chi để chữ ngược ngao vậy...” (Tội nghiệp, sống giữa thế giới thơ mà không tận hưởng được). Mái lợp bằng lá cũ mềm, ngựa cổ đã thấy lấp lánh trời sao. Nước bung ra để cái cộp, khách chưa kịp uống lá mực đã rót vào, nên nước nghe thơm mùi lá lăm. Con Bèò cười, “Chồng tao anh nói để lãnh lương tháng nầy mua lá lợp lại, chớ đâu có để vậy hòai”.

Tôi tới chơi một lần, tự dưng nghe buồn, nghe thất vọng quá trời đất, nghe trong lòng có một chút ghen hờn. Con Bèò học hành lơ đãng, nghề nghiệp cũng chẳng cao sang, sao nó lại ngộ chữ “tri túc”, còn mình thì không?

Tôi cũng có nhà, lớn hơn một chút, đầy đủ tiện nghi hơn nhưng chẳng bao giờ tôi biết hành diện về nó. Nhiều lúc bạn bè nói gièm, bảo để tới nhà nhỏ Tư chơi, tôi bàn ra, “Nhà em khó kiếm dư lắm mấy anh ơi”. Bạn gạt phăng đi (vì thương tôi quá mà), “Không sao, khó mấy có lòng cũng tìm ra”, tôi rồi beng trong bụng, giá đồ nín thinh như người điếc, nghĩ thầm, nhà mình thấy ghê...

Nhà tôi nằm ngang chợ phường, quay lưng với sông, ngựa mặt đón bụi đường, trong nhà không lúc nào ngớt tiếng xe, tàu chạy (tôi ngồi viết văn ở đó, giữa tiếng động chói gắt khủng khiếp của tàu xe, tiếng nhạc nhùng nhằng

từ xe kéo kéo, tiếng những người đàn bà bên chợ cá cù cái nhau). Đứng ở đằng trước thấy thông thoáng đằng sau, tuềnh toàng một cái bếp thấp tè, chiếc máy giặt cổ mỗi lần giặt rung cà cồng cà cưỡng (có người còn đề nghị cho mượn để... cầu số). Chen giữa lối cầu thang lên gác xếp với nơi để máy vi tính là cái bàn ăn (nên ngồi một chỗ, tôi có thể vừa truy cập Internet, vừa... ăn cơm, hoặc quay lưng lại xem ti vi). Trên vách lỏng chóng nổi niêu xoong chảo, lọ nghe âm đen, dài theo đó đóng ba bảy hàng đinh, treo lủ khủ những thứ mà ở dưới đất, không có chỗ cất. Đồ đạc bằng cây thì cũ kỹ, gãy bản lế, bằng kim loại thì sét nghệt, thấy rầu. Đụng tay vô đâu cũng gặp bụi, lau hôm trước, hôm sau bụi lại đầy, mùa gió nam hay gió chướng, trước nhà cũng tả tơi giấy vàng bạc, vỏ tràm. Buổi trưa đi làm về lại luỳnh quỳnh chạy đi, hỏi làm gì gấp, bảo chạy về thăm ngoại (nói vậy cho nó... từ tế, chớ không lẽ nói “dzọt” vô trong ấy để ngủ, ở đây nóng quá, chịu gì thấu).

Tôi chỉ nhớ nhà những lúc đi xa, đi lâu (cái chính là nhớ người ở lại). Ở một vùng đất heo hút nào đó, nửa đêm thức dậy, nghe tiếng gà gáy, tiếng con chim kêu thảng thốt, gió ngào ngạt hương hoa bưởi, hoa cau, tôi nhớ tổ ấm của mình, giờ này ở đó chẳng có gió máy gì đâu, thằng nhóc ở cạnh nhà chắc là đang chạy rầm rầm trên gác (e là nó đã bị hỏng đồng hồ sinh học), những người phục vụ quán nhậu bên kia đường đang dọn dẹp, tiếng chai rỗng vọng xuống đáy thùng côm cốp, rồi tất cả đều im lảng lại, nhường cho tiếng chối đêm xao xác.

Tôi chân thành cảm ơn những cuộc đi xa, nó làm cho tôi biết nhớ nhà, ờ, miễn là nhà-của-mình, thôi thì, sao cũng được.

Một bữa trèo lên tầng thượng cao ốc ngân hàng, tôi nhìn về phía nhà, nghe gió thổi qua mặt, gió tràn vào lòng, nhận ra nhà của mình nhỏ nhoi, chật chội quá trời đất, gì mà mái nhà hẹp te như chiếc chiếu bông (rõ ràng là người ngồi trên cao sẽ nhìn đời bằng đôi mắt khác). Ủi cha cha, không biết chừng nào mình mới có được một căn nhà đủ rộng, có cửa sổ đón gió và nắng trời, có cái sân trồng giàn bông giấy, có phòng riêng cho con (thì cũng phải sinh con chứ, chừng vài ba đứa), có chỗ cho tụi nhỏ đạp xe ba bánh chở nhau, trên vách treo tám hình đám cưới, treo cái gương dài để mặc đồ mới đứng ngắm nghía chơi. Ở đằng trước đủ rộng đặt bộ ghế sa lông cho khách ngồi, khoe cái kệ chật những sách, báo; ngoài sau đủ sáng để bày biện nấu nướng cúng giỗ cha mẹ chồng, sau nữa là mảnh đất nhỏ trồng cải, ớt, hành, vài thứ cây ăn trái như ổi, cóc, xoài... hết mảnh vườn của má, rồi chìm về chìm hót, rồi gió về gió thơm mùi cỏ mùi cây... Tôi sẽ mang đá sỏi, rơm rạ vào nhà, nuôi cá lia thia, thả bèo vô chậu, ở chỗ cái hồ dưới giếng trời tôi trồng bụi năng, bụi lác, bụi bông súng quê nghèo. Đất có hơi hẹp khổ, nhưng không sao, tôi sẽ xây nó lên cao, cho ai đi qua tới đây cũng phải xúng vừng, ngạc nhiên kêu lên: "Nhà của ai mà bảnh quá ta?". (Lúc đó tôi sẽ ưỡn ngực ra mà rằng: "Có ai trồng khoai đất nầy, nhà Tư tui chở ai"). Nhưng chừng nào thì mình mới có được một cái nhà như vậy kia, biết chừng nào, chừng nào, chừng nào?

Câu hỏi đó cháy bỏng trong lòng. Chạy xe ngang qua nghĩa địa Triều Châu, tôi tản ngẩn ngó những ngôi mộ nằm chen chúc trong nắng chiều, nghĩ người chết rồi, nằm thẳng cẳng không biết trời trăng gì rồi mà xây cất chỉ cho long trọng vậy không biết, phải chi... Nhận tiền nhuận bút được một trăm hai chục ngàn mua sách hết một trăm, tôi buồn thiu thiu, vậy là xong hai bao xi-măng, mất trăm rưỡi gạch, bay vèo một mét khối cát, thấy mình tuyệt vọng một chút. Có lần đi công tác, đứng trong nhà vệ sinh khách sạn, chực nghẹn ngào, trời ơi, chỉ chỗ này thôi còn sang trọng hơn, đẹp hơn nhà mình nữa. Rồi tới chiêm bao tôi cũng thấy căn nhà mơ ước, nhưng vừa vừa tới cửa, bỗng còi rúc liên hồi, giật mình tỉnh giấc, nghe xà lan ngược nước ràn rạt đi qua, nhớ giấc mơ dang dở, tôi tiếc quá chùng...

Con Bèo nghe chuyện, nó cười quá trời đất, nó nói tôi “điên nhà”, nó cười mà lòng nó đau như thắt, nghĩ tội nghiệp cho con bạn nông cạn, đại khờ. Mấy cô bạn ở sát nhà nó cũng qua chơi, cũng rười rượi, bảo “Không phải có nhà cao cửa rộng là hạnh phúc đâu, mấy thằng đàn ông hay rủ tụi tui tới nhà tù ti tú tí, thằng nào cũng giàu (không giàu sao có tiền bao gái?)”. Con Bèo giải thích với tôi, “Tụi nó bán bia ôm”. Rồi một mai khi sơn phấn rã rời, khi ngày cùng đêm tận, có mái nhà nào đón họ về không (dù bé bỏng, chật chội như tổ ấm của con Bèo)?

Vậy thì cảm ơn Bèo lắm lắm, con bạn nghèo ơi! Nhờ gặp ở đây, giữa xóm lao động nầy, nhờ ánh mắt nụ cười của bạn, tôi ngộ ra rằng, hạnh phúc không ở những ngôi nhà sang

trọng, tự mình thấy đủ, dù chòi tranh vách lá, dù ở dưới dạ cầu, cũng vui. Có những ngôi nhà cao rộng mà lạnh lẽo, vô hồn, có những mái lá đơn sơ mà nồng nàn, đượm khói. Ô la la! Gặp mưa giữa đường, có chỗ ta về, có người đưa tấm khăn để lau tóc ướt, là “đã” lắm rồi, đừng có lãng mạn mong ước xa vời.

Tôi về đứng trước cửa nhà mình, ngơ ngác yêu thương như con chim lâu lắm mới tìm lại tổ. Nỗi vui cồn cào tới mức muốn mời ai đó tới nhà chơi ngay bây giờ, ngay lúc này. Tôi sẽ vén mớ đồ đạc bệch ra (như khóa mặt ao bèo), mời bạn ngồi (và biết khi bạn đứng lên ra về, nó sẽ bừa bộn như cũ, giống hệt bèo). Nhà hơi tối, hơi ngộp, đừng lo, tôi sẽ mở cửa sau, nhìn ra sông nước rập rờn, nắng bùng qua cửa, gió phơ phất từng cơn, mát rượi. Chúng ta sẽ ngồi ở đó, cắn hạt dưa, cười tỏ mớ, nói những câu nói thật lòng, đùa những lời ý nhị. Chúng mình ngồi ở đó, ngó về sông, kia những chiếc ghe khảm lừ chở mấy con chó nghinh mặt sữa vang trong buổi chiều đỏ thắm, hơi người cảm lái, nhà anh là chiếc ghe nhỏ đó hay nhà anh vẫn còn xa, xa ngái?

Giờ đó, sâu trong hẻm Cỏ, chắc con Bèo đang nhen lửa, chống nó vo com...

Chơi một mình

Xe đứt sên cứng ngắc giữa dốc cầu, nắng ong óng trên đầu, điện thoại báo cuộc họp đang chờ, mà bài đã xong chưa vậy bà ơi, báo sắp in rồi. Già tôi ngồi phịch xuống mặt đường nóng rẫy, tính coi còn gì nữa, trưa ăn cơm với khách, chiều làm báo cáo, đọc bản thảo, đón con về, nấu cơm, cho con nó ăn, xong đi đám tang một họ hàng, tối về lại cho con ăn, dỗ ngủ... Bỗng thấy đời ta mới như, mới mẻ mãi, triển miên. Bỗng nhớ bộ phim Hàn Quốc có anh đẹp trai bị xe đâm, không rõ là trúng đầu, chân hay đầu, nhưng quên mất tiêu quá khứ, quên cả chị người yêu đẹp gái, nhà nghèo. Hấp dẫn là từ cái mặt buồn nhăn buồn nhớ anh chuyển qua hớn hờ rạng rỡ cười. Trời ơi, già kêu lên, sao mình không quên thử chút chơi.

Và mặc kệ chiều đang đợi (và mai và mốt chục hờ sẵn tự hồi nào), già gọi điện thoại cho mấy đứa bạn hồi đó thân (nhưng bây giờ chừng ba tháng mới gặp một lần), rủ đi ăn kem. Đứa nào cũng kêu trời, tao mắc công chuyện quá. Cuối cùng, chỉ bốn đứa, mà không, tội nó cũng đã thành con già,

chạy lại, hỏi, “Ừa, Tư, bữa nay sao hứng bất tử vậy, có gì hôn?” (ý sâu xa là bị chạm dây thần kinh nào?). Già tôi cười ngắc nga ngắc ngéo (thì mình đã thành người mới rồi, hông lẽ chơi cái mặt trầm tư hoài), “Trời nắng quá chừng, tự nhiên thèm ăn kem, như hồi đó...”. Rồi già kêu bốn ly kem, dặn mình thong thả thôi, không có gì gấp gáp, ngắm cảnh đi, nhìn trời nhìn đất xa xa ấy, đừng có coi người ta chen chúc trên đường. Già tôi ngó cây me keo trước quán cũ giờ đã cỗi (ý chang mình), một chòm cuối cùng xanh trơ trụi (mình đi qua lại hằng ngày có phát hiện ra đâu), nghe bốn con bạn đang thờ dài nhìn nhau, sao lúc nấy tóc bạc quá trời. Già tôi nhắc chuyện xưa, chuyện hồi mười tám, hai mươi, thuở hay cười, thuở nhẹ nhõm rong chơi... Bốn đứa kia tươi tỉnh lên, bảo ừ, nhớ rồi, nhớ hồi còn đi học, tụi mình mê nhứt món chè ở đây, chiều nào cũng dụ dỗ mấy thằng con trai dẫn đi ăn, đến nổi nghe tên quán Me Keo là tụi nó nghe... lạnh túi. Ừ, nhớ rồi, thằng Bay, thằng Bướm, hai đứa cũng đẹp trai hen, tội nghiệp, vì chiều chuộng mấy đứa mình mà tụi nó nhịn ăn sáng, mặt mày xanh dờn, thấy ớn. Một đứa chen vô, “Hồi đó, chè, kem rẻ hơn bây giờ”.

Kỷ niệm như máng tưới xanh bắt đầu lém vào những tâm hồn xám ngoét bỗng bị đá văng ra cái búp. Ba đứa bạn than vãn một cách hào hứng, ừ, lúc nấy gạo cá gas lên giá thấy ghê. Ký nhận lương nhìn mớ tiền, muốn khóc. Đi chợ nhiều khi ngơ ngác như con điên, không biết mua gì, ăn gì... Ông già bán nước mưa hôm qua bảo chuyến tới sẽ tăng giá hai ngàn một đôi, ông nói tại vàng lên giá. Ừa, nước mưa trên trời rớt

xuống, mắc mớ gì tới vàng. Thì vậy mới kỳ... Và con gái sắp thi cuối cấp, má đau chân, chồng lơ là chuyện nhà, chắc là có bồ nhí ở ngoài... Già tôi thảm kêu lên hai tiếng trời ơi, mình đã như một sợi chỉ đứt rời, như ngọn cây bị cưa lìa, đã quên mà đám bạn bè vẫn bị đời trêu nằng. Nên trông cái cách ăn kem cũng thấy tội. Đáng lẽ phải nhẩn nha múc từng miếng nhỏ, sượng rơn nghe cái lạnh dịu dàng buốt qua răng, ngọt ngào tan trên đầu lưỡi, bạn của già tôi nhai sồn sột (làm như đang nhai miếng thịt trâu luộc mé), nuốt trơn nuốt trạo, nuốt vội nuốt vàng.

Từng người, từng người một đã mắc bệnh thắc thóm hết rồi, thắc thóm nói thắc thóm cười và thắc thóm gánh đời lên đời vai đã bắt đầu tr� xuống. Tội nhất là Bé Tám, yêu vội, sớm chồng, con gái tật nguyên, mới xin được một chân quét dọn trong khách sạn, nhớ bạn mà không dám bỏ việc chạy lại chơi. Sao đời đau như thế mà chẳng muốn lìa, quên cho rồi, Tám cười trong điện thoại (mà giọng nghe như chồm nghen ngào), “Tao mà buông xụi con tao nó biết dựa vô ai...”. Cả bốn đứa ngồi đây cũng vậy, chẳng ai quên chỗ đứng của mình (mà có vẻ không muốn quên), chưa kịp ăn thêm ly đá đậu, bốn đứa ào đứng lên về, bảo chiều nay quyết toán với tài chánh, bảo mắc may gấp cho khách cái áo dài, bảo tới giờ đi gom hụi...

Già tôi cũng nhấp nhồm, giờ nầy, đáng lẽ... nhưng rồi sực nhớ, ủa kỳ vậy, mình đang quên mờ. Vậy thì thông dong thôi, chơi cho đã đời. Mua về nửa ký hạt dưa, già tôi ngồi ở công viên cần đến quá nửa trưa (và biết chắc chiều thế nào cũng

chảy máu cam nhưng nhấn nha như vẩy sừng quá chừng, chẳng bù những lần tọng cả nắm vô miệng, nhai xong nhá xác). Xong già tôi chạy về nhà má, giăng cái võng ngoài vườn, nhìn mây trời, gió trôi và nắng đang trôi về phía xế chiều. Ngoài đồng có đám trẻ thả diều, ngơ ngác nhìn chị kia hát vống lên một câu vọng cổ (đơn giản vậy, mà gần mười năm ra chợ, mình chẳng có dịp nào để làm)... Săn trớn mắc ca, già ta đi thuê một phòng karaoke, vặn nhạc thật to, lắc lư gật gù cho đã đời, nhưng tới lúc tung tẩy ra về, ghé rạp chiếu phim, lòng bỗng se lại, thấy chơi một mình hơi... buồn. Sự nhớ cái anh chàng hồi xưa đã từng nói yêu mình, đã viết vô lưu bút mình hai câu thơ (sáo dễ sợ) “Trăm tuổi không phai tình vụng dại. Ngàn năm thương nhớ mãi người xưa”...

Người tối tối hay leo lên tầng thượng của trường để ngắm trăng sao, chiều nghe chuông nhà thờ đổ, người biểu tôi nhắm mắt lại mới nghe hồn mình thấm đẫm âm thanh buồn bã và trong trẻo đó, tôi tưởng sau này người sẽ làm nhà thơ. Ai dè... Già tôi đứng trong nhà người, nóng la mảy mảy, sưng sờng má tóc xanh dày giờ chớm bạc, nhắc chàng-lãng-mạn xưa, mà như không tin được cái người đó bây giờ đang ngồi đây, đang cười nhấp nhóm, nhấp nhóm ờ ờ, vậy ha vậy há. Chớ tâm trí đâu khi heo dưới chuông đang đổ, chúng la eng éc như... kèn. Chàng nhấp nhóm biểu em ngồi chơi anh đi trộn cám cái đã. Vợ chàng đang đứng bếp nấu nổi cần com, cứ tần ngần, ngại thiệt, lâu lâu chị lại chơi mà bấy heo quây quá trời. Già tôi đứng giữa mù mịt khói, nhìn chàng đang hùng hục làm lụng, cám vương trắng tóc, tự

nhiên nghe lòng buồn thê thiết, buồn không xiết, bảo thôi, về.

Ra cửa rồi không biết đi đâu, lòng rỗng không, vô vị, thấy mọi người nhọc nhằn đi tới còn mình ham chơi mà quay lại đằng sau, phía không có ai, phía một mình. Không có gì để làm, không sống cho ai, vì cái gì... để đi qua tháng ngày dài phía trước.

Bỗng nhớ quá cái gánh đời vừa thử cho rơi bên cỏ...

Lời nhắn

Hỏi thế này có khi không phải, nhưng anh có nghe lòng xao động khi nghe tôi nhắc tới X không, anh có thân thuộc như đây là quê hương, là nhà của mình không, có cảm giác người dân ở đó hiền hậu bao dung giống hệt như người cha người mẹ, cô em gái nhỏ... của mình không? Tôi hỏi vậy, là vì, nếu như anh đã từng ở trong vùng căn cứ đó suốt một thời chiến tranh, đã từng được người dân hy sinh mạng sống để che chở cho mình, nếu anh nghe thân thuộc từng cái tên nghe giản dị như Thị Tường, Giáp Nước, Rau Dừa, Phú Mỹ, Đất Cháy, Vịnh Dừa... rất có thể anh là người chị tôi quen.

Tôi không nhớ chị tên gì, ở là Duyên, Diệu, Xuyên, Nương, hay Bé Ba, Bé Bảy... Tôi không hỏi chị đã bao nhiêu tuổi, chị nói chị có cháu ngoại rồi mà cái cười tươi rói, nét mặt hiền hậu, trong trẻo, ngời ngời. Tóc chị dài, bới gọn trong bao lưới, ở đó, nó thắm lạng bạc theo ngày tháng. Chị ưa mặc áo bà ba màu nâu, có cái đã bạc màu, có cái được vá khéo dăm ba chỗ. Quê chị nghèo, gần ba mươi năm sau giải phóng, quê

vẫn còn những cây cầu khỉ, những con đường đất, lầy lội, đứt đoạn mỗi lúc mưa về. Ngoài vườn, cây trái xác xơ, những đầm nước phơi mình chang chang trong nắng đỏ. Nhà còn chừng ba ký gạo, chị hối con dâu nấu cơm, rồi lấy tay lưới ra kinh giăng bắt cá phi kho mắm dãi khách Cà Mau.

Chị nói nghe hai tiếng Cà Mau sao nghe thương quá chừng, nghe gằn xít một bên lòng như xuống xuống chống vãi ba sào sẽ tới. Là vì ở Cà Mau chị có rất nhiều người quen, cái tánh chị rất kỳ, đất nào có người quen ở, đâu chưa tới cũng nghe thương. Anh Hai ở tỉnh ủy nè, anh Bảy ở ủy ban, thêm một anh Hai nữa ở tỉnh đội, anh Mười ở công an... Còn nhiều người nữa, người mất, người còn... Trước giải phóng anh nào cũng có ở nhà chị đôi ba tháng, ăn cơm nguội với ghẹm muối, ngủ hầm, thấy thương thì thôi đi. Chị nói với giọng triu mến, như người mẹ nói về đứa con gái út đi học xa nhà, như cô em nhắc tới người chị lấy chồng xứ khác. Rồi chợt chị day qua tôi hỏi, em ở Cà Mau mà, chắc là biết mấy ảnh hả. Tôi cười, thật khó trả lời, người chị quen là ai trong số những hình ảnh quen thuộc trên tivi, trên mặt báo, quen thuộc đến từng nốt ruồi, từng chấm tàn nhang, từng vết sẹo trên khuôn mặt mà mỗi cái tên tôi vẫn nghe xa lạ quá chừng.

Câu chuyện xoay quanh những người vắng mặt rộn ràng bên mâm cơm lơ bữa. Chị biểu sắp nhỏ đem chai rượu ra, chị cười, em uống thêm ly này, chị gởi cho anh Hai, ly này chị gởi anh Bảy, anh Chín, anh Mười. Ờ, ly này chế gởi cho anh Hai tỉnh ủy nghen, hồi đó ảnh có về thăm một lần, hồi ba má

chế còn sống lặn, mười một năm rồi. Quý thần ơi, bữa đó vui thấu trời luôn. Má chế nhạo cả xinh cả xang nhắc chuyện xưa mắc cười lắm, má nói thẳng Hai hồi đó sợ phải lòng con gái Giáp Nước nên ăn rau răm thấy mỗ tổ luôn. Chế khờ lắm, chế hời, anh ăn rau răm làm chi, má chế cười ngất, để bớt muốn vợ. Chế nghĩ, hèn chi, hồi đó mình thương lắm anh muốn chết mà anh không thương lại.

Nhắc lại, chị cười, rạng rỡ như thể ngày vui cũ với người xưa vẫn còn trước mắt.

— Mà, lâu lắm rồi, anh không về Giáp Nước, làm lãnh đạo, chắc là mắc công chuyện dữ lắm. Mấy chế bên Vịnh Dừa, Xóm Huế gặp nhau nhắc hoài, nhớ mấy ảnh quá hà, nói chừng nào rảnh lên Cà Mau thăm mấy ảnh một bữa. Em về nhớ nhắn cho tụi chế gởi lời thăm mấy ảnh khỏe nghen, nói với mấy ảnh, tụi này không lên thì thôi, lên rồi ở chơi hai ba bữa mới đi.

Tôi thương chị muốn rơi nước mắt, chị bao nhiêu tuổi, bốn mươi, năm mươi hay sáu, bảy mươi, sao tấm lòng chị chất phác, hồn hậu đến trong ngần? Chị Tâm, Hương, Pha, Chi, Hiền hay Bé Năm, Bé Chín ơi..., biết người còn nhớ chị như chị nhớ người, biết người xưa còn thích nhắc chuyện xưa? Nếu nhớ, hẳn chị và anh đã từng gặp lại nhau, ít nhất một đôi lần, dù hoàn cảnh có tréo ngoe, ví dụ như lúc anh ghé ngang nhà đúng lúc chị mắc đi đám giỗ bà nội chồng, ví dụ như mình chờ ở cửa này, người ra bằng cửa khác, như mình đứng ở dưới đường, trông hoài mà không biết người đã đi qua, trên chiếc ô-tô sang trọng, được bọc bằng tấm kính sẫm màu.

Nên tôi nhận lời nhắn mà bắn thẩn. Tôi không thường đi hội họp, không chơi tennis vào mỗi sáng chiều, không thường họp mặt để uống rượu Tây, sao gặp được các anh mà chuyển lời. Không được mấy dịp đó, hóng lẽ xông vô cơ quan người ta chỉ để nói, chị ấy nhắn như vậy nè. Mà, nói thiệt chưa chắc mấy anh bảo vệ cho vô, lý do gì mà lằng òm.

Tôi uống với chị thêm chút rượu nữa rồi về. Chị bơi xuống đưa tôi qua kinh, sợ tôi say rồi không đi cầu khi được. Nước đang ròng, chị vo quần nhảy xuống, lội ọp ẹp, đẩy mũi xuống rướn lên bãi. Tôi bảo, thưa chị em về. Chị cười, Ờ, em về Cà Mau khỏe ghen. Mà, cho chị gửi lời nhắn mấy anh, có rảnh về cứ chơi, để mai đây tụi chị già rồi, theo ông theo bà mất đất. Nói vậy chứ... nghèo quá hà... tụi chị tới mấy anh... cũng khó. Có lần mấy chị em đi chợ, ghé chỗ anh Hai, mà không gặp được. Tôi hỏi tại sao, chị thoáng ghen ngào nhưng rất nhanh, nhanh như một cái chớp mắt, chị lại cười, tại bữa đó nắng dữ quá.

Tôi đi được một đôi đường thì nghe bưng cồn lên chạy chực. Tôi quỳ bên đường nôn mà nước mắt ràn rụa, những ly rượu chị gửi... thôi rồi... Chỉ lời nhắn tôi vẫn giữ trong lòng, lời nhắn bình dị, nhỏ nhoi như hạt cát mà đau rất dạ con trai.

Tôi xin mạn phép gửi câu chuyện của chị lên trang giấy. Nếu anh đọc được mấy dòng này, rồi tự dừng nghe kỷ niệm của miền đất cũ dâng lên đầy mắt, rất có thể anh là người quen của chị. Anh ạ, chị nhắn như vậy...

Sân nhà

Má buồn thiệt buồn khi nhắc lại hồi con gái má chừng mười, mười hai tuổi, “Nhà mình nghèo quá, má không lo cho bây được đủ đầy...”.

Tôi cười giòn, trời đất, thiệt thòi gì đâu, má quên rồi sao? Những củ khoai lang còn ấm má mang về khi tan chợ, những bộ quần áo mới má thất thểu chất một từng lộn rau, bó cái để sắm cho con, chiếc xe đạp nhỏ – món quà từ tháng lương của ba để con tới trường... Và con có cả một vạt sân vàng nắng...

Tôi nhớ, sân nhà mình chỉ nhỏ bằng hai tàn cây trứng cá. Nó lọt thỏm giữa ngôi nhà xam xám thấp tè và những giống rau xanh biếc ngoài kia. Phía bìa sân, ba đặt cái bàn thờ Thông Thiên nho nhỏ, bát cắm nhang để giữa hai hũ gạo, muối (hết thấy mấy thứ đó cũng nhỏ xíu), buổi chạng vạng, gió phiêu phiêu mang hương nhang bay lãng đãng trước nhà. Ranh giới giữa sân với vườn rau là những cái mương nhỏ tạo thành do má tôi lấy đất lên giồng. Sát hàng ba có một luống hẹ kiếng,

trổ bông tím rập rờn suốt hai mùa nắng, mưa. Nhà tôi nghèo nên trồng loại bông coi cũng bình thường quá đỗi, lúc Tết, cũng chỉ thêm bông vạn thọ, mồng gà. Nhưng tôi chẳng có gì tiếc nuối khi nhà mình chẳng có mai, đào... Vạn thọ cũng có cái vui của vạn thọ (Câu nầy tôi học trong Gala cười 2003: “Bánh giò cũng có cái giá của bánh giò”), bởi những cây hoa bình dị ấy chính tay tôi gieo trồng giáp biên sân. Bữa hai chín Tết, má phơi lá chuẩn bị gói bánh, tôi ngẩn ngơ nhìn “bức tranh” sân của mình, trời đất, sao mà đẹp dừ ôn vậy không biết, viễn quanh những tàu chuối xanh rờn là hàng trăm đóa hoa vàng rực rỡ. Tôi đứng ở đó, tự hào nhìn sự sống nở hoa từ bàn tay nhỏ nhoi, xương xẩu của mình (bàn tay xưa rày chỉ biết cầm đũa ăn cơm và... chơi chuyện).

Rời hoa tàn, rời mùa nắng hết. Mưa bắt đầu xập xoài, báo mùa đang đi tới. Tôi lóp ngóp xách rổ chặn bắt mấy con cá rô ốm nhách, dài nhằng, mình đầy nhớt, xằng xái lóc lên sân. Mặt sân đã ngấm mưa, đất vỡ ra, tràn xuống những chỗ nê. Nước lên sấm sập, ba phải kê đá tảng để có lối đi vào nhà. Không còn chỗ chơi rượt bắt, nháy dây..., tôi bắc cái ghế ngồi học bài ngoài hàng ba, lâu lâu lại ngóng phía chân trời, coi xuyên qua đám mưa mịt mùng kia, có tia nắng nào hừng lên không? Chà chà, chỉ cần đủ ba nắng, sân-thiên-đường của mình lại ráo hoảnh, sạch bong cho mà coi.

Bây giờ nhớ lại, thấy lạ, lạ quá chừng... Sân nhà mình hồi ấy có rộng mấy đâu, chỉ có khoảng trời là lỏng lẻo phía trên đầu, nhưng đã đi hết cả tuổi thần tiên rồi, sao tôi vẫn còn nhớ tiếc.

Chứ không à? Những đứa bạn dễ thương, những trò chơi tuổi nhỏ, cái xích đu tự tạo mắc lên cành cây bằng mấy cọng dây chuối, con đế gáy te te hoài dưới tấmผ้า che bên góc nhà, tôi nhớ cả tiếng má rầy khi tôi trốn ngủ trưa lên ra sân ạch ạch nháy dây. Suốt một mùa hạn, đám vú sữa đất mọc trên mặt sân chẳng thể nào ra lá mới, coi xo cò, tội nghiệp... (thì có sáng nào, chiều nào mà đám trẻ không chạy nháy ở đó đâu). Coi lại, hồi nhỏ, tôi lang thang ngoài sân, vườn nhiều hơn trong nhà, trên mình đầy sẹo lớn nhỏ (mà, hồi “lý lịch” của chúng, lắm khi tôi còn không nhớ hết); da vừa đen vừa mốc cời mốc thếch vì lắm lem bụi đất. Lúc tan bạn rồi, còn một mình, tôi vẫn thường thần thơ ở đó, mơ màng nghe bầy chim sâu, chim sẻ riu rít cãi nhau, ngó con bướm nhỏ vỗ cánh thấp tha thấp thòm... Có bữa thấy tôi bung tởm cơm vắt vẻo ngồi ăn trên chạc ba của cây trứng cá, má bức quá, má rầy, “Con nhỏ nầy chỉ thiếu nước ôm mừng chiếu ra ngoài sân ngủ”...

Má cũng thường ra sân, nhưng không phải để thành thói chơi đùa, không phải để ngắm mặt trời lặn, đón trăng lên... Buổi sớm, má ra quét lá, tiếng chổi xao xác trong tiếng gà. Buổi chiều, má hay ngồi chỗ góc sân, nghe tôi nháy từ trên cây xuống cái phịch như ai quăng bịch muối, má than (mà cười): “Con nhỏ nầy chắc Mẹ bà nắn lộn”... mà tay vẫn thoăn thoắt bó rau chuẩn bị cho buổi chợ sớm mai. Độ gần cuối tháng 10, lúa về sân, ba má ngồi quây lúa giữa trưa, bóng hai cây trứng cá đã bị tia thừa cành không đủ sức ngăn bớt cái nóng bừng bừng, mồ hôi chảy dài, bết bết tóc. Mỗi lần giờ đem lúa lên, hơi nước ướt đầm mặt đất, không hiểu sao, tôi

cứ tưởng đấy là mồ hôi của má ba mình. Dường như không lần nào đứng trên mảnh sân-thiên-đường của tôi, má ba không tắt tả, bận bịu, lo toan...

Nên cái hồi con mười, mười hai tuổi, nhà mình nghèo, má (và cả ba) thiệt thòi nhiều nhất. Còn con lúc ấy giàu có, đầy đủ lắm, má à. Má không tin con sao?

Cha và con

Hắn chịu thiệt là mình mê chơi, ham vui, và vì thích chơi vui nên khoái nhậu. Còn gì buồn bằng việc phải về nhà sớm vào những buổi chiều cuối tuần dầm dề nắng, gió nhẹ hiu hiu, phải ngồi một mình trong những buổi trưa trời mưa rả rích. Có gì vui bằng được ngồi trong một cái quán nào đó, hơi ồn ã, phức tạp một chút. Ở đó, mỗi người mang tới một màu sắc, mùi vị, một tính cách khác nhau, đa dạng như cuộc đời tươi đẹp này. Họ có thể không có lý do gì rõ ràng, cũng có thể vì gặp người bạn cũ lưu lạc đã lâu, một hợp đồng kinh tế mới ký, buồn do thất tình, vui vì mới cưới vợ... Và niềm tự hào duy nhất của hắn khi ngoái nhìn lại nửa đời bìa bọt là có lúc hắn đi quán chỉ vì nhớ cha, nhớ quá trời.

Ngày xưa, cứ năm ba bữa hắn lại chờ cha đi nhậu. Đó là những bữa hắn bỏ rơi đám bạn bè mà không đứa nào dám giận, có đứa còn ngồi tăm tắc, ước gì tao còn ông già, đứa khác nghe lòng then thứa, lâu rồi mình không về thăm, ăn một

bữa cơm với ba, chỉ đoàn tụ được mấy bữa giỗ nhưng hôm đó, ông già khề khà chung mâm của ông già, con ngồi cùng ly với đám bạn cùng cơ quan, nhậu nhẹt vốn là chuyện ít câu nệ nhất, xuề xòa, hòa đồng nhất mà hai cha con còn không thể sánh vai ngồi, nói chi... Nên hẳn được bạn thương lắm, nể nhiều, tụi nó tò mò hỏi: “Nhậu với ông già, vui hôn mậy?”.

Hắn nói vui, vui lắm, ít ai kiếm được một ông bạn nhậu quý như vậy. Khi đi hẳn chở cha, lúc về, cha sợ hắn say, nên cha giành chở. Ngồi lâu nhưng uống không nhiều. Cha hắn thường bảo, uống ít còn nhiều, còn bạn bè, còn tự chủ, còn nhân cách, còn là mình, uống nhiều mất hết. Rượu bia là thứ để thưởng thức chứ không phải nốc vô tội vạ để khoe tài. Cái thức uống này là để rạng rỡ lòng chứ không phải tiêu sấu. Nên hắn vô chừng hai ly là có thể nói chuyện cởi mở với cha như một người bạn đồng niên. Có bữa, hắn ngà ngà say nên nổi hứng đọc bài thơ con cóc, cha cười, “Vậy là cha biết làm sao con thích la cà quán nhậu rồi, để hứa hẹn như đinh đóng cột với mọi người cái chuyện mình không bao giờ làm được, gổ chén ca bằng cái giọng tệ... không chịu được, nói cho hà hê những ấm ức trong lòng... tất cả những chuyện đó, lúc tỉnh, con không bao giờ làm”. Hắn cũng cười, “Nhậu cũng khổ lắm cha ơi, đầu tháng có tiền, nhậu toàn món sang. Cuối tháng, còn chừng mười ngàn trong túi đành ngồi nhậu với đậu phộng luộc, cá khoai khô. Lúc nấy kể ra thì xấu hổ đây, đi ngang quán quen chạy thiết chậm coi có thằng bạn nào ngoác lại không, ngoác nhẹ mình tự ái chạy luôn, ngoác mạnh mình

ghé lại, tình bạn nhiệt thành vậy, con phụ sao đành”. Cha cười ha ha, cái thằng...

Hắn giống cha, giống nhất là nhiều râu. Râu cha xồm xoàm, cứng tua tủa, ngả màu bạc; râu con cạo sạch nhưng vẫn xanh rì dưới làn da. Hắn càng uống càng đỏ mặt, cha càng uống càng xanh. Hắn nói với cha về những khó khăn trong công việc, về con bạn hắn thương sắp lấy chồng (đặc biệt chuyện nẩy lúc tỉnh để gì hắn mở miệng), cha ờ ờ, hồi trẻ, cha cũng bị thất tình hoài. Hắn ngạc nhiên, “Cha nói chơi, “cứng” như cha, từng vào sinh ra tử với quân thù, cũng biết cảm giác buồn nẫu nuốt khi mất người yêu như đám thanh niên bây giờ sao?”. Tự nhiên hắn thấy giữa mình và cha hình như không còn khoảng cách nào hết, vì có thể nói và nghe nhau. Có lần, hắn còn kêu cha lấy vợ đi, lấy cô giáo già thương cha hoài, chờ cha hoài đó. Cha cười, “Cha già rồi”. Hắn gạt ngang, “Già đâu mà già, cha còn “ngon” lắm, lần nào cha con mình nhậu con cũng say trước...”. Cha hắn bật cười, cái thằng uống rượu như xe bốn mà dám già đồ say. Nhưng có điều chắc cha chưa biết, hắn làm vậy để được cha che chở, dịu dặt như ngày còn bé. Đàn ông lớn xác vậy nhưng đôi lúc vẫn thèm, đời ngoài kia trần trụi và khốc liệt quá mà...

Rồi một ngày, hắn đến quán một mình, ngồi chỗ cũ, gần song cửa đóng bằng thếp tre bù xè đã ăn thủng lỗ chỗ, phẩn rắc lấm tẩm mặt bàn. Hắn đòi hai cái ly, một đĩa đậu phộng rang, run rẩy rót rượu tràn ra bàn rồi đầu đầu nhìn về chiếc ghế trống trước mặt. Cha hắn đi rồi, đi xa lắm, cô phục vụ

xinh đẹp rụt rè ngồi xuống chỗ cha thường ngồi, cô bảo:

– Hôm rồi xe tang đi qua, em thấy giống bác, em đã ngờ ngờ... Hồng ngờ...

Hắn không nói gì hết, sợ mở miệng ra sẽ bật khóc. Đàn ông ai khóc trước mặt con gái, kỳ.

Sau nấy gặp lại, cô phục vụ cười:

– Chẳng nào em lấy chồng, em sẽ chọn một người y hệt anh, một người có thể chở cha mình đi nhậu. Bây giờ, ít người làm vậy lắm – Rồi cô ghen ngào – Sao thấy anh, em nhớ bác quá, anh à!

Người tri kỷ xưa vừa đi, người tri kỷ khác lại đến.

Cha mất hai năm, cô phục vụ nọ thành vợ hắn, người vợ duy nhất không cần nhậu khi chồng đi nhậu, vì cô biết, có lúc chồng mình cũng bỏ mặc đám bạn bè để một mình đến quán cũ, ngồi nhớ thương người bạn nhậu cũ.

Một giấc mơ

Ta ngoái lại, cái cột ăng-ten buro điện trong thành phố xa dần, ta hơi ngán ngờ một chút, vậy là mình đã bứt ra khỏi những cuộc hội họp triển miên, những trận tennis hay vào mỗi sáng chiều, những đồng sự bạn bè quen thuộc đến từng nốt ruồi, chấm tàn nhang, vết sẹo trên khuôn mặt.

Ta chui đầu vô chiếc xe đồ ọp ẹp, chật cứng, nóng bức, nồng nặc hơi người. Ta nhớ chiếc xe hơi sang trọng và anh tài xế lạnh lợi ở nhà, ta nhớ quá, nhưng nghĩ, mình phải bắt chước vua Càn Long, vì hành chịu khổ một chút mà hay ho lắm. Chiếc xe bò lắc lư trên con đường đầy ổ voi, ổ ngựa, anh thanh niên ngồi cạnh cửa ôm xâu lưới đá trong lòng, chắc lưới than, đi điệu nẩy dĩa chắc nín "ì" năm bảy bữa. Cả xe cười ha ha ha. Mỗi lần xe xụt xịt chúc đầu xuống dốc cống, bà má ngồi kế bên anh lại nói lịu: "Í chụt má mẩy ra... í chết cha bà già...". Ta nghe cái mùi trâu hăng hăng thoảng ra từ cái miệng duyên dáng của bà. Trời ơi, tìm ta nhói một cái, mùi trâu quen thuộc của mẹ, của ngoại ngày xưa. Rồi bà má day qua ta, hỏi:

— Bầy đi công tác hay là đi thăm nhà? Bầy xuống chỗ nào?

Ta lặng đi một chốc, mình xuống chỗ nào cà, bác tài, bác tài ơi, cho tôi xuống chỗ có bầy trâu kia đi.

Ta bị bỏ lại giữa con đường còn ướt sương mai, bên một bờ cỏ rộng có bầy trâu đang thủng thẳng nhoi nhoi. Hai thằng nhỏ chân trâu óm nhom, đầu chờ vờ như cá lóc gặp nước mặn, khuôn mặt teo héo như ớt trái dứa khô ngó ta lom lom, như sợ ta ôm con trâu chạy mất. Không đâu con, bác chỉ đứng đây thôi, để ngửi lại cái mùi khai ngai ngái của trâu, để ngó mặt trời lặn bùng lên từ phía chân trời. Ta khẽ lặng người đi, có cái gì đó bén lắm khế cửa vào khúc ruột, ta đã tìm cảnh có trâu có cỏ như vậy lâu lắm, vì đôi khi nhớ tiếc một thời thơ ấu trong trẻo, ngọt lịm như mía lùi. Bây giờ tìm được cỏ với trâu, lòng có bình yên nữa đâu mà thương sáo với điệu, chán thiết. Ngồi không cũng buồn, ta kiếm chuyện nói chơi, Trời ơi, có phải lúa kia không, mấy đứa coi, lúa xanh cả vạt đồng kia. Hai thằng mọi cười chảy nước miếng, năn đó ông nội, lúa đâu mà lúa, đất nầy phèn trắng xác, nước sâu hòm, người sống còn không nói, nói chi lúa. Ủa, vậy sao, vậy sao, hỏi đi công tác bằng xe hơi qua đây, cái vạt xanh nầy, ta đã tưởng là lúa. Ta nghe lòng then thò một chốc, rồi hỏi, mấy người đang lom khom đằng đó chắc là đang dận cù bắt chuột nhậu hả. Hai thằng nhỏ lại cười, họ đi đặt trúm bắt lươn bán đó, ông nội, đôi muống lòi con mắt còn lo nhậu nhẹt gì. Ta nín thinh luôn.

Ta vậy một chiếc xe khác, đi thêm một đôi đường. Ông già ngồi bên sắp ngủ gật, nghe ta hỏi làm ăn lúc nầy khá không,

Ổng tỉnh dậy, khá gì, đắp đống qua ngày thôi. Cái gì cũng lên giá, nè, khoai thuốc gò nẩy bữa nay lên thêm ngàn hai, vậy là mất toi một ký cái xanh. Tươi trần ai mới được ký cái, đi chợ địa bữa nào cũng buồn đã đời, ngó thấy người ta uống chai bia chín mười ngàn, uống cái ọt, rồi đi đái hết trơn. Xong uống chai khác. Mà, tui thấy chú em hơi quen quen, chú ở Giáp Nước hay Thị Tường?

Tim ta nhói lên một cái, mấy tiếng đó nghe thương, như đất là quê hương, là nhà của mình, người dân ở đó hiền hậu bao dung y hệt người cha, người mẹ, cô em gái nhỏ của mình. Nơi đó, có khi tám, hay mười tám năm rồi ta chưa về lại. Vậy thì bác tài ơi, cho tôi xuống chỗ đầu kinh kia đi.

Ta run rẩy bò lên những cây cầu khi, ta lồm cồm men theo con đường đất lở lói, đứt khúc bởi những cống, mương. Ta ra đi từ giải phóng, gần ba mươi năm rồi nhưng xứ sở vẫn còn nghèo. Ngoài vườn, cây trái xác xơ, phơi mình chang chang trong nắng.

Nhưng tấm lòng cời mở, nhiệt thành, hào sảng của dân xứ Đám (Thị Tường) thì còn. Mèn ơi, thằng Hai, thằng Hai nè bà nó ơi, cái thằng, lâu lắm... Coi anh Hai mập mập tốt tướng lắm, má à. Bà má mất mờ rờ bụng ta, cười khùng khục, í, bụng bây inh có chứa năm bảy tháng, nhớ hồi đó, mỗi khi đi công tác về, bây chỉ cái bụng xẹp lép, kêu nghe ọt ọt, than, má ơi, đói quá, thấy mà thương. Ta cười sượng trân, con nhớ mà má Ba. Má cười, Tổ cha bây, nhớ lộn má Ba bên xóm Huế hả, tao là má Bảy, hông nhớ he?

Và còn nhiều bà má, ông ba khác, người đã mất, người còn thì lẫn lộn nhớ quên. Nhưng những người phụ nữ xứ sở này bảo rằng chưa bao giờ quên ta. Họ biểu thằng cháu nội lục trong tủ thờ, lôi ra cuốn sổ đầy cứt gián, anh Hai coi, tập chép bài ca anh chép cho tụi em còn nguyên đây nè. Họ lật ngay trần cái trang chỉ chút nét chữ của ta. Họ giữ cái khăn tắm trước hôm đi chiến dịch ta nhờ giặt, cái hăm cạnh bụi tre gai... Mà ta thì không nhớ gì hết, trong những người này ai đã run rẩy đưa bàn tay cho ta nắm hôm đoàn văn công giải phóng về diễn ở Vịnh Dừa, ai đã bơi xuồng đưa ta vượt Đầm trong một đêm giông gió lớn. Ai đã thăm lặng đắp mền cho ta vượt qua cơn sốt rét?

Ta vừa thấy rừng mình ớn lạnh thì nghe tiếng cậu thư ký phân trần: “Chú Hai đã bay từ Hà Nội về Sài Gòn, rồi từ Sài Gòn về đây gần hết đêm, chắc là mệt lắm”. Ủa, sao kỳ vậy, ta loay hoay tìm đường ra khỏi cơn mơ.

Cậu thư ký gọi khê: “Tới lượt chú phát biểu rồi, chú ơi!”. Chú Hai choàng tỉnh ngay, sửa lại kính, e hèm. “Xin lỗi các đồng chí, tôi hơi mệt, nhưng không sao, ta vào vấn đề...”.

Làm cho biết

Bây nhấn tin vào máy tôi, “Viết văn không lo viết văn bày đặt vô Hội đồng nhân dân chi vậy không biết?”. Ui cha, Bầy đang cười mình ham hố, học đòi nhúng chân vô chính trường đây, tôi nhấn lại gọn gàng ba chữ “Làm cho biết”.

Mà thật, có nhiều chuyện mình chưa được biết bao giờ, nhiều cảm giác thật lạ lùng mình chưa được trải qua. Lần đầu tiên tôi nếm trái nổi áy náy khi thấy người dân chờ đợi. Buổi gặp gỡ nào, tôi cũng cố đi cho thật sớm, nhưng tới nơi đã thấy họ đợi ở đó. Những ông bà già tóc bạc, những anh thanh niên làm ra vẻ chững chạc, những cô gái e thẹn cầm vành nón... nhưng tất cả những vẻ mặt đó đều nhuộm màu sương nắng. Ngoài trời mưa gió hiu hắt, họ ngồi co chân trên ghế đá, nước từ ống quần nhỏ xuống tong tong. Có người đã hối dẫu con chuẩn bị cơm từ sáng sớm để ăn cho kịp đi chuyển đồ đầu. Có người chuẩn bị xuống máy lúc trời tờ mờ chưa tỏ mặt nhau, vì đường từ nhà ra xã còn xa lắm. Ngồi chờ tới giờ vào họp, tôi hay nghĩ lung tung beng, sao mình lại bắt họ lặn lội

đến để gặp mình, mình phải đến với họ chứ. Chỗ mình và họ gặp nhau đáng lẽ phải ở bên một bờ kinh cạn nào đấy, chỉ cần ngồi ở đó coi con nước lờ đờ, không ai nói gì hết nhưng mình thấu được nỗi khó khăn của người nuôi tôm, trồng lúa. Lẽ ra mình phải gặp họ trong một ngôi trường trống, co ro nghe mưa và gió thốc vào để hình dung ra những con chữ run rẩy như thế nào dưới bàn tay tái xanh vì lạnh của đám học trò. Lẽ ra phải cùng bà con đi trên con đường đất, lột dép bỏ qua cây cầu dừa, ngồi quây quần chỗ chòi vuông hay cái rạp xuồng, uống vài ly rượu để để cời mở những khúc mắc của nhau ra.

Chà chà, làm được vậy sổ tay tôi mau đầy cho mà coi. Tôi sẽ ghi chép thật nhiều để làm vốn cho việc viết văn. Bày ơi, Bày đừng lo, đi tới đâu, làm gì, tôi cũng không quên cái nghiệp của mình, “chuyện làm ăn” của mình. Tôi còn ôm mộng in quyển ghi chép như “Năm tháng chưa xa” của Nguyễn Thi. Sinh động, chi tiết, chứa đựng thật nhiều hoàn cảnh, nỗi niềm của nhân dân. Đây nè, tôi ghi cũng đã nhiều câu nói thật là mắc cười (không hiểu sao, cười xong tôi lại thấy đau quận cả lòng).

Một ông già hỏi: “Heo gà tui tui cho ăn ngày ba bốn bữa thì giá rẻ. Còn vàng với sắt hổng cho ăn sao lên giá hoài, kỳ vậy?”.

Một ông già khác nói chuyện xây nhà tình nghĩa, “Năm nay không cất chắc hai bà má Việt Nam anh hùng ở ấp tui cũng không còn sống để chờ. Mà, mấy ông nhà nước có cố ý làm chậm hôn ta, chậm chậm, hai bà chết rồi là xù, nhà nước đỡ tốn?!”.

Một anh thanh niên bảo (anh nầy có nụ cười rất đẹp, nói chung ai cười đẹp là tôi nhớ lâu), “Nhà nước hay nói đảng viên, cán bộ là đầy tớ của nhân dân, sao tui thấy “đầy tớ” bây giờ sống ngon hơn “chủ” quá trời đất, nhậu chỗ sang, ở nhà lâu. Tui hổng hiểu gì hết”.

Một ông già khác (có chòm râu hơi dài): “Vợ tui nói bà hổng biết mặt chủ tịch xã nhiệm kỳ rồi ra làm sao, bốn năm trời, ông nầy có xuống dân đâu mà biết mặt. Tui thấy mấy ông nhà nước lúc rày xa tui tui quá, lạnh lùng với tui tui quá. Cậu vẫn thư ở xã mình râu còn chưa có mà lần nào tui lại làm giấy tờ nầy nọ cậu cũng lớn tiếng rầy rà, nạt nộ”.

Một bà lão (tay phe phẩy cái nón lá rách tả tơi) bảo, “Tôi thấy mấy ông sai phạm làm mất tiền tí mà hổng có sao hết, có người bị xử nhẹ hều, có người đưa qua làm giám đốc bên xứ... đạm gì đó (Ghi chú: Tác giả nghi là Khu công nghiệp Khí Điện Đạm Khánh An, chứ ở Cà Mau có xứ Đạm nào đâu). Kỷ luật mình hổng nghiêm nên cán bộ “chơi” hoài, “ăn” hoài, ăn đâu có tội tình gì, ngu sao hổng ăn”.

... Sổ tay tôi còn nhiều phát biểu mắc cười như thế nữa, Bậy à. Tôi luôn ghi vào sổ tay vì giọng văn tung tung của mình cần những câu nói dân dã, không quan cách ấy. Và Bậy biết không, thật lạ lùng, nhiều khi tôi không nhớ sổ ra nhưng vẫn nhớ rõ ràng khuôn mặt của người, nhớ từng câu, từng chữ, cái cười cay đắng, cái chêm tay quyết liệt vào khoảng không...

Và từng nét mặt đẽ nên, dáng đi nặng nề, từng ánh mắt day diết của mỗi người khi ra về. Phải chờ lâu lắm, đoàn Đại

biểu Hội đồng nhân dân mới đến, nhưng gặp nhau, trao đổi chưa được hai tiếng đồng hồ thì hết giờ. Xong, đại biểu Hội đồng đi ăn cơm với cán bộ xã. Bà con lénh thénh xuống xuống, không thấy ai cười bởi trong lòng trĩu nặng những nỗi niềm chưa kịp nói, còn trong tim những ray rứt chưa kịp tỏ bày.

Khi ấy, Bảy ơi, tôi đã biết so đo, lúc nhậu, hay chơi tennis mình đã có dè sèn thời gian như thế không?

Câu trả lời đáng chất.

Tản mạn quanh... cái cổng

Sớm mai chạy bộ đã thấy dăm ba người ngồi tum hùm ở đó, gió xách quai bị lỏng chỏng, còn anh chàng cảnh vệ thì đang lỏng ngóng đứng ngồi với vẻ mặt cảnh giác cao độ, tôi nghĩ trong bụng, chắc sáng nầy có chuyện đây. Mà thật, lúc vòng xe qua tượng đài để đến cơ quan, thấy cổng ủy ban đang nhốn nháo. Nhiều người hiếu kỳ dừng xe lại coi, mấy anh cảnh sát trật tự thối còi biểu đi đi, có gì lạ đâu mà coi. Ừ, có gì lạ đâu...

Cảnh nầy diễn ra hà rầm, thành ra cánh cổng ủy ban quá quen với việc kiện cáo vượt cấp thời mở cửa. Dân mình cũng ngộ, thấy ấm ức, thấy không hài lòng, thấy bức bối... vậy là kéo lại ủy ban, đòi gặp chủ tịch tỉnh chơi. Mà, phải chủ tịch chứ không phải ai khác à, bây giờ có đưa bí thư tỉnh ra bà con chưa chắc chịu. Tưởng tượng như đây là phủ Khai Phong, mà chủ tịch là Bao Công (vì ông quan nầy xử đủ thứ án, cả hôn nhân gia đình, cả giang hồ hiệp khách, cả âm mưu

soán chúa đoạt vua...), nên bà con đòi nhiều chuyện khó động trời. Có vụ việc đã xử ở Tòa án tối cao rồi nhưng vẫn nằng nặc đòi chủ tịch coi lại (?!). Có vụ việc đề nghị chuyển qua Ban tiếp dân nhưng dân lắc đầu nguầy nguầy, nói với giọng dứt khoát, “Đâu được, quyết định đó là chủ tịch ký mà, chủ tịch mới biết chuyện để nói với tui tui chứ”.

Rốt cuộc thì chủ tịch đầu lo xiết mấy chuyện lật vật nầy, ông còn phải lo hợp hành, hoạch định những chính sách vì mô để đưa tỉnh thoát nghèo (nhức óc lắm, bởi đã suy nghĩ biết bao lâu rồi chưa tìm ra con đường nào khả thi). Rốt cuộc cánh cổng đóng im im mỗi khi dân lại “hỏi thăm”. Cán bộ ra nói chuyện phải quấy với dân đi bằng cửa phụ (và được nguy trang tuềnh toàng, cực kỳ bí mật), nhân viên Ủy ban có đôi bụng cũng uống phê sữa đá cảm chừng, chứ ra ăn bên ngoài nhiều quá dân phát hiện cái cửa nhỏ xíu đó, kéo lại bao vây nửa thì phiền.

Trước đây, khu vực Ủy ban, Tỉnh ủy và các Ban tuyên giáo, Ban kinh tế liên thông với nhau, đi vào bất cứ một cổng nào rồi vòng vèo, luồn lách qua mấy con đường nhỏ xanh xanh cây cỏ được tia tốt kỹ càng là đến được các cơ quan còn lại. Tôi rất khoái, vì nó vắng vẻ, nên thơ, mà có qua Ủy ban, Tỉnh ủy đưa thư, tặng báo tôi không phải ớn xương sống vì vẻ mặt lạnh tanh của anh bảo vệ, bằng cái vẻ cảnh giác (chắc vì tướng tôi cù lắn, da lại đen, mặt lúc nào cũng đăm đăm suy nghĩ như mang oan khuất trong lòng), anh hỏi những câu chả sử dụng chủ ngữ, đi đâu đây, vô trông làm gì, gặp ai, có hẹn trước không? Rủi cái là bà con cũng biết con đường nầy, nhiều

lần xộc vô tới văn phòng, hỏi, chủ tịch đâu cho tui gặp chút. Chắc có người sức nhớ ra, ủa, ở đây là Ủy ban, Tỉnh ủy mà, sao có thể để dân vô ra như đi chợ được. Rồi những bức tường được dựng lên ngăn các cơ quan thành những khu riêng biệt. Cái cổng chính trở nên quan trọng, tất nhiên, một khi đã ý thức được điều đó, nó bỗng làm ra vẻ đạo mạo, thâm nghiêm, xa cách (người ta cũng vậy thôi). Đến nỗi có mọc xanh rì theo các viên gạch vỉa hè (vì cả đi bộ người ta cũng không dám đi gần tường rào).

Nên ai làng vắng ở đó thì chỉ có một mục đích duy nhất, gặp chủ tịch. Để kêu oan quá chủ tịch ơi, để hỏi sao ký quyết định thu hồi đất của tui, để méc là thằng kia giết con tui, sao tòa xử nhẹ hều... Xứ sở hơn một triệu dân, bao nhiêu là bức xúc. Nhiều sự việc đã giải quyết nhào như ở xã, ở huyện nhưng bà con ngờ vực có bao che, thiên vị, có "ân" ở trông (thấy chưa, làm dân mất lòng tin bây giờ khổ vậy đó, có công tâm, thật lòng cũng chẳng ai chịu nghe). Có người bị giết hôm trước hôm sau thân nhân đến (cổng) Ủy ban, gào khóc kêu chủ tịch tỉnh cho xin tí công lý, vì thủ phạm là cháu của bí thư phường, con bên sui của trưởng công an thành phố, nên tới bữa nay vẫn chưa bị bắt, vẫn nhon nhon ngoài đường. Kỳ họp Hội đồng nhân dân nào cũng gai gai người khi thấy một chị bung tẩm ảnh thờ của chồng lại để ở cổng. Hỏi kỹ cũng là chuyện tranh chấp đất cũ mèm, chị nói đất đó là của chị (mà tôi cũng tin nó là của chị, mới uất đến nỗi bung ảnh chồng đi lêu lêu ngoài nắng như vậy) nhưng tuyệt không có lấy một miếng giấy gì chứng minh (vậy thì lý đầu để chị thắng

kiện). Nên có xử thế nào, đã đạt lý thế nào chị cũng cảm thấy áy náy, buồn lòng nên lại cống Ủy ban ngồi, chờ đợi một cái gì không rõ ràng, và ngày càng tuyệt vọng. Có đoàn (chắc là ở huyện lên) còn nhóm lửa nấu cơm ngay đằng trước cốt gác, để khẳng khái bày tỏ quan điểm, “Chờ chừng nào gặp được chủ tịch, mới về”.

Thấy cống cơ quan bị “sức ép” quá, tình cử phó chủ tịch tiếp dân vào thứ bảy hàng tuần. Nhưng phó chủ tịch thì không phải là... chủ tịch, nên bà con chưa thỏa mãn mấy. Mà, một tháng có bốn buổi tiếp dân thì thăm thắp gì, chưa kể nhiều khi phó chủ tịch bận đi công tác, đi dự hội nghị hay... bệnh, chưa kể nhiều vụ việc quá phức tạp, phải hỏi lại các cơ quan có liên quan. Vậy là người ta tiếp tục chớ nổi đầu, nổi buồn, nổi oan khiên, mất mát... về cống ủy ban tỉnh.

Hệ lụy là tội nhân viên nho nhỏ như tôi (cả nghĩa đen lẫn bóng, tức là chưa có cái vé đường bệ nhìn vô là biết cán bộ nhà nước mà cũng chưa xuất hiện trên báo, trên ti vi, cái mặt lạ khù), vô ủy ban liên hệ làm việc vừa tới cống đã mất lửa ngay (do cái mặt anh bảo vệ quá lạnh). Hệ lụy là những má, những chị ở quê, một bữa nhớ quá những đồng chí đã cùng nằm gai nếm mật hồi kháng chiến, sẵn đi chợ nên ghé thăm. Nhưng thật khó để vào, nghe xin vô để gặp chủ tịch, bí thư là anh bảo vệ nghi rồi, mà lý do vô gặp cũng không rõ ràng, không được hẹn trước... (cũng có mấy người lại nói là bạn bè chiến đấu xưa, nhưng vô gặp được chủ tịch thì đưa đơn thưa, báo hại bảo vệ bị rầy, nên bây giờ phải cảnh giác). Khách đành ngậm ngùi dừng ở đó, quay về.

Đến lúc người xa khuất mất tiêu, anh bảo vệ mới tin là họ chẳng kiện thưa gì, vì họ túi hờn đi mau. Đó là chỗ phân biệt, người ám ức thì sẽ nấn ná, kêu gào, sẽ chờ mòn mỏi thật lâu. Bởi tới đây là người ta đã hết đường “đi”, đã không tin tưởng bất cứ cơ quan công quyền nào khác, không nghĩ ở đâu giải quyết mau lẹ, công tâm bằng chỗ này.

Nhưng đến đây rồi, chưa chắc đã gặp nhau. Cổng thì quá cao...

Cửa sau

Ở mình nhà nào cũng có cửa sau. Mỗi khi đi xa, nhớ ba nhớ má, nhớ nhà, nhớ luôn cái ngạch cửa trước, nhớ cái chái cửa sau. Rồi chợt hiểu vì mắc mớ gì mà người con gái xưa thắm lên chiều chiều ra đứng cửa sau để trông về quê mẹ để ruột đau chín chiều.

Ở nhà mình cũng có cái cửa sau. Cửa nhìn ra vườn cây xanh mướt, trắng loáng loáng ngoài kia là chòm má ông bà tổ tiên. Những chiều xa nhà, ngồi dưới đèn đi dọc theo các triền sông nhìn cửa sau của những ngôi nhà trầm lắng trong nắng héo. Không hiểu sao mình cảm thấy tội nghiệp mình ghê lắm. Người ta có nhà còn nghề nghiệp mình thì giang hồ mãi tận đâu đâu. Mình nhớ cửa sau nhà mình. Không phải chỉ là nơi để đi ra đi vào, cửa trở thành một khung tranh. Chị mình vẽ cảnh ngồi giặt áo trong cái nền sẫm đỏ của hoàng hôn. Ba mình vẽ vào khung một thân mình chắc nịch, đỏ au vì nắng gió trên đồng, những làn nước trong

vân trong vắt từ cái lu nước nhỏ bên cửa bắn tung tóe mỗi lần ba tấm. Bà nội mình ngồi trên cái đôn cửa bằng gỗ mù u, vẽ vào cửa sau một cái nhìn khác khoải, ngoài vườn chiều kia, dưới trăng chiều kia có mộ ông, có mộ các chú nằm xuống khi tuổi còn rất trẻ. Nên mắt bà đã mờ mà như ướt lem nhem? Hay tại khói cay bay cao bay sà từ chiếc lò cà ràng, ùng ục nổi cảm heo sôi trên bếp? Trên khung tranh còn má mình chiều nào cũng ngồi dưới chái đảm từ cửa sau, trước mặt má là thúng rau, sịa ngò đang lật dờ, bó dờ. Tay má nhàn, tái xanh vì ngâm nước lâu, trán má nhàn vì lo toan, vắt vả, chỉ có cái cười của má thì vui, vui lắm, vui không kể xiết. Nhất là khi má nhìn đứa cháu nhỏ xiu, ngong ngóng ở trường nháy lạch chạch trong cái thau nước đặt trên sàn lân (giống mình hồi nhỏ quá đi thôi). Cạnh đó, có phải mình không vậy ta, có phải mình đang ngồi chồm hóm trước nồi cơm đầy lợ, trong bức tranh chiều, dường như có tiếng cạo cơm cháy sồn sột và tiếng trẻ nít cười rân.

Đêm đầy sao, mở cửa sau chợt hương bông cau, bông bưởi ủa vào đầy ứ mũi. Muốn thở chỉ sợ hương tan. Nghe con chim heo kêu nghe sợ mơ hồ, chạy cuống chạy cuống qua cửa rồi mà hương vẫn còn theo.

Cửa sau, với mình, ít nhiều mang cảm giác thiêng liêng của sự đầm ấm, sum vầy. Cho nên nhớ hoài, nhớ mãi, nhớ không thôi. Cái số mình, thầy bói nói, là số giang hồ, giang hồ vật.

Ra giữa đời, về phố chợ, đất chật, người đông, sau nhà không có cửa nữa. Bởi phía sau không trăng, không hương,

không người về lên đó những bức tranh đậm ảm. Mà, ở đây cửa sau mang ý nghĩa khác mất rồi.

Người ta đưa hai tiếng cửa sau vào ngoặc kép, cửa sau làm nhà nước thất thoát hàng tỉ tỉ đồng, mồ hôi nhân dân đổ xuống nhiều hơn, nước mắt vì nỗi nhọc nhằn cạn đi (còn đâu nữa mà rơi). Cửa sau làm người ta không trọng nhau, không thương nhau, không tin nhau.

Cửa sau có muốn đâu, cửa muốn vẽ những bức tranh dung dị, bình thường về những con người bình thường, những cảnh vật bình thường.

Nhưng bây giờ người ta hay vẽ, một đám người chen nhau đứng đằng sau cánh cửa, quàng trên tay chất vượt mặt, gõ cửa bằng chân. Cuộc sống có thể người ta mới vẽ thế. Buồn thiệt ha?

Không, cửa sau mình nhớ dứt khoát không phải vậy. Thiệt đó, tin mình đi.

Thư từ quê

A_{nh} K.

Tôi vừa từ quê lên, Nam bộ đang vào đợt nắng nóng, da tôi đã đen lại càng đen hơn, coi kiếng nhìn vô chỉ thấy lấp lóa hàm răng. Quê mình giờ khác lắm, K. à.

Cái khác rõ ràng nhất là chuyển dịch cơ cấu sản xuất. Anh coi báo, xem đài cũng biết. Người nông dân bao đời gắn bó với cây lúa bây giờ đang nôn nả cho nước mặn vào đồng để nuôi tôm. Lúa tôm đầu chết hàng loạt đã dội gáo nước lạnh vào bà con mình nhưng làm sao mà đập tắt được lửa lớn. Ai chứ, bà con mình nghèo đã bao đời rồi, chờ đợi cũng biết bao lâu rồi. Nên có nơi nầy làng xóm xuống đầm vớt tôm chết, nơi khác đang đào đắp cải tạo ao nuôi. Đi đâu, làm gì cũng nghe chuyện con tôm, hừng hực khí thế tổng tiến công vào cái nghèo dai dẳng.

Nhưng còn cái đổi khác nữa mà chỉ những anh em làm nghề suốt đời tong tã chuyện người ta như anh em chúng mình mới thấy. Thấy rồi dung không ngồi nuốt tiếc.

Tôi tiếc những liếp dừa, hàng cau bị đốn, tàu bẹ còn nằm ngổn ngang. Tiếc rặng tre mạnh tông sau nhà, tiếc cây công già, bụi trăm bầu ngoài hòng ao hổi nhỏ tụi mình hay ra đó cát nhà chòi chơi cúng cuội. Tiếc một hàng bạch đàn hôm rồi về giăng vông ngủ, bày đặt mở máy ghi âm coi có ghi được giọng nói nào từ cõi trên không. Tất cả, tất cả đều nằm chổng gổc. Ông cậu đất ít, người lại đông nên tranh thủ tận dụng cả mấy cái ao, hố bom trong vườn để thả bầy thêm ít tôm. Trời ở quê vẫn xanh rờn rọi nhưng đất quê đã kém xanh rồi.

Tôi ngồi lai rai với ông cậu ngoài bờ chuối sát đầm tôm, cũng may là còn một bờ chuối thừa rinh thừa rảng để tránh nắng chiều. Cậu tôi mình còn ướt vừa ngồi ngóp xúc bùn dưới vương lên. Chưa hết xì rượ hai cậu cháu bắt đầu cãi lý với nhau. Mỗi người có tí tí cái lý. Cậu cho rằng phải hy sinh hết cho con tôm, sống mấy chục năm rồi chỉ hy vọng vô nó để đổi đời. Cậu nói rành mạch, để cây đó, lá rụng xuống đầm tình dầu nó tiết ra không tốt, nhứt là bạch đàn, tràm bông vàng... Tôi cãi (dốt cũng bày đặt cãi): "Cây dừa lá đâu mà đủ rụng xuống?". Cậu nói, cây dừa rể nó độc, lại ăn sâu làm gì mà không ngấm vô đất. Tôi cố vớt vát: "Vậy rể cây tre có độc hôn?". Cậu đố quạo: "Thằng, sao mày hỏi dân lân hoài vậy? Cây tre thì có lá tre, tao nói rồi, rụng xuống Đầm hồng tốt, hơn nữa, phải phát quang để cho gió nhiều, tạo sóng, có oxy cho sú nó thở chớ mậy, mậy sao, hỏi dai như đĩa...".

Tôi bắt đầu nói cái lý của mình. Tôi nói ở quê khác với đô thị ra làm sao đối với những thằng như tụi mình. Là vì, ở quê, người ta có được cái cảm giác trong trẻo, mát lành,

yên ả, lúc nào trong tâm hồn cũng có nguồn cội, cây cỏ chớ che. Là vì, phần đông người ta từ quê đi ra, cái ký ức tuổi thơ tới già không phai được. Có bao giờ người ta lại muốn xa quê. Như tôi (và cả anh) lúc nào mà không thèm về nhà, ngồi dưới gốc vú sữa, khế khà tí rượu với cá lóc nướng rơm. Quanh mình tỏa ra một mùi khói thanh thoá. Mà, nói chữ quê hương thì hơi khó hình dung, nhưng xét cho cùng người ta nhớ tới quê là nhớ má (tất nhiên), rồi gì nữa? Một căn nhà lá gió thổi mát rượi. Và một mảnh vườn đầy cây trái, ổi xá lỵ, ô môi, xoài thanh ca, khế ngọt... Trưa xách cây chét ra vườn hái trái dừa, chặt ống trúc nhỏ ngồi hút thứ nước ngọt thanh thoá mát lành đó. Mưa xập xoài, măng tre nhú lên mụt nào mụt nấy ú ỉ, chờ cao cỡ ba gang tay, má đi chợ mua giò heo về hầm một nồi canh, nước vàng óng như trắng một lớp mỡ. Lâu rồi, hể nói tới miệt vườn Tây Nam bộ ai cũng muờng tượng ra một đặc trưng kinh rạch và cây trái. Cà Mau là đất mặn, hồi đó chỉ có một nhúm cây trái thôi, bây giờ lại càng hiếm hoi nữa. Vườn tro đất trắng, nước đầm đìa nước. Nắng pha phả vào mặt. Tôi hỏi cậu tôi có phải vì con tôm mà bà con mình đánh mất cái vẻ đẹp làng quê đã có bao đời. Cái ký ức đẹp mà những người xa xứ như tôi đêm ngày thương nhớ.

Cậu tôi cười, ông uống một hớp rượu, vắn một điều thuốc, ra về trăm ngăm, ông bảo, thì ông cũng tiếc chớ, ông cũng đã gắn bó ở đây mấy chục năm rồi. Nhưng mấy coi, huê lợi từ vườn cộng với giá lúa rẻ bèo, tao nuôi hai đứa em mấy học ngoài thị xã còn muốn ná thờ, biết chừng nào mới khá.

Thấy trên đài người ta nuôi tôm giàu bắt ham, rồi nhà nước cho chủ trương, còn chờ gì nữa mà không tính chuyện đổi đời. Hồi đó, ông ngoại mầy với tao trồng cây ăn trái là cũng để cho sắp nhỏ sau này, bây giờ tao đốn thì nghĩ cũng cho tương lai con cháu sau này chứ đâu. Mà, cái thằng này, thiệt, uống tí rượu mà sanh tật, thân già tao không tiếc sao mấy ngòl tiếc mấy cái cây hoài vậy?

Tôi không nói gì nữa, anh K. Có gì mà nói, lời của cậu tôi cũng như tâm ý của bà con Cà Mau là vậy. Hy sinh nhiều thứ để hướng tới xây dựng tương lai cho mình, cho con cháu mình. Tôi uống với cậu tôi và chịu thua.

Nhưng thật lòng, anh biết không, tôi vẫn thấy buồn ghê lắm. Anh em mình thường nói, sợ nhất là cảnh còn mà người mất, nhưng xem ra chịu tâm trạng cảnh mất người còn cũng đau đâu có kém gì.

Kính thưa anh nhà báo

Tôi ở tận Cà Mau, cái tỉnh lỵ hay được anh nhắc tới, lúc thì dồn dập, rồi bật hơi lâu lâu lại thảng thốt kêu lên, có vụ tham nhũng, có vụ sai phạm, lãng phí mới đây, bà con ơi. Tôi quý anh, bà con Cà Mau quý anh, quý tinh thần dũng cảm, tinh nhạy, quý tấm lòng cương trực, thẳng thắn...

Nhờ anh, Cà Mau mình nổi tiếng quá chừng. Nổi tiếng mà tôi buồn, ngộ quá hen anh. Bởi người ta biết xứ sở mình không phải vì nhiều con gái đẹp (như gái xứ Tuyên), nhiều anh nông dân giỏi chế tạo máy nẩy máy nổ (như Đồng Tháp, Tây Ninh), nhiều phong cảnh đẹp (như Huế, Hội An)... sở dĩ quê tôi tiếng tăm vang dội chỉ vì có quá nhiều chuyện... lu bu (là tôi nói cho gọn).

Mặc dù đó không phải là bộ mặt, là bản chất của miền đất nầy. Chúng tôi có nhiều sông, nhiều cây có (dù là có đại bên đường, tất cả chúng đều kết trái, nở hoa) và gió tuyệt đẹp thổi trên những mái nhà. Có bà mẹ già ngày ngày xách hàng

chục lít nước màu đi hai mươi cây số chỉ để kiếm mười ngàn tiền lời mà không phải làm gánh nặng cho con cháu. Có những lão nông hiến đất xây trường, có nhiều người anh hùng sống thanh đạm đến cuối đời, mang mảnh đạn trong mình ra hàng cây bên đường trốn nóng và dịu cơn đau nhức. Một xóm nghèo nhưng quyết tâm gồng gánh nuôi con cháu vào đại học. Bà má Việt Nam anh hùng mở lớp học tình thương... Anh kiếm làm anh dũng hy sinh vì bọn phá rừng. Làng chài nghèo lao ra biển khi nghe có tai nạn đắm tàu, ghe cào nghèo sẵn sàng quảng bỏ lưới để kịp cứu người...

Và anh nhà báo ơi, đất Cà Mau chúng tôi còn hàng triệu chân dung người tử tế, hàng trăm câu chuyện ấm lòng như thế, nhưng anh không nhắc tới, nhắc ít, hoặc vả nhét vô tuốt trong ngách nào đó của tờ báo nào đó, tí nhỏ, chữ cũng nhỏ (còn chuyện lu bu anh bày ngay trang đầu, đập vào mắt người ta những con chữ thật kêu, cực kỳ ấn tượng). Vậy là anh không công bằng rồi, anh đánh đổ hình tượng của một vùng đất tan hoang mà xây... ít xịu, làm mất nhiều mà “gỡ” lại hóng có bao nhiêu. Để đến nỗi cảm giác ác cảm với đất nầy dày thêm mãi, bạn bè tôi đánh đồng Cà Mau với muôn vàn chuyện lu bu (và tạo thành một thói quen, như nhắc tới gái miền Tây là thế nào cũng lấy chồng Đài Loan, làm gái ở Sài Gòn... mà con gái đồng bằng chúng tôi có đưa lột vỏ tôm bột bột, lờ lỏi đôi tay, có đưa là mổ hời gặt lúa trên đồng, có đưa lặn lội từ Đất Mũi lên Sài Gòn vào đại học và có không ít đưa như tôi, gò lưng viết từng câu chữ để sống. Chà, nói chuyện mình mắc cỡ quá chừng...).

Anh nhà báo ơi, bắt đền anh đó, tôi biết phải làm sao bây giờ, khi bạn bè hỏi em gái đến từ đâu. Tôi sẽ nghe ê ê cái mặt (mà vốn nó đã dày theo năm tháng lắm rồi), chẳng dặng dưng, lí nhí, thẹn thò thưa: “Thưa, em ở Cà Mau” (và tôi làm sao tránh được ánh mắt cười cợt, nghi ngại của người thị thành khi biết tôi là gái miền Tây).

Và thưa anh nhà báo, hãy giúp giùm, tôi biết làm sao khi bảo mình là người Cà Mau mà trong lòng không còn chút tự hào nào.

Đi qua những con bão khô

NHỮNG NGƯỜI “ĐI BIỂN TRÊN CON THUYỀN RÁCH NÁT”

Nhà anh Nguyễn Văn Lập bên kinh Xóm Cống, Ấp 7, An Xuyên. Gió lồng lộng thốc vào, vách lá rách tả toai, ngửa cổ thấy lốm đốm trời. Coi kỹ, chỉ có bộ ván đằng trước, chỗ dùng để tiếp khách là lành lặn. Chị vợ áy náy vì nỗi nghèo của mình nên bối rối phân trần, “Tính nuôi vịt để cất lại cái nhà...”. Hành trình từ cái nghèo vừa vừa đến nghèo xác xơ nhanh như một cơn mơ, một cơn gió, một cái phui tay... Không đất để thế chấp vay vốn ngân hàng, phải vay nóng của hàng xóm, từ hơn trăm con, anh gầy dựng được 700 vịt thịt. Dịch cúm gia cầm ập đến, đàn vịt của anh bị tiêu hủy sau Tết. Bây giờ anh xuống kinh giăng lưới bắt cá phi, cá chốt bán kiếm tiền mua gạo, nuôi hai đứa con thơ. Cái đói nghèo làm cho đôi tay anh quen để ngửa trên đầu gối, đôi tay trắng như xương ở tuổi gần bốn mươi. Anh cười buồn, “Người ta hay nói, thiếu nợ thì bán nhà trả, mà nhà tôi bán

cũng hóng ai mua”. “Bây giờ chợ mát là thấy bầy vịt, lôm côm bò dậy thì nhớ tới nợ nần tứ giãng, thiệt, – chị vợ chắc lười – khổ hổng biết sao mà nói...”.

Xa về phía Nam thành phố Cà Mau, bên chân cây cầu Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, là nhà anh Ngô Văn Hoàng. Hồi mới ra riêng, anh sắm đôi trâu, mọi người gọi Hoàng “trâu”, sau nầy bán trâu rồi, bà con kêu Hoàng “vịt”. Dịch cúm tới khi đàn vịt gần 1.500 con của anh vừa bắt đầu đẻ trứng so, khi chúng đã ăn phăng trăm ngoài gĩa lúa mùa rồi, khi nợ ngân hàng, nợ vay nóng mới trả được năm ba kỳ lãi... Sáng hôm đoàn công tác chống dịch đem chúng đi chôn, chị Quyên, vợ anh Hoàng còn đem mấy bao lúa ra cho ăn, “Mình cùm nùm cùm nịu tụi nó bốn tháng trời, cực khổ biết bao nhiêu, mển tay mển chum, hổng nỡ để tụi nó chết đói”, chị bảo. Hố chôn đàn vịt nằm trên cánh đồng sau nhà, “Nhưng tới bây giờ tui không dám ra đó, thấy rồi mắc buồn thêm”. “Tui mới tỉnh với anh Hoàng, chắc là moi mốt tha mấy đứa nhỏ về dưới ngoại (Khánh Hải, Trần Văn Thời) phụ làm địa, kiếm cá nhận mắm chở về bán. Rồi chờ mùa lúa tới”.

Mà, mùa tới còn xa, xa lắm.

Bây giờ vẫn còn nắng chang chang như vậy, những cơn nắng làm mùa hạn bất thường thêm lên. Chẳng có một cơn gió nào, ngọn cây so đũa đứng trôn nhưng người ta vẫn cảm giác đầu đây sốt những cơn bão rớt. Đã hơn một tháng kể từ ngày ủy ban tỉnh Cà Mau ra công bố dịch cúm gia cầm (ngày 2.2.2004), nỗi buồn ủ ề của những người chịu ảnh hưởng của dịch đã bị nắng sắc lại, mặn chát. Những cánh

đồng tro rạ, những dòng kinh không đàn vịt nào cắm ở đấy, những tiếng gà eo óc lạc lõng xa xa. Tôi nhận ra rằng, chẳng phải người có vịt gà bị tiêu hủy nhiều thì buồn hơn người ít, bởi mỗi người mỗi cảnh, những nỗi buồn cũng lớn lao như nhau. Với tổng số gà và vịt 267.813 con bị tiêu hủy, vùi theo đó bao nhiêu là kỳ vọng, là ước mơ, là khao khát đổi đời.

Nhưng vợ chồng anh Hoàng còn hy vọng, còn có thể sống lay lắt chờ mùa lúa tới, còn ở những vùng chuyển dịch, bà con nông dân đang trong thế bị khó khăn vây kín.

Chẳng ẩm ỉ, bạo phát bạo tàn như dịch cúm gia cầm, con “bão tôm” từ tốn, lặng lẽ, mà bào mòn sức chịu đựng của con người. Chuyện tôm chết nông dân đã rành sáu câu rồi, chỉ khác, đây là năm thứ tư tôm chết, nghĩa là năm thứ tư nông dân Cà Mau vắt kiệt mình trong nỗi lo đói nghèo. Thím Hai ở Ấp 7, An Xuyên ngao ngán, “Mấy ông nhà nước không nghĩ ra cách nào cứu tụi tui, để vậy hoài, hai năm nữa không chết đói cũng chết vì trộm cướp cho cô coi, bắn cùng nên sanh đạo tặc, ông bà mình dạy vậy”. Nguyên một xóm kinh nầy ba năm rồi không trúng một vụ tôm nào.

— Mà, nhà nào hồi đó dẫn nước mặn vô trước nhứt, bây giờ lại sống khổ nhứt, làm như trời trả báo mình vậy, cô ơi.

Nhà thím cũng vừa bị tiêu hủy 4.375 con vịt trong dịch cúm gia cầm, vừa thất thần lo nợ ngân hàng vừa phải chạy gạo ăn. “Cái hồi làm lúa không khổ cùng khổ tận vậy đâu, cô. Bây giờ hỏi nhà nào ở xóm nầy mà không mua gạo chịu chỗ thím Sáu Đức, ai mà hổng vay tiền của thím í”. Lúc nầy, cái

“ngân hàng... xóm” ấy đang ngóng lại đường xā, coi trên có rút tiền hỗ trợ cho mấy hộ bị thiệt hại sau cúm gà chưa, hòng gỡ lại chút đỉnh, chứ nợ của các chủ ruộng tôm, ấp lắm rồi, mong gì?

“Mới đầu, thấy tôm chết, mấy ông nhà nước còn lo lằng xằng, mà lúc nầy làm như mấy ống quên mất biệt luôn, hay là lo hóng nổi nữa, hà cơ?”, thím Hai ngừng vống, hỏi tôi. Rồi thím chỉ nhà anh Chín Đo đường xóm, đất ít, tôm lại chết, năm sáu nhân khẩu sống nhờ cái vó cát rong rêu dưới kinh. Có bữa nửa đêm, ngủ không được, anh Chín la lớn, “Nghèo sao mà nghèo dữ vậy trời!” làm chị vợ quỳnh quáng, tưởng chồng đau ở đâu. Tiếng kêu thảng thốt nghe như tiếng thờ dài vờ ra của một đời người, nghe buồn lặng, buồn sâu.

An Xuyên có hơn một nửa diện tích dân mận nuôi tôm. Đây là những vùng chuyển đổi cơ cấu tự phát, nhà nước không quy hoạch. “Vụ tôm đầu trúng dữ lắm nghen cô, ai mà ngờ nó làm theo kiểu mấy thằng chim mồi cò bạc, dụ người ta nháy vô rồi, nó “chơi” mình sát rạt”, anh Hai Sỹ ở Ấp 2, An Xuyên ầm ức. Nhà anh có gần hai héc ta đất, “Nhưng ruộng làm không đủ ăn, phải kiếm tiền bằng nghề làm bún, ở xóm nầy, đất của bà con còn ít hơn của tui, nếu không có nghề khác đành chịu chết, muốn làm mướn cũng hóng ai chịu mướn, tôm chết trắng dờ con mắt rồi, mướn làm gì bây giờ, tiền đâu?”. Chị Út Nhiễm ở gần đó đã hai mùa “buồng xui” sáu công đất nhà, qua Tân Thuộc gặt mướn. “Hồi lúc làm ruộng tui cũng nghèo, nhưng có lúa ăn cũng vững bụng, chị kể, bây giờ phải đi gặt để chạy gạo. Nhiều lúc nghĩ tay ngồi

ăn cơm giữa đồng, tự nhiên hai vợ chồng tui thấy buồn quá chừng, ổng buồn đưa ngang xương, ổng nói, đáng lẽ giờ này mình đang gặt trên đất nhà mình, bà ha”.

Và ký ức vẫn còn tươi thom những bụi rạ trên đồng, những đụn rơm cao nghệu cạnh hàng cây bình bát. Những đơm lúa được trái phơi vàng trên mảnh sân nhỏ trước nhà... Xóm của chị Nhiễm nằm bên quốc lộ 63, hồi còn đi học, tui và bạn bè vẫn thường đạp xe ra đó chơi, ngắm mê mãi những ngôi nhà gỗ nằm lẫn khuất trong màu xanh sẫm của vườn chiêu. Những bờ đất cây trái lúc lỉu. Những bông rau muống tím biếc trở trên mặt kinh. Bây giờ đi ngang qua đó, người ta thấy nhiều ngôi nhà tường mới xây, mái lợp tôn giả ngói, đồ ầu ầu bật lên trên mảnh vườn xơ xác. Nhưng bên trong vẻ hào nhoáng đó là một nỗi đau, anh Hai Sỹ bảo, “Cò kiếm được người nào nhờ trúng tôm mà xây nhà chêm chết tui cũng chịu, họ bán đất đó cò ơi...”. Cắt bán một mảnh đất, với người nông dân, là chặt lìa một phần thân thể nào đó của mình.

Ít nhiều, người dân An Xuyên bắt đầu thăm thía hai từ “trả giá” cho việc “dẫn mặn về giày... cây lúa”. Bà con chịu là lỗi tại mình nhưng cũng có ý trách các cơ quan báo đài. “Mấy ổng lên đài toàn là cảnh trúng tôm, rồi nói nhờ tôm nên người ta đổi đời nẩy nọ. Nghe nói giàu, hỏi có, ai không ham, ai không chạy theo?”, thím Hai hỏi. Tui hơi giật mình. Có những tựa bài đọc nghe kêu, đại loại như “K. B. được mùa tôm” nhưng đọc kỹ thì chỉ vài ba hộ trúng. Đại loại như “L. V. L. thành công với mô hình trồng rau sạch” thực tế việc đó chỉ ở một đoạn xóm trong ấp Lung Dừa (mà cũng chẳng nhắc tới

chuyện bà con trồng rau sạch nhưng phải bán giá “bèo” như rau chẳng sạch). Đại loại như “L. T. T. đi lên nhờ vụ lúa – vụ tôm” nhưng mô hình chỉ thành công ở một vài ấp như Tân Hòa... Ba tôi ám ức, “Ở Bộ Tời, Bộ Phát dài vô Sớ Tại cũng thuộc Lương Thế Trân mà lúa thì chết non, tôm chết lảng...”. Đây vùng nhà nước quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nhưng cũng “thất trận”... tôm tôi bời. Đã thử làm vụ lúa, vụ tôm, đã đổi hết thuốc nầy, vôi khác... Đã vái đủ bốn phương tám hướng, cầu xin trời đất, hồi đầu cúng vuông bằng đầu heo, tôm chết, cúng hột vịt lộn, tôm vẫn lụi đầu, có người bắt chó làm thịt cúng (cúng chó tức là “có trứng”). Chẳng biết ai đầu tiên phát minh ra cách cúng nầy, nhưng nghe buồn cười đến rơi nước mắt. Hay là đã tuyệt vọng lắm rồi, kiếm chuyện gì đó lạ đời để làm chơi, hay là nhà không còn gì ăn nên bày ra vụ cúng nầy, hay là tiện đấy để... nhậu đỡ buồn. Vừa qua, bà con ăn một cái Tết “xo cò”, có nhà, hết năm rồi mà không có được một trăm ngàn trong túi để lấy may cho năm tới. Làng xóm buồn thiu, cái buồn nghèo đóng rong đóng rêu sang cả đám gà, đám giò... Dịp để hàng xóm láng giềng họp lại, hát hò, nhậu nhẹt xóm tụ nầy gặp nhau chỉ mong mệnh những tiếng thờ dài. Thờ dài vì vuông chẳng thấy con tôm nào. Thờ dài vì cá phi cũng hồng có mà giăng lưới kho quẹt ăn. Thờ dài vì con nước tháng hai cạn queo mà xăng lên giá sáu ngàn một rồi, sao có tiền mà xuống máy tát nước đây...

Mà đầu chỉ xăng lên giá, bà con ở vùng ngọt cũng khốn khổ vì giá phân bón tăng mạnh từ cuối năm ngoái. “Lúa lên giá một, phân vọt lên mười”, Nghĩa, thằng bạn hồi tiểu học

của tôi nhân nhó như đau ruột thừa, than. Nghĩa có một mảnh đất trồng rau ở xã Tân Thành, nuôi một vợ với đám con ba đứa cao thấp gần bằng chang nhau. Cái khuôn mặt thiên thần của nó hồi lớp hai lớp ba bây giờ nhân nhúm như ớt trái dưa khô. Hôm tôi ghé, nó còn mắc vục đầu xuống ao mức đôi thùng nước. Sau Tết, rau quả lên giá, nó tính đợt rau muống Tàu nẩy dư ra ít đỉnh để sắm cái mô-tơ điện, đứng ưỡn lưng ra mà xịt xịt cho sướng. Nhưng rồi phân bón, gạo, cá, tiêu tôi cái gì giá cũng tăng, nó đành chịu trận... Dẫn xe ra sân về, nghe thằng con nó méc, “Cha ơi thằng Sang nó đái vô cây ớt, cây ớt chết queo rồi”. Tôi nghe thằng Nghĩa rên lên, “Trời ơi”. Tôi biết nó buồn.

Hôm trước, tôi đọc một phát biểu của một quan chức Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rằng “nông dân Việt Nam như những người đi biển trên chiếc thuyền rách nát”, tôi vỗ đùi khen, cha chả, ông nầy không biết có viết văn không, sao mà ví von hay quá chừng. Hay. Và chính xác. Nhất là khi dịch cúm gia cầm đi qua như một cơn bão khô, người nông dân đau xót mà không khỏi ngơ ngác. Ngơ ngác đến lặng đi. Nhiều người đặt ra câu hỏi, “Chừng nào mới có bảo hiểm những rủi ro cho nông dân, tại sao người nông dân lại là người thiệt thòi, người chịu nhiều tác động của cuộc sống nhất?”. Đặt ra vậy thôi, thấy xót ruột quá thì hỏi vậy chứ câu trả lời nầy chưa có. Nên bà con nghèo hoài, nghèo không phải vì bê trễ làm ăn, không phải vì đánh bài đánh số, mê ăn nhậu, nghèo chỉ vì những rủi ro không lường trước. Nghèo vì mình là nông dân.

MÓN HY VỌNG ĐÃ HÂM NHIỀU LÚA

Khi tôi thực hiện bài viết này, chắc sẽ không còn mấy ngày nữa, ủy ban tỉnh Cà Mau sẽ công bố dập tắt dịch cúm gia cầm. Được biết, số tiền hỗ trợ của toàn thành phố Cà Mau đã rót xuống các xã. Chú Trần Văn Hai vừa nhận tiền lúc sáng, đã quỳ quả ra Cà Mau trả nợ ngân hàng, rồi làm thủ tục vay vốn lại. Tôi đến lúc thím với mấy đứa con đang mong ngóng ở nhà, cậu con trai đang học trung cấp tài chính kế toán cứ thắc thỏm nhắc hoài, “Hổng biết ba có vay tiền lại được không?”. Thím Hai rầy, “Tụi bây nói hoài ổng nháy mũi cho coi”. Rồi day qua tôi thím bảo, “Hồi sáng lãnh tiền về nhà tui đã xúm lại khóc một hồi, bốn mươi mấy triệu đó vừa đủ trả ngân hàng, còn nợ vay ở ngoài nguyên bản. Ổng tính ngân hàng cho vay lại sẽ xở mấy chỗ vay nóng, dư ít đỉnh để gầy dựng lại đàn vịt. Nói gì tui cũng không bó nghề, cô coi, nhờ nuôi vịt mà tui cất nhà, lo mấy đứa con ăn học đàng hoàng”. Tôi thấy mình ngạc nhiên khi ngồi giữa ngôi nhà rộn rã tiếng cười. Phải chăng nỗi buồn, nỗi mất mát đã qua rồi? “Rầu cũng nghèo mà cười cũng nghèo, sao mình hổng cười, hổng hy vọng cho đỡ khổ hả cô?”, thím Hai như đọc được thắc mắc của tôi, hỏi.

Thím, và bao nhiêu người nông dân khác nữa, giống như những ngọn cỏ bên đường, vẫn ngoi lên bên bờ sông sau bao lần bị giẫm. Tôi nhận ra rằng, nông dân mình xưa rày có món đặc sản “độc” lắm, nhờ món đó mà họ sống từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ đời này sang đời khác. Đó là “hy vọng”. Lúa thất thì hy vọng trúng mùa sau, giá rẻ như bèo cứ định ninh năm sau được giá. Lúa này tôm chết thì chờ lúa sau, lúc

thả bọc tôm nhỏ như cây kim xuống đầm, vẫn mong mai này còn gặp lại chúng.

Cho tới bây giờ, khi vừa ngoi lên đã bị kẹt lại trong tấm lưới đói nghèo, người nông dân lại cần hy vọng hơn bao giờ hết, cho dù nó đã bị hâm nhiều lửa lắm rồi. Nhưng phải hy vọng để sống, làm lụng, để chịu đựng và vượt qua.

Và để gắng sức chống chọi lại những cơn bão khô sẽ đến bất cứ lúc nào.

Chờ đợi những mùa tôm

Cứ mỗi lần gặp, bác lại nhắc ba, hỏi thăm ông bạn già ra đi từ mùa chuyển dịch. Ba bỏ phố về đồng, đào vuông, nuôi tôm. Con thừa, ba con khỏe, nhưng ốm nhom, đen thui thùi lùì, cần cỏi người đi. Như cây dừa Xiêm đầu liếp, khi nước bắt đầu thấm vào thớ đất mặn mòi, con người cũng khác.

Khi nào rảnh, con mời bác về thăm ba con chơi.

Chỗ ba con ở không xa nhà mấy, qua cây cầu có con đường nhỏ dẫn xuống mé sông, qua chuyển dò ngang, men theo cái bờ đã lở như cá chốt rìa sẽ đến đập Bộ Phát. Lăn theo mé kinh nhỏ, bác sẽ gặp ba con. Không biết bây giờ ba con đang làm gì. Nắng nấy, chắc ba con đi trồng cỏ nước mặn cho cỏ bò che phủ mặt nước, để nước đừng nóng lên. Chắc ba đang đóng lại cái cống tháo nước bằng gỗ. Chắc ba đang hì hụp xúc sinh bổi lên cái bờ vuông vừa lở chiều qua... Mà có thể, bây giờ ba con đang ngồi uống trà, má con nấu

bữa cơm chiều, con cá phi kho khô tỏa mùi mặn nồng trên bếp, má kể sáng nầy thấy được con tôm rồi, nó bằng ngón tay cái vậy nè. Hai ông bà cười, mơ về những giấc mơ xa xôi lắm.

Con tin rằng, bác sẽ giật mình khi nhìn thấy ba má con như chính con giật mình khi nửa tháng, mười bữa mới gặp. Ông bà già đi nhanh, cái già tranh thủ từng ngày, từng giờ, mót mót từng khoảnh khắc của cuộc đời. Chỉ mới một mùa tôm thôi, bác à, nhưng đó là mùa tôm người nông dân vùng chuyển dịch vất kiệt mình ra trước bao nỗi cực nhọc, buồn vui.

Con vẫn tin rằng, làm ruộng nuôi tôm làm cho người ta sống cùng, sống tận với cảm xúc của mình nhất.

Vui thôi là vui cái hồi bắt đầu cất căn chòi nhỏ. Mỗi chuyến đi về, ba má con xách theo nào nồi niêu xoong chảo, nào là mùng mền chiếu gối. Ba con nói vui “cảnh nầy y chang tui với bà vừa mới cưới, được ra riêng”. Một mái ấm dựng lên trên góc đất, nằm cặp mé kinh. Một chiếc xuồng nho nhỏ buộc đằng trước nhà. Dưới ruộng, đất đang cắt, đang đào, bờ bao ngan lờ mờ hiện ra trong làn nước. Dọc theo xóm, nhà nào, người nào cũng hồ hởi. Nửa đêm, gió thổi hiu hắt, trở mình nhớ nhà, nhớ đám con cháu ở nhà, tụi nó lúc nào cũng cười giòn, cái vĩa eo xèo, cái cũng vui thiệt là vui. Rồi ba hỏi má, mình bỏ nhà, lặn lội vô đây để làm cái gì bà ha? Má không nói vì cái gì, má chỉ an ủi, cùng lắm hai mùa tôm, có chút vốn kha khá rồi mình sẽ về. Cái hồi đó sao mà hy vọng tràn đầy, hy vọng lênh láng.

Phải chăng vì niềm hy vọng khao khát vươn lên nên khổ cực tới đâu ba má con cũng chịu. Một đêm vài ba lần, ba má con thức dậy, đi rào một vòng ruộng, canh con nước... Mức nước ngoài sông không cao, kinh cạn, đón con nước nửa đêm, hai ông bà ị ạch khiêng máy ra tát vô đầm nuôi. Chập chờn một chút, má choàng thức, rù ba hi hụi đem máy vô chòi. Bác cũng biết, chuyện tiếp nước cho tôm từ cơ sở hạ tầng trồng lúa cũ đang là một trong nhiều khó khăn của chương trình chuyển dịch ở tỉnh mình. Nên chuyện nước ra nước vào ở chỗ ba con như một tiểu tiết, một chấm nhỏ mờ mịt trong 200 héc ta chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi tôm trong tỉnh. Không ai bảo ai, bà con ở xóm kinh tự lo, tự xoay xở riêng mình như hồi nào giờ vậy, nhà nước lo được bao thì hay bấy nhiêu. Có túi thân, túi phận thì lủi thủi than thở với nhau chơi, vậy thôi. Nhà nước còn phải lo tí ti chuyện lớn, chuyện mất còn khác.

Những đêm mưa, sợ nước dâng ngập bờ, dầm mình đi tháo nước, những ngày nắng, lặn lội xúc từng gàu sinh từ đáy đầm lên... Ba má con an ủi nhau, hồi trước giờ có khi nào nhà mình hóng cực. Nào là trồng cái, trồng ngô đội đi chợ, nào là mua so đũa về làm nấm rơm, nào là đi mua lúa hàng xáo, rồi làm hai ba vụ lúa... Có làm gì mà không cực khổ, dậy sớm thức khuya.

Nhưng không làm nghề gì khắc nghiệt như nuôi tôm, y như trên chiến trường, “thắng làm vua, thua làm giặc”, mà là giặc nghèo, giặc đói mới chết. Ba tháng nhọc nhằn, ba tháng rót vào lòng đầy hy vọng. Tôm chết. Lúc đầu còn chết từng ruộng, từng chòm, sau chết cả vạt đồng, cả xóm, cả vùng. Tôm chết

như người ta trở một bàn tay. Lẹ ghê, ngủ một đêm sáng dậy thấy tôm lụi vô bờ, nằm đại khờ trên gờ đất, ngọn cỏ, ngọn rong. Vót từng con tôm nhỏ bằng ngón tay út lên lòng rung rúc, đứt ruột. Tớ phở hời nhau làm sao mà tôm nó chết vậy kia? Có ai làm gì nó đâu mà nó chết, mình quý nó còn hơn mạng mình nữa mà? Tôm chết rồi làm sao cứu đây? Cho nó uống thuốc gì, chích thuốc gì? Ý trời, anh là cán bộ ngoài tỉnh vô làm vương, bộ không biết sao? Làm sao biết được. Bụng xót như xát muối, te tái chạy đầu trên đầu dưới hỏi nhau những câu ngớ ngẩn mắc cười.

Tôm chết rồi, cũng hết như bà con ở xứ mình, ba má con mới biết mình hổng nặng về kỹ thuật. Lăn lộn cuộc đời nông dân ngót năm mươi năm không có chút kinh nghiệm nào có thể đem vào chuyện này, má con nằm gác tay trên trán, thờ dài, rút ra kết luận. Má tá hỏa khi biết hầu hết tôm giống trên thị trường không hề được kiểm dịch, đúng quy trình phải quảng cả trăm ký vôi bột mà mình xài có hai ba chục ký... Báo chí than bà con mình thiếu thông tin, thiếu hiểu biết rầm trời, các chú “ở trên” nhần, bà con mình nóng vội quá. Nhưng bà con họ chờ bao lâu rồi hớ bác, lâu quá là lâu rồi, từ đời cày cấy nảy qua đời trồng tía khác, họ kỳ vọng cái ngày vươn lên. Tôm chết, giống như một luồng nước lạnh tạt vào ngọn lửa trong lòng của mỗi người. Nhưng ngọn lửa ấy không tàn lụi, nó vẫn rạo rực cao ngọn từ tro ướt. Đã tắt hy vọng đổi đời từ cây lúa, người ta chờ đợi những mùa tôm.

Ba má con chắc là bị “sốc”, bác cũng biết, gì thì má con làm ruộng cũng giỏi có tiếng tăm mà. Bà cảm thấy buồn lắm.

Hai ông bà gầy rộc, sọp người đi. Ba con thôi làm thơ. Con không biết tại sao. Con vẫn thầm mong ba làm thơ lại. Trời đất ơi, bây giờ ba mà làm thơ được chắc là hay lắm. Những bài thơ không chỉ có tình yêu nam nữ, không chỉ có bức bách đời thường, mà nó còn mang nặng những niềm vui nỗi buồn lớn lao, đông đúc của người nông dân.

Ba con kể chuyện vui. Ba nói có chú nào ở đầu kinh dưới hời thả tôm tới giờ không thấy nó nổi lên chơi chơi như bây cá mẹ rờng rờng hay cá chép, cá mè, dượng vãi đất nước ông bà cho chú thấy bầy tôm, cúng gì chú cũng chịu. Ai dè, bầy tôm nổi thiệt, nhưng mà lúc nó nổi lên tức là đã nhiễm bệnh rồi, và tôm chết đỏ đẫm. Chú mới vãi lại, ông bà phò hộ dùm con, khỏi thấy cũng được. Ông bà nào phò hộ nổi há bác? Trước những hiểu biết mật mờ về con tôm, người nông dân cũng biết mỉa máo cười mình.

Ba con nói chuyện vui. Ba nói nuôi tôm trước sau gì cũng giàu, hổng giàu cái nấy mình giàu cái khác. Chẳng hạn như không có tôm thì mình múc nước dưới đầm lên nấu lại thành muối, muối bây giờ bán cũng có tiền lắm chứ, giỡn sao. Nghe cứ buồn cười không chịu được, đau lòng không chịu được.

Tôm lại thử lòng chịu đựng của nông dân, tụi nó mở đợt chết thêm vài ba đợt nữa. Đó là lý do tại sao lúc bác hỏi ba con giờ giàu chưa, con phì cười. Đợt tôm đầu, bán lại rai lấy lại được chút vốn mua con giống, ba má con đã là quán quân xóm kinh rồi. Má con bắt tép bạc lấy tiền mua đồ ăn mắm muối. Má nói, làm gì làm cũng đừng đừng vô mớ tiền bán tôm, đó là tiền gởi đầu cho vụ sau, mùa sau. Bác cũng biết

tài tháo vát của má con hồi chiến tranh, bây giờ cũng vậy. Má định ra kế hoạch sản xuất, má đi học hỏi kinh nghiệm của những người nuôi tôm đi trước. Má luôn luôn vực cả nhà khỏi chán nản, tuyệt vọng. Má con có nhiều “bài” lắm, má nói tổ tiên họ Mạc của má linh thiêng lắm, hổng lẽ nào ông bà để mình khổ hoài, má nói, một ký tép bạc, tép đất cũng ăn đứt giá lúa theo giá bây giờ. Với ba, để thấp hy vọng như ngọn đèn không tắt, má nói về tụi con.

Con bắt đầu biết vì lẽ gì mà ông bà dầm dãi. Không có cái gì riêng cho ba má con đâu, bác à, như bác, như hàng vạn người cha, người mẹ khác vậy thôi, một lòng lo cho đám con. Nên có hai người già trên đồng trống hốc, gió giạt mái chòi. Nắng đỏ ngầu. Mưa trắng xóa. Bà tóc bạc như nhuộm ở tuổi 50, sáng sáng xách nhúm tép đất ra đầu kinh xáng bán rồi về ngoài nhà, bơi vãi xuống gao bỏ mối có, bán lẻ có. Chiều vô vương đặt lú, nấu cơm. Ông già gầy gò, đen đúa mỗi tháng một lần về hợp chi bộ, sẵn thăm nhà luôn. Thời gian còn lại lặn ngụp dưới ao đầm, vớt rong, trồng có, vét bùn, đắp bờ. Sáng sáng, chiều chiều, đi xách nước ngọt ben kinh, hai tay lắc lè hai thùng qua cầu khi. Không tí vi, không sách báo, chỉ cái đài con con. Có hợp hành gì người ta mời ba, má đốc ba đi, ba nói, “Chân tui đóng phèn quá bà à”, má năn nỉ, “Ông mà chịu đi tui cạo bớt cho”. Đêm, người canh chòi trên, người chèo queo chòi dưới. May mà còn những giấc ngủ nhọc nhằn sau khi đã trần trọc thóa thuê. “Thượng đế ban cho chúng ta hy vọng và giấc ngủ để đền bù cho những nỗi lo lắng của cuộc đời”.

Mà, bác đừng nghe con kể lể rồi thương xót ba con, rồi nghĩ, “Tội nghiệp, cái thằng hồi đó làm cán bộ oanh liệt vậy mà bây giờ sống khổ quá (nói cho văn vẻ chứ có oanh liệt khi khô gì)”. Nếu có thương xin bác thương nhiều bà con khác, họ nghèo, chan chát chỉ chờ có con tôm, tôm càng chết nhiều, họ càng khổ. Má con còn mảnh ruộng lúa đang xanh, còn cái quán nhỏ bán buôn cám gạo sống cũng được. Ba con thì giàu lắm, giàu gió giàu trăng, giàu bạn bè. Cái chòi là của ba con vô cửa phải cúi người vậy mà không lúc nào ngớt khách. Bà con ở xóm kinh đi qua ghé uống ly trà, đi lại ghé ăn miếng bánh. Không có thông tin báo chí ba thôi buồn lòng vì vụ tham nhũng này, vụ tiêu cực kia, thôi buồn vì nhìn thấy cảnh gai mắt, chướng tai. Đôi lúc người ta thêm sống một cuộc sống như thế. Thêm sống với những lo lắng, ước mơ rất thường tình. Thêm ngồi trong một căn chòi thấp sừng sững nhưng đầy gió, vây quanh ly trà đượm khói, những người nông dân áo phen, nước rỏ long tong từ ống quần đầy bùn đất, nghe trên đài tiếng nói Việt Nam đang tường thuật trực tiếp trận bóng đá chung kết cúp quốc gia mà tức mình, “Vụ tôm này mà suôn sẻ, thu hoạch xong, tui chạy ra chợ rinh liền cái ti vi tổ chẳng về xúm lại coi cho đã”. Nhắc tôm là rôm rả chuyện con tôm, chuyện kỹ thuật mới, chuyện con nước, con giống, chuyện sáng nay giá tôm sụt mất năm ngàn đồng một ký. Má con góp chuyện, “Chỉ sợ tôm nhiều, giá cả đi vô con đường rẻ bèo như giá lúa, lúa ế mình còn để ăn được, chứ mấy ông “ở trên” lo không nổi đầu ra cho tôm, để dồn đống đó ăn ngán chịu gì thấu”.

Má và con tin rằng, dù lần lửa rồi thì những mùa tôm sẽ tới, bác à. Nó sẽ tới để thay đổi số phận, cuộc đời mỗi người, nó tới để đính đặc báo rằng, chủ trương của nhà nước mình là đúng đắn, rằng cổ tích ngày xưa là có thật. Những con người lam lũ cực nhọc cả đời xứng đáng được trả công.

Hồi nhỏ tới giờ con được dạy là phải biết hy vọng, lạc quan nhìn cuộc đời, bác à.

Đôi bờ thương nhớ

Bạn biết tôi thương bạn nhiều mà bạn làm khổ tôi chi vậy. Như thường lệ, bạn vẫn viết thư cho tôi. Thư nhận chiều qua, bạn viết: “Mình sẽ cố thu xếp trở về cố hương. Có xa xôi gì mà mất mười hai năm ly xứ...”. Rồi bạn kể ra một dọc những cảnh moi từ ký ức cũ, nào là những tàn cây trứng cá đằng góc sân, hàng điệp đỏ de mình ra mé nước che cái bến, mấy chiếc xuồng ba lá buộc đập dềnh vào chân cầu. Con đường đất đỏ pha nâu dẫn vào căn nhà cất theo kiểu cổ, hàng lon nước trước hàng ba ngoại úp cái gáo thâm màu đất...

Tôi luôn nhớ về bạn nhiều nhất trong đám bạn cũ. Với tôi, những người xa xứ, lìa quê luôn luôn tội nghiệp. Bây giờ, tôi lại càng thương bạn hơn bởi những gì bạn nhắc, bạn nhớ đã không còn nữa.

Xóm của K., cái xóm Hòa Trung nằm bên bờ con kinh xáng Đồi Cường đã không còn nữa. Mà, có riêng gì cái xóm cũ của bạn tôi, nhiều làng xóm dọc theo những triền sông lớn, những tuyến giao thông chính ở vùng đất rặt sông nước này đã mất dần dấu tích theo con sóng tạt ào ào vào bờ đất. Và đất theo sóng ra đi.

Có người nói ở Tân Châu (An Giang) ngủ một đêm sáng dậy thấy nhà mình trôi lênh bênh trong dòng nước vậy mà sững, vậy mà “ngon” hơn ở ven các con sông Cà Mau, khỏi phải mỗi ngày nhìn thấy mảnh đất được gầy dựng từ thời ông cố, ông sơ mình từ từ, cứ từ từ chìm vào dòng nước mà không cách gì giữ lại. Đứt ruột.

Nhà cũ của bạn tôi nằm đâu? Cái xóm nhỏ nhìn ra sông, đón nắng từ sông, uống gió từ sông đó bây giờ đâu? Thở dài. Những ngôi nhà trống huơ, hoang tàn, trơ trơ gạch ngói, cái còn cái đã ngụp một nửa dưới nước, những cái nền gạch còn lưu dấu một chiếc gạch cửa, một cái lan can thấp (nơi ngày xưa bạn ngồi đó bung tồ com, vừa ăn vừa coi trời, coi đất chơi!?). Trên nền nhà cũ, lần theo các khe nứt do đất sụp có giống trâu, có nước mặn, lúc đại đua nhau mọc xanh rì. Một cái sần cây nước lộ ra cái ống sét nghẹt khi nước bắt đầu ròng. Những cây dừa, cây mắm nằm xoài dài ra mép nước, đâm rề tuyệt vọng níu lấy chút đất cuối cùng. Đâu đó nhiều quảng hiện ra một nhà máy chà gạo, nhà máy đường, ống khói gầy gập lại, nửa nằm ngoài bãi, nửa nghiêng ngửa. Con thần lẩn lác tắc lười kêu hoài làm như tiếc rẻ cái gì. Tôi tự hỏi, nhà của bạn tôi đâu, cái ngôi nhà ký ức ấy. Nhà xưa của bạn nằm thấp thoáng sau bờ đất kinh xăng mức, cây cỏ quanh nhà rất xanh, bên gốc gừa có cái miếu ông Tà ngó xéo ra sông... Tất cả giờ ở đâu?

Mới đó mà chỉ hơn mười năm. Ngày bạn đi, chắc sông không rộng như bây giờ.

Bác Sáu Bé, một người già của xóm Hòa Trung cũng bảo

như vậy, ông nhớ như in hàng mắm chồm ra mé nước, kế đó, trên bờ là một hàng dừa, sân rộng mình mông, trồng thiết nhiều me, nhiều cây me già, cao thiết cao. Ông thường trèo lên đó nghe ngóng tình hình giặc, “Hễ thấy tụi nó qua Mương Điều lò dò càn vô hướng mình thì mình rút”, ông kể, “Mà, hồi đó, kinh Đới Cường lớn lắm cũng bằng nửa công đất mình. Bữa nào cánh giao liên tui tui có thơ, tui ra mé sông, kêu mấy chú mấy anh bên cơ quan ra, tui buộc cục đất vô thơ, chọi qua bên một cái gọng hơ hà. Bây giờ ông nội tui chọi còn không qua nữa chớ nói gì già cả như tui...”. (Có phải ngày đó, người bên sông đã gửi sang cho bạn lời thương nhớ cùng bằng cách nẩy để cho bạn nhớ thương tới bây giờ? Tôi nghi lắm nghe!). Tôi ngồi với bác bên bờ sông, nước bắt đầu ròng, nửa cái khung của ngôi nhà cũ đã bị chồm hụp hời vào dòng nước bắt đầu lộ ra hàng ba, bên dưới lan can là hai bồn hoa nhỏ. Bác chống xuống ra sông, chỉ tay vào dòng nước đang chảy cuộn cuộn chỗ ngày xưa có hàng me, hàng mắm, để chừng có ra đến gần một nửa sông. Ở đó nhìn vào bờ, cảnh buồn như trắng lặn. Tôi hỏi bác có buồn không, bác chỉ im lặng và đốt thuốc, lâu lắm bác mới nói: “Buồn chớ, đất nầy, ông bà mấy đời để lại cho mình mà. Hồi đó, bom đạn vậy mà có ai bỏ nhà, bỏ xóm mà đi đâu...”.

Nhưng bây giờ đã thực sự là một cuộc chia ly. Những hàng mắm, vẹt, được, những rặng dừa nước vốn mang sứ mạng giữ đất đã bị bứt lìa trước tiên. Không có bộ rễ kiên cường nào có thể chịu được sức mạnh của sóng từ những con tàu. Đất bắt đầu vạt, vỡ ra, trôi đi từng ngày. Cho tới

khi, mép nước đã le liếm sát thêm nhà, người ra đi. Không ai để ý chiều đó có một căn nhà không còn ở bên sông nữa, người ta có biết bao nhiêu chuyện để lo, chỉ thấy giạt mình thàng thốt chiều nay ngồi tàu nhìn hai bên bờ sông, vườn thoi rộng, sân thoi sâu và xóm vắng.

Chưa có cái gì làm cho người Cà Mau vốn chịu thương chịu khó sáng tạo, cần cù lại bó tay như nạn lở bờ. Họ đã từng chiến đấu cật lực để giữ đất, họ cũng đã từng xây đi đắp lại hết bờ kè này tới bờ kè khác, đã từng hy vọng và rồi một ngày rút ruột bỏ xóm, bỏ nhà. Làm một bờ kè bằng rặng, bụp dừa nước sẽ chịu được khoảng nửa năm. Bờ kè đổ bê tông kiên cố hơn giữ được khoảng ba bốn năm, nhưng để xây được một bờ kè như thế người dân mất khá nhiều tiền, nên những người nghèo đã phải ra đi trước tiên. Một hai căn nhà còn bên bờ sông trong cái xóm đã tiêu điều như một ốc đảo nằm thoi loi một mình, “Dòm cảnh buồn muốn dọn nhà đi luôn cho rồi”.

Từ những ngôi nhà đơn sơ có, kiên cố có, nhiều hộ gia đình phải gầy dựng lại tổ ấm trên nền đất mới. Từ đơn sơ họ lại càng đơn sơ hơn, từ kiên cố bây giờ họ sống trong căn nhà cột cây, vách lá. Nhà chị Phi dời ra sau đê, ở đậu trên đất anh rể, góc đất nhỏ, nhà coi tum hùm to hó. Nhìn qua đầm dừa thưa rình thưa rặng vẫn thấy sông, vẫn thấy cái nhà tường cũ, nơi chị sinh ra và lớn lên, đã sụp một phần nền. Mớ ngói Tây cũ rong rêu chị chất sát vách nhà mới, “Chờ coi có cơ hội nào xây lại cái nhà không, mà, chắc làm hổng nổi nữa rồi”, chị than. Nhưng chị vẫn còn may mắn hơn nhiều hộ gia đình khác, có người đã phải bỏ xóm làng định cư nơi khác vì không có

đất, có nhiều nhà đất đã lở tới chân cột cái rồi mà chưa có tiền để dọn đi, nước tràn vô tới bếp tự nhiên như người thân quen lắm vô lục nôi.

Ngồi ở trạm kiểm soát Hòa Trung, nơi hai tuyến đường chính đi Ngọc Hiển và Đầm Dơi chia ra đi rồi lại gặp nhau để theo sông Gành Hào về thành phố Cà Mau, cứ năm phút có một chiếc ca-nô, tàu khách, tàu vận tải cỡ lớn đi qua. Nhiều tàu đặt cả hai máy rừng rừng chạy, sóng rần rạt. Ước tính mỗi năm có hàng trăm héc ta đất dọc các bờ sông trôi đi. Sức tàn phá từ sóng tàu với bờ bãi như vậy, mới hiểu tại sao bà con ở dọc những triền sông quê mình chịu bó tay. Chờ đợi một ngày đất đã thôi không còn lở dữ dội do lòng sông đã có độ dốc thấp đi, thì bà con không còn gì để mất nữa rồi. Biết kêu ai, bắt thường ai, mất mát như bị thiên tai vậy mà.

Trách ai bây giờ?

Trách anh Nha nông dân nào cải tiến gấn cái máy xe ô-tô vô tàu chạy, tội nghiệp ảnh, ảnh làm là để cho đời, không có ảnh làm sao tránh cảnh ò giang cách trở, làm sao đi đứng thuận tiện, mau mắn như bây giờ. Mình biết ơn ảnh không hết đó chứ.

Trách sao nhiều tàu bè tội nghiệp người ta, trên miền đất xó dếp vô chân, bước ra gặp sông nước nầy, không có họ, không cho họ phát triển, mình đi về huyện, về quê, đi công tác, đi chơi bằng phương tiện gì bây giờ?

Chỉ tiếc một chút quê mình ít đường giao thông bộ chia sẻ bớt gánh nặng cho sông. Mình tiếc quê mình thiệt thòi quá,

mất hai mươi lăm năm sau chiến tranh, đất quê mình mới có được những con đường lớn nhưng còn đơn sơ về năm huyện. Nhưng sau từng ấy năm, bên sông, người xưa, cảnh cũ đã không còn.

Bạn biết tôi thương bạn nhiều, tôi sợ bạn buồn, bạn ác với tôi chi vậy?

Hồng lẻ bây giờ tôi đi trồng lại hàng điệp đỏ, trồng lại cây trứng cá lá mềm và mận rụng xuống sân nhà, hồng lẻ tôi cất lại y chang ngôi nhà cũ, hồng lẻ tôi lừa được gió sông man mác vào cái hàng ba đã không được nhìn ra sông nữa, và tôi dựng lại được cảnh những chiếc xuống ba lá nhỏ với mấy cái lá dừa nước làm buồm trôi lơ thơ, êm ả trong nắng chiều, trời chiều. Tỷ dụ như tôi làm được những điều phi thường ấy thì bạn của tôi ơi, cái hồn quê, hồn đất năm xưa đã không còn. Mà tánh bạn cũng như tôi, khăng khăng hoài: “Hoa nào đẹp bằng hoa tuổi thơ. Ới nào ngon bằng ới năm xưa”¹. Kỷ niệm của những ngày tươi trẻ vô giá.

Nhưng rốt cùng tôi vẫn mong bạn trở về, dẫu đau cảnh mất người xa nhưng còn cô bác bà con, tàn mác ở đâu thì tình nghĩa cũng đầy như nước dưới sông vậy, còn y chang tôi của ngày xưa. Tôi thương bạn nhiều thiệt nhiều. Tôi sẽ an ủi bạn, rằng, đi dưới sông lở đất tiếc một, đi trên bờ giờ như Kinh Kha qua sông Dịch, tai nạn hồng biết đâu mà tránh, hao người còn thương tiếc nhiều hơn.

Nói vậy cũng đỡ buồn chớ.

1. Thơ Lưu Quang Vũ

Hu ảo rồi tan...

Cuối cùng, mình đã biết mình có nhiều chỗ không giống... người ta. Như sớm nay, thấy người bưng thúng củ kiệu qua nhà, đáng lẽ, phải nghĩ ngay tới món dưa kiệu chua hay kiệu xào tép mình lại chớm ghen ngào. Ui chao, tội ông Táo nhà mình, Tết nầy lên trời biết nói gì về gia chủ?

Kể chuyện mình chuẩn bị một bài phỏng vấn cho báo Tết từ hồi... đầu năm ư? Bài phỏng vấn mà mình muốn tượng trước là sẽ hay lắm, gay go lắm, trò chuyện tay đôi một quan chức gần đầu tỉnh chứ giỡn à. Mình sẽ hỏi những chuyện thường thôi, những chuyện mà phóng viên khác không thèm hỏi, chẳng hạn như ông có mệt mỏi không với những cuộc tiếp khách triển miên, có khi nào ông nhớ một bữa cơm gia đình, ông thường chơi môn thể thao nào, thí dụ như ông trả lời là chơi tennis (như giới quan chức vẫn thường yêu thích), mình (tượng tượng) sẽ "bế" ngay, "Sao ông không chạy bộ lúc sớm mai?" (trời ơi, chạy bộ sẽ biết được nhiều thông tin, sẽ hiểu nhiều nỗi lòng của dân lắm nghen). Mình đọc tham

khảo cả một cuốn sách dày “Sáu lần gặp Putin” chỉ để rút ra câu hỏi hơi... cà chớn, “Tại sao có nhiều người chức càng cao bụng càng to?”. Mình sẽ hỏi về những trần trở, âu lo, những buồn vui vô cớ, mối tình đã qua, rung động đầu đời... mấy cái nầy coi bình thường vậy mà ăn khách lắm, mới mẻ lắm, đồng nghiệp chưa làm (thì giờ báo ra họ toàn hỏi ông kết quả thực hiện nghị quyết, phương hướng sắp tới ra làm sao, chỉ tiêu đặt ra như vậy có gì khó khăn không. Ông nầy cũng trả lời cực kỳ hành chánh, nào là nhìn chung khá quan, tổng thể khách quan, cũng còn hạn chế, có ưu điểm nhưng cũng tồn tại khuyết điểm...). Lâu nay, báo chí xứ nhà ít viết về chân dung các nhà lãnh đạo, một chân dung gần gũi, đời thường như bác nông dân, như chị bán khô khoai, khô mực... Nên nghĩ tới bài phỏng vấn mình thấy sướng rơn lên, thậm chí nhắc tới tên ông, tim có chút đỉnh xao xuyến (chết thật, tại nhập tâm quá ấy mà).

Nhưng cuối cùng mình có làm được bài phỏng vấn mơ ước ấy đâu. Chưa kịp viết gì, ông lãnh đạo nọ đã ra đi khỏi trái tim mình, bằng vài chuyện sai lầm mà... ông Táo không hiểu nổi. Mình thấy lòng toang hoác, bẽ bàng (lặng lẽ vẫy tay chào thần tượng vừa rụng như sương, vừa chết ngắc bên đường mà mình chẳng dám tin, tưởng đâu...).

Báo hại, ông Táo không thể tau với Ngọc Hoàng về câu chuyện dở dang nầy của mình (mặc dù đáng kể nhất trong năm). Nhưng ông Táo sẽ ấm ức lắm, ông tự hỏi sao nhỏ gia chủ không lăn lộn vào cuộc sống nông thôn mà viết, như năm ngoái năm kia, ông đã tự hào với Ngọc Hoàng biết bao nhiêu

khi nó nói lên được cái cực nhọc, cái đói nghèo của người nông dân đang bời bời đi qua những cơn bão rớt. Sao nó không viết một mùa lúa "ngà vể không", một mùa trắng tay vì hạn sớm của bà con Cái Nước, Phú Tân, Trần Văn Thời... Những nỗi niềm trần ai, những nỗi đau đặng đốt của người oan khuất. Sao con nhỏ gia chủ không viết về bà con nông dân cho chắc ăn, hay nó nghĩ để tài đó không sang trọng, nó thay đổi rồi.

Ông Táo nghĩ vậy chẳng oan chút nào, mình cũng thấy không giống chính mình, lúc trước. Đám giỗ nhà má, mình đứng đỉnh nón mớn nẩy, ném mớn kia, mà không biết keo đường, hũ muối nằm đâu khi có bà con hỏi (góc bếp đó ngày xưa mình gấn bó biết chừng nào). Bỗng thấy mình là con mà như khách, như người dung, như kẻ qua đường... Mình mất hết bạn bè vì tính lợt lạt, dửng dưng và tùy hứng. Chớ chuyện như vậy thì sao hàn gắn được, ba năm tui mình mới có dịp gặp nhau tung bùng, vậy mà tối đó mình bỏ đi ngủ (nghĩ còn mai, còn mốt), nhưng sáng mở mắt ra bạn đã đi rồi, chẳng uống được chén rượu tiễn đưa, để say ngà ngà, thảng thốt đọc câu thơ "Sao lại chia tay vội vàng như dề". Như nước chảy qua cầu, mãi mãi không trở về được, có dựng lại khung cảnh ấy với những người ta yêu mến ấy cũng lạt nhách cảm tình.

Đã thấy thời gian ghê gớm vậy rồi mà mình có tỉnh ra đâu (nên ông Táo mới tức càngh hông). Mình bỏ mặc bụi đóng lớp trong nhà, bỏ ông Táo dơ dáy, xo cò trong gian bếp lạnh, tối ngày chống mộng vô xấp tạp chí về nhà đẹp, vườn đẹp, phòng

đẹp để... tham khảo. Nhà mình ấy à, sẽ là một ngôi nhà mặt trước ấn tượng với những mảng màu, phòng ngủ ở tầng trên cùng, giường, tủ giống hệt như trong phim Hàn Quốc, tầng lửng đặt ti vi màn hình phẳng và dàn âm thanh hi-end, phòng khách trang trí sang trọng với bộ bàn ghế màu mỡ gà, có hòn non bộ, nước chảy róc rách dưới chân cầu thang. Và còn một căn bếp sáng choang với hàng hàng tủ kệ, ông Táo tha hồ ăn sung mặc sướng. (Nhưng ông chỉ lắc đầu, sao không làm ơn quét bụi, dọn dẹp nhà cửa, móc rác dưới tủ chén ra đùm túi, lo chăm chút chi ngôi nhà mơ ước còn thăm thẳm trên... trời). Minh háo hức dạo cửa hàng, đi shop chỉ để ngắm quần xanh áo đỏ (cho thỏa mãn nỗi thèm thuồng chó tiền đầu mà mua), tội chồng con ở nhà ăn mặc nhếch nhác, nhăn nheo. Áo chồng đứt chỉ, áo con đứt nút mình quần xà nùi để đó, chúi đầu vô coi những bộ phim mà chỉ cần giới thiệu diễn viên là đã biết tổng tông tông tình tiết, cốt truyện, biết luôn đoạn kết ra làm sao.

Rốt cuộc, mình không làm gì coi cho được (dù chút xíu thôi, để làm thuốc).

Chắc ông Táo không đành lòng nhìn gia chủ chìm lút trong hư ảo. Ông khiến chuyện nầy chuyện nọ để cảnh tỉnh con nhỏ đang sợ sống... Ông cho mình gặp Chị, cho mình than, ui, thời gian trôi thật là mau. Và Chị cười, đâu phải vậy nà. Bốn mươi tám tuổi, Chị chưa chồng, mùa cưới năm nào cũng đùa cợt dằng dai. Quẩn quanh bên giường bệnh của má, Chị thấy một năm qua lâu thật lâu, bằng những khắc khoải, lo âu khi má nói má đau, khi má ho khan lúc trời trở gió. Mới rồi má về

với đất, Chị trùm bọc đảm em khờ, và năm tới của Chị sẽ qua thật lâu vì nhớ má. Thời gian chẳng là gì cả, khi người ta sống hết mình.

Như người bán vé số đã đi đến tận cùng ngày, mang chút tiền lời mua gạo nuôi con.

Như người nông dân nhọc nhằn đến cuối mùa, mong thay lá mới cho căn nhà đã dột.

Như...

Chắc ông Táo xui gió Chướng rập rờn qua cửa, xui người rình thúng củ kiệu đi qua để cho mình đắng đót buồn, mai tới rồi, đã hết hôm nay mà mình chưa kịp sống.

Chút tình sông nước

Không biết bây giờ bạn đang lang thang ở đâu, lên Sa Pa đi chợ tình hay đã xuôi chợ Viềng Nam Định, không biết đang sì sụp ăn ốc nóng ở chợ Âm Phủ Đà Lạt hay về miền tây Nam Bộ xuôi thuyền thăm các chợ đồng bằng. Được du khảo qua các chợ, đó là niềm đam mê không dễ gì dứt bỏ, có lần bạn đã nói thế, phải không. Vậy thì sao bạn không về thăm chợ nổi Cà Mau quê tôi?

Nằm giữa lòng thành phố Cà Mau, quãng cuối sông Gành Hào, đứng trên cầu nhìn về phía mặt trời mọc, người ta có thể nhìn thấy một dãy ghe rập rờn xao động cả mặt sông, những cái chân vịt gác chông lên loang loáng dưới mặt trời. Không biết chợ đã hình thành từ khi nào, phải chăng từ những chiếc ghe thương hồ xuôi ngược một hôm neo đậu gần nhau để mỗi xin chút lửa, trao đổi cho nhau nắm gạo lứt, tấm vải bố tời, trái bầu, trái bí... mà nên một xóm chợ trên sông đông đúc, sung túc nhất đồng bằng như bây giờ?

Sao bạn lại không thể cùng tôi dạo chợ trên sông, đi từ buổi

sớm mai trong lành để ngắm xóm chợ tươi tắn, nhiều màu sắc và lạ lùng trong con mắt người xứ khác. Mà, sao lại là buổi mai? Vì chợ lúc bình minh lên như thời thơ ấu của một đời người, đẹp đẽ, tinh khiết, trong ngần. Sương đọng trên chiếc mùng giăng trên mui ghe của đám trẻ con ngủ vùi, ngủ nướng rồi bâng lâng tan cho một ngày buôn bán bận rộn bắt đầu. Hàng trăm chiếc ghe to, nhỏ khảm lừ, đậu sát vào nhau thành một dãy dài, người bán, người mua trùng trùng trên sóng nước. Buổi sớm mai, đó là buổi của những chiếc xuống con với các chị, các dì bán hàng ăn sáng, mùi thơm của các loại bánh lan tỏa xa hơn cả tiếng rao hàng, là buổi của những chiếc ghe hàng bông đổ ra từ trăm ngàn con sông, rạch để bỏ hàng rồi trở về theo trăm ngàn lối sông rạch cho chuyến buôn xa. Buổi của những chủ ghe tất bật bày biện sao cho mớ hàng hóa của mình mới mẻ, tươi tắn và tinh tươm nhất.

Ngày trước, chợ trên sông Cà Mau cũng giống như nhiều chợ nổi đồng bằng khác buôn bán rất nhiều mặt hàng từ nhu yếu phẩm đến thực phẩm, nghe kể, chợ bán cả bàn ghế, giường ngủ, tủ thờ... Bây giờ, cách buôn bán ấy chỉ còn ở những ghe hàng bông lưu động đến tận nhà người dân, riêng chợ nổi Cà Mau chỉ tập trung bán sỉ hàng hóa nông sản tươi, những thứ rau, trái miệt vườn. Với khách đường xa, đi chợ trên sông là để xem, để khám phá cái nguyên khí một miền quê lạ. Bạn không cần ghé vào từng ghe để xem hàng họ bán những gì, bạn chỉ cần biểu em gái chèo đò chèo chậm thôi, thong thả thôi ngang qua chợ. Bạn cứ nhìn cái nhánh cây thon, dài buộc ở đầu ghe kia, trên cây treo gì thì ghe bán thức ấy,

lúc la lúc liu trông lạ vậy, nhưng đó là tiếng chào mời không lời. Chẳng cần rao bán, chèo kéo nhưng khách cảm lòng nào mà bỏ đi. Cảm lòng được sao với cái màu đỏ thanh thao của trái đu đủ chín cây, đỏ au au của chùm chôm chôm, vàng ươm của khóm, xoài, xanh riết của cóc, ổi, tím của cà... Giữa chợ nổi Cà Mau, cảm giác như gặp được những khu vườn của miệt sông Tiền, sông Hậu, như nhìn thấy những rẫy khóm, rẫy mía miên man dọc triển sông Trẹm quê mình.

Mỗi chiếc ghe neo đậu ở đây là một ngôi nhà, ngang hai mét, dài năm bảy mét. Nhỏ bé, chật hẹp là vậy, nhưng khách thương hồ lại có tâm hồn hiếu khách, hào sảng, rộng rãi. Bạn đến, họ sẽ chẳng hẹp lòng gì mà không mời bạn nếm thử miếng dưa gang thanh thao, cái thơm ngọt lạ lùng của trái dừa nước, thử cái vị chua chua của trái dầu, trái khế quê nhà. Nếu bạn lỡ phải lòng cô bán hàng duyên dáng nào đó thì xin hẹn ước mau mau, để chẵn chữ về nhà rồi quay trở lại, sợ rằng sẽ đứng trên chiếc đò nhỏ chao trên sóng (hay lòng của ta chao) nhìn cây cọc buộc ghe vắng một sợi dây quen, có buồn lắm thì cũng đành hát “người đã đi rồi khôn níu lại”. Biết làm sao được, bản chất của xóm chợ nầy là vậy, hợp rồi tan như lục bình trôi, như bèo dạt.

Tôi luôn nuôi một niềm hy vọng sẽ cùng bạn lênh đênh trên chợ nổi quê mình. Khoe cái sầm uất, rộn ràng của chợ buổi sáng, buổi trưa, cho bạn cảm nhận cái man mác buổi chiều. Cái man mác buồn đúng là của một chiều phố núi nào đó, một xóm nhỏ heo hút nào đó nhưng ở trên sông nầy vẫn có nét riêng. Những chiều tà, chợ nổi điều hiu hắt bập bênh đậu

hết một vạt áo nắng vàng hoe hoe, đỏ hoe hoe. Những người đàn bà cúi đầu ngó chăm chăm xới nôi corn nghi ngút khói, những người đàn ông xếp bằng ngồi trên mui ghe vắn những điều thuốc to đùng bằng đầu ngón chân cái, phì phà nhả khói lên trời. Những đứa trẻ con ngồi tênh hênh trên mũi ghe câu cá chốt, cá mè. Những cô con gái sau một ngày bán hàng mệt mỏi tìm niềm vui bằng việc nạm nịu chăm nom cho mấy bụi hẹ, chòm rau húng lủi, vài cây ớt óm nhom trong cái khạp bể để trên mui ghe mà nghe phảng phất niềm thương nhớ đất.

Bình dị vậy mà chợ nổi quê tôi đã đi vào nhạc, vào thơ, vào những bức tranh, bức ảnh. Những văn nghệ sỹ đến, làm nên tác phẩm rồi đi mà vẫn hên lòng quay lại bởi niềm hứng khởi trước những vẻ đẹp lạ lùng, đặc trưng của miền sông nước mãi mãi không bao giờ cạn. Vậy sao bạn còn chưa đến với đất quê tôi?

Nước sông Gành Hào ngày ngày ra biển rồi lại quay về há không phải vì không nhớ xa, không phải vì thương nhớ chợ nổi Cà Mau đó sao? Sông còn vậy, hướng chi người?

Bà yêu và con nhỏ thất tình

Cuối cùng thì thiệp cưới cũng đã đến tay, thằng bạn mà mấy lâu con nhỏ thương thầm sắp lấy một cô giáo nông thôn lạ hoắc. Con nhỏ buồn muốn chết. Buổi sáng nó còn tỉnh táo ăn cơm với cả nhà, nỡ mấy nụ cười méo xệch, chứ hìu hìu chiều là chực khóc. Trời ơi, sao mà nhớ, mà thương cái thằng đó quá chừng. Thấy cây cúp móng con nhỏ nhớ bạn mình có tật thích để móng tay dài. Nhìn tóc cũng nhớ tóc bạn dài. Nhớ chẳng nhớ chịt. Đến nỗi coi sư tử Châu Phi trong ti vi cũng thương tiếc còn cào, thì lần trước có dịp ngồi với nhau xem chương trình "Thế giới động vật", thằng nó bảo trong nhóm bạn mình, con gái đứa nào cũng dữ như sư tử, chỉ có con nhỏ là hiền, hiền thấy mà thương (vậy mà không chịu cưới người ta dùm cái).

Mà thấy xót con quá, chạy đi than thở hàng xóm. Hàng xóm mách nước có ông thầy bùa Chà trong hẻm Tèm Lem

hay lắm. Ông cho một tấm bùa, kéo thẳng kia quay lại, mấy hồi.

Con nhỏ nghe má nói lại, con nhỏ cười, "Thí dụ như bùa linh nghiệm thì ánh sáng bên con cũng đâu phải của con". Ừ ha. Nói phải à. Sẽ khổ sở rất dài khi mắt ta thấy những cử chỉ thương yêu, tai ta nghe những lời nói ngọt ngào mà trong bụng ta biết tổng tông tong tất cả đều không thật. Lúc đó ta sẽ chết dần mòn vì đau tui, chắc còn vất vả hơn giai đoạn thất tình bây giờ, khi cứ canh cánh trong lòng: thẳng cha nẩy tình tứ với mình là nhờ... tấm bùa chứ chẳng xuất phát từ tình yêu gì đâu. Và cái cười dịu dàng kia, ánh mắt ấm áp kia, nụ hôn ngọt ngào kia, vòng tay nồng nàn kia... thấy vậy mà không phải vậy. Ta nhìn cuộc đời thấy lệch lạc, mát mát ít nhiều. Đó là chưa kể phải thôi thóp lo âu, sợ tự dung một ngày bùa thiêng hết tác dụng, thẳng bạn rùng mình một cái, ngờ ngác hỏi ủa, sao hai đứa mình nằm chung giường vậy, xin lỗi ghen, chắc tại hồi hôm tui xin quá nên chui ấu vô mừng bà. Rồi thẳng bạn nhìn về mặt đau đớn của ta, kinh hoàng: "Trời đất ơi, bộ tui đã làm gì bậy bạ sao?". Tất cả sẽ chấm dứt ở đó, thẳng nọ phui sạch những ngày tháng mặn nồng cái rột, bỏ lại ta một mình chìm dưới đồng ký niệm thương yêu. Với ký ức trống trơn, thẳng nọ phơi phới ra đi, còn ta thì nhớ hoài, đau hoài...

Rốt cuộc, con nhỏ thất tình kết luận, "Má ơi, vụ bùa yêu con thấy không bền. Tình cảm xuất phát từ tấm lòng mới quý. Niu kéo làm chi những cái không phải của mình..."

Ui chao. Giật mình. Hết hồn hết vía. Những chức tước, bổng lộc... mà người ta đang chạy rần rần để tranh giành, chiếm đoạt, để xin... một tí coi kỹ thấy giống bùa yêu lắm ghê. Nó sẽ làm cho tâm hồn người ta không yên ổn, mất mát và nơm nớp dai dẳng.

Con nhỏ thất tình quyết định không chơi bùa. Nhưng sẽ còn nhiều, nhiều người sẽ hỏi đường vô hẻm Tèm Lem để kiếm ông thầy. Nghĩ mà hồi hộp quá trời...

Gió mùa thao thức

Những ngọn gió tháng mười ráo khan đã thổi về rạch Mồ Côi. Không ngủ được, má dậy sớm nấu ấm trà mang ra chòi vuông cho ba. Má biết, cứ nầy ba cũng đang thao thức.

Thức, vì đêm nay kỷ niệm chợt theo gió về kinh hải. Nghe gió, tưởng bên ngoài cửa chòi, lũ cá rô đang đớp mống dưới trăng giạt mình quẩy chùm. Nghe như tiếng những cây dao yếm mần cá chặt đều trên mặt thớt mù u. Nghe phảng phất mùi tanh tanh của khạp cá muối chưa chao nước mắm. Tháng nầy năm ngoái, Rạch Mồ Côi vào mùa đìa, mùa thu hoạch cá đồng lớn nhất trong năm.

Ừ, năm ngoái, cũng gió nầy, nước trên đồng cạn dần, cá nhà ta giã từ hết mùa mưa rày đây mai đó, gió từ những bữa ăn ngon trên chân ruộng, chân rừng, buồn tình rút xuống mương, đìa, ca "La la la, ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục cũng ao nhà". Thấy cá ục sôi dưới đìa, mắc nơm nao trong ruột. Hai ông bà không ngủ được, nghe cá lóc tấp phập trên mặt nước, tiếng gợn hơi như dừa rụng, ba nói, con nầy cá ký lô ghen, bà. Má cãi, hông tới đâu đó ông ơi, chừng

nửa ký là cùng, cá lóc tấp nghe hờm vậy chứ. Ba cười, già đầu rồi, hồng lè tui cái qua cái lại với bà như con nít. Rồi má châm một bình trà đậm, bung lại chỗ cửa sau, rủ ba ra ngồi. Vừa tráng nước nóng mấy cái ly, má hỏi, năm nay ông tính cứ nào thì xuống lười?

Thấy đằng xóm làm đĩa, má nờn nờn hỏi vậy, chớ má biết, năm nào cũng chờ cận Tết, chờ đám con cháu về đủ. Chúng nó bôn ba thành thị, chen chúc nhọc nhằn ở đó cả năm rồi, chừng về, phải đãi cho tụi nó mấy bữa cá đã đời.

Ba má làm nông dân chỉ có chút nẩy làm niềm vui lớn cho con. Ở thành phố, đám con cũng đủ đầy, nhưng chẳng bao giờ được sống đầm ấm như vậy, được đứng ngồi quây quần, ríu rít với nhau ngoài bờ chuối, bờ dứa mát rượi, khói tỏa quanh, nồng nàn, khung cảnh vẫn như ngày chúng lên tám lên mười. Coi cái cách ăn của con, ba má mừng chúng vẫn chưa thay đổi, tánh ý hời hợt sao giờ vậy. Thằng Hai với con Năm mê cá lóc, khoái thấu trời món cá nướng thơm chấm muối ớt kèm rau húng lủi, bắp chuối non. Hai đứa nói với nhau, trời ơi, mùi khói nẩy nó thơm, ngọt làm sao đâu á, nghe như đang ở giữa đồng lúa quê mình, như hồi còn đi dặm cù bắt chuột hén anh. Thằng Ba ngồi ở một góc khác lặng lẽ, chắc lười hít hà với mấy con cá trê vàng nướng, nó ngồi trở cá, mắt lom lom vô con cá bóng nhảy, mỡ nhỏ xèo xèo trên bếp lửa, tô nước mắm gừng để tum hum trong lòng. Con Tư chê cá rô, cá trê, ghét cá lóc (hồi năm tuổi, nó nhào vô cái lu đang rọng cá nên bị cá lóc phóng trúng, con mắt sưng như trái ổi, xanh dờn), nó lảng xãng làm cá sặc nấu

com mẹ, nó nói cái tạng nó nghèo khó, nhẩn nhó nên chỉ hợp với cá sặc thôi. Anh chị nó cười ha ha ha, ui cha, ba má ơi, nó nói vậy chớ ở thành phố bây giờ ăn cá sặc là sành điệu lắm, nhiều bữa, muốn ăn cá sặc kho sả ớt mà kiếm không ra, thèm muốn rót nước mát luôn vậy đó. Má ngồi nhìn con cháu đang cười đùa ăn uống, nhớ thằng út vừa vào bộ đội, cứ nầy, ở đơn vị, nó có biết gió về không, có thèm không một nồi canh chua cá rô đồng bông so đũa?

Má khum tay che cho khỏi chói, ngược lên nhìn bông so đũa nở trắng xóa trên đầu. Những thứ bông rau đồng cùng như có hẹn với mùa đìa. Đám con má chỉ cần với một chút là hái được những đợt chùm ruột trên đầu, những đợt sung hơi chát, nhưng cặp với cá lóc nướng rơm thì ngon không biết tả vào đâu. Rồi mớ rau đắng đất ngoài bãi lá vào thời non lấy bấy, gừng thì đang già, đang vào độ nồng nàn, trái dắc treo từng chùm xanh xanh trên lùm lức. Đất quê nhà cũng thương những đứa con xa như tình thương của ba má vậy.

Nhưng năm nay bông so đũa đã nở trắng bờ rạch, bờ mương, mùa cá cũ thôi không còn nữa. Ba nhìn ra cảnh đồng sâu hút, tối mênh mông, gió mênh mông, nghe lạnh lòng quá, mới nhắc, “Năm ngoái, cứ nầy, mình nhậu mệt nghỉ bà hén”. Má cười, ờ ờ.

Má nhớ bữa làm đìa nhà Tư Nổ, má với mấy “nì”, mấy “chị sui” xin quá trời đất. Nghì, đàn bà con gái xứ nầy thiệt hết biết, uống rượu còn hơn đàn ông, nhậu xinh xang còn bày đặt nhảy nhót cả dựng (chớ có biết Rumba, Cha Cha Cha gì đâu). Nhắc lại còn nghe mắc cỡ quá chừng, hôm đó, mặt

mày má đỏ gay, đầu tóc đầy vảy cá, già thờ không ra hơi mà ca vọng cổ ngời ngời. Ra về ba còn chọc, tui thấy bữa nay bà đẹp hơn mọi bữa à đa. Má cười, ông già quý.

Nhắc lại, ba nói mùa đìa năm ngoái là mùa vui nhất mà cũng buồn nhất, vì đó là mùa đìa cuối cùng. Bà con bàn rạn chuyện năm tới Rạch Mỏ Côi chuyển qua nuôi tôm, nghe nói người ta bên Năm Cấn, Ngọc Hiến nuôi tôm ai cũng cất nhà tường. Xóm Rạch mình còn nghèo quá, chỉ hai vụ lúa với một mùa đìa, ai có vườn rộng trồng cái trồng bầu, được thêm chút tiền huê lợi, nhưng đâu vô đó hết, sống đắp đổi, không dư, bây giờ nhà nước cho nuôi tôm thì mừng chứ. Hôm đó, chỉ có ba má là bản thân, hồi nào giờ cây lúa cũng chung thủy với mình, bây giờ quay mặt với nó, không lẽ tệ vậy. Má nói, vậy rồi năm tới mình có tụ lại vui như vậy không. Được chứ, Tư Nổ cười khả khả khả, nghe nói nuôi tôm một năm bằng chục năm làm ruộng đó, năm tới tui xây nhà lầu, bà con kéo nhau lên sân thượng nhậu tép luộc mát trời. Mà, hông chừng tui còn sấm ti vi màu, đầu máy di déo, sấm điện thoại di động, Tư Nổ ngẩn ra, nước miếng chảy xuống chỗ môi chẻ thâm sì, tưởng tui mà cầm điện thoại di động coi sang lắm ghen.

Ba nhớ lời của Tư Nổ hoài, vì anh đã vẽ bức tranh tôm mù mịt thành những điều rất thật, thật như đang rờ đụng vậy. Vậy mà đêm hôm qua, ba rượt Tư Nổ qua mấy cái bờ mới túm được anh, cả hai loi ngoi ướt, ngồi trên bờ, tay vẫn còn nắm cái áo rách te tua của anh Tư, ba nhắc câu nói xưa của anh, không sai một chữ. Anh bật khóc, khóc vì cùng

đường đi đổ lú trộm tôm vuông ba, bị ba rình bắt, hay khóc vì thương tiếc mùa xưa. Rồi vợ Tư Nổ chạy lại, chỉ biết lí nhí xin tha cho chồng, chị nói hồi nấy tôm tép không có, tụi con khổ quá, bần cùng quá, chú thím ơi... Má ngậm ngùi, người phụ nữ nầy, năm trước một tay câu eo ếch má, còn tay kia cầm cây chối nháy cà tung. Sao tới nông nỗi vậy... Bốn người ngồi với nhau, lặng lẽ, hồi lâu, day qua chị Tư Nổ, má nói, “Thôi, coi như là lá lành đùm lá rách, rách ít đùm rách nhiều, rách nhiều đùm rách nát, bây biết mà, tao cũng nghèo”. Rồi má trút mớ cá phi rọng trong xô ra giỏ, giúi vào tay chị, biểu chị đưa chồng về, kiếm đồ khô mà thay, để vậy cảm lạnh chết.

Lúc vô nhà thấy cửa mở toang hoang, cái lư hương không cánh mà bay mất. Ba má tỉnh rụi, không phải hô hoán lên làm chi, hôm rồi mất ông Tà ngoài miếu, hôm trước nữa thì mất cái lon cạm nhang trên bàn thông thiên. Ba cười buồn, “Mai là tụi nó trả lại, tụi nó mượn để cầu số chớ đâu”. Tôm chết hoài cũng buồn, nên rủ nhau đánh số để chơi, may ra. Nhưng may thì ra, rui lại vào, xóm Rạch Mỏ Còi vừa tiễn đưa một gia đình ly xứ. Chú thím Chín bên kia rạch thua sạch nhà cửa đất vườn, xuống ghe bắt đầu một cuộc nổi trôi, hôm ra bến, chú mếu máo nắm tay ba, bảo “Biết chừng nào vợ chồng tui mới gặp lại “anh chị sui”, để tụi mình nhậu với nhau tới trời đất”. Phải hôm đó có mưa là cảnh mũi lòng ỵ hệt trong phim. Bây giờ, ba vẫn thường đứng nhìn phía nền nhà của bạn, cái nền phèn vàng trắng, xộp như nước đá bào, bên phải vẫn còn nguyên

chỗ cầu ao, nước mặn ngấm vào, nước trong thấy đáy, chẳng có bông súng nào mọc ở đó, chỉ thấy rong nhớt xanh dờn, trôi linh phình.

Xóm Rạch bây giờ buồn, chẳng có cái gì để vui chung với nhau như hết mùa lúa, như xong hội địa, như năm cũ. Người trúng tôm thì lảng lảng không dám khoe (vì sợ trộm), người không có trao tráo khăn vải trời. Hết mười vuông thì thất bát hết bảy vuông, vì không ai hiểu rành con tôm hết, không ai biết con tôm nó đóng đánh cỡ nào, vậy mới khổ. Nước mặn thấm vào, vườn tược trụi lơ, xơ xác hết như vừa qua bão, cây trái teo héo, chặt năm trái dừa mới được một ca nước, cộng cái lá rau, trái ớt, trái bầu... cũng phải mua. Nửa đêm nằm nghe người nào đó ca văng vẳng ở mấy chòi trên, giọng sao buồn rượi vậy. Quê xứ như cô con gái trót lỡ khôn ba năm, đại một giờ, bắt đầu nhớ tiếc vì mình đã đứng núi này trông núi nọ. Ba nhìn má qua ánh đèn chong leo lét, chợt giật mình, đôi gò má của người vợ hiền năm ngoài còn hồng vì rượu, nay đã se sắt quắt queo vì tro trọi dưới nắng và gió trời. Hối lâu ba nói, “Tiền bán tôm mót hóm rày được bao nhiêu bà? Sớm mai nầy bà ra chợ huyện, lựa mua một ít cá rô mè, mót là thằng út về phép, nấu cho con nó nổi canh chua cá rô bông so dưa, tội nó”.

Má gật đầu, khê hóp một ngụm trà, thương đắng đót đăm con xa nhà, Tết nầy, ừ Tết nầy con của má về, mà, má ba chẳng có gì cho tội nó.

Sớm nay, trà vẫn pha nửa vốc tay như mọi bữa sao mà nghe đắng quá vậy nè?

Ngơ ngác mùa dưa

Văn phòng của Ban Quản lý khu quy hoạch nằm giữa xóm dê. Mỗi khi ông già nhìn về phía đó, đều bốn chồn, trời ơi, sao mình chạy đi đâu nó cũng rượt theo vậy cả.

Đất nhà đã đô thị hóa, đã tro hốc cát với bê tông, nhưng gió chướng không thương nên đến hẹn lại rập rờn qua cửa. Ông chạy vào vạt đồng nầy thuê đất trồng dưa hấu. Năm đầu tiên, ông đốt rạ lên, nghe khói trên đất-người-ta cay xè con mắt. Lãng xẹt, ông tự cười, hai vạt đồng chỉ cách một con mương rộng, có xa đâu, mắc gì mà buồn. Dù thế, tha thiếu trên đất quê người cảm giác cứ xót xa.

Năm nay, mảnh đất mà ông thuê cũng rục rịch quy hoạch. Người chủ đất ngậm ngùi, "chắc là sau Tết tui giao giấy đỏ cho người ta, tìm phương kế khác làm ăn, ông cũng đừng có buồn...". Hôm vác đá ra ruộng để lên giống, ông thấy giật mình vì đồng vắng tanh, vắng ngắt. Cỏ mọc bít những lối mòn trên bờ ruộng, bông cỏ vượt lên đầu ngọn lúa xanh rờn. Người

trong xóm không còn tâm trạng để chăm chút đất đai, họ bốn chồn chạy qua chạy lại nhìn nhau, bốn chồn nói cười, bốn chồn ngó những ô xanh đỏ trên bản đồ quy hoạch, kia, cái chợ đó nằm ngay trên đất nhà tui.

Ngơ ngác, nồn nả trước cuộc đổi đời, đám bạn rầy của ông quên cả mùa dưa hấu đang tới. Cả ngọn gió chướng liêu xiêu cũng không đủ để nhắc nhở. Thành ra chỉ còn mình ông, sẽ đi qua ba tháng rỗng rã. Tươi dưa xong, ông già ngồi hút thuốc ngó trời, nhớ thằng Bảy Trị, Ba Thám bây giờ người chạy xe ôm, người mở tiệm buôn bán nhỏ, tiệm bida, karaokê hay dạt đến một cánh đồng xa hơn, tiếp tục sống đời nông dân “ăn chắc, mặc bền”.

Tết này, giữa chợ, ông sẽ gặp lại bao nhiêu người trong số đó? Hay cả một vùng dưa Lý Văn Lâm nổi tiếng chỉ còn tum hùm đồng dưa của ông?

Nhớ năm ngoái, cũng cứ này, cũng trên cánh đồng này, cả bọn còn uống rượu cùng nhau, thấy thời tiết hanh hao, hớn hớ dầy qua những trái dưa thắm xanh nằm lẫn lóc trên giống dây lá đềm, bàn Tết nay chắc trúng lớn. Đường như, ngay lúc ấy, chắc là đất dự cảm được sự chia lìa, nên dâng hết phù sa. Dưa hấu được mùa, được giá, bọn ông được về nhà trước giao thừa (cái nghề của ông, về trước giao thừa là một niềm hạnh phúc lớn). Phải biết là mùa cuối, thế nào ông cũng rú cánh trống dưa tùm lại nhậu một bữa, ca hát tưng bừng, để sau này cồn cào khi nhắc nhớ.

Bây giờ thì ông uống rượu một mình, nghe lạt nhách, lằng

xệt. Những người khác đã bị (hay được) bứt ra khỏi cánh đồng, như chưa từng vui, buồn, chưa từng đắm mỗ hời, chưa từng rơi nước mắt...

Chỉ còn đồng đất đều hiu cây cỏ đại. Và ông. Lâu lâu, có mấy người từ xóm đê chạy tủa lên đồng, ông mừng hóm, vừa hay mình thềm người. Họ, cũng có vài thằng bạn rầy của ông, xúm lại coi đá gà bị công an vây bắt, mới vọt ra ruộng thoát thân. Gặp ông, họ bảo "Thấy mấy giống dưa ngán ngược, nhớ hời đó cực thấy mỗ tổ, ham gì mà ngồi thù lù ở đây, anh Hai?". Ông cười, "Ờ không buồn tay buồn chân quá, vói lại...". Nhưng ông không biết diễn tả thế nào, mười bảy năm nay, ông quen đếm tuổi mình bằng một mùa dưa, đếm ngày qua bằng hai củ tưới, đếm tháng hết từ những trái dưa chắc nụi nằm cùi cùi, phồng phao trên giống... Ông không thể nhắc lại cái cảm giác mà họ vô tình (hay cố tình?) quên, nổi vui nhìn hạt nứt mầm, dây soãi bò đan nhau trên mặt đất, hoa rơi từng cánh cho trái thò đầu ra đón nắng, rồi bằng trái chanh, trái cam, rồi bằng trái bóng nhựa, rồi dưa căng mẩy, mọng nước trĩu trên tay... Hay cái cảm giác đau nhói, rã rời nhìn dưa nứt như pháo nổ khi cận ngày cắt dây lại gặp trận mưa rào... Họ quên rồi. Họ bắt đầu những tháng ngày mới, có tiền rùng rinh nên thông dong chơi, nghe đâu, nhiều người đâm ra cờ bạc, rượu chè be bét.

Ông thôi không còn nhớ đám bạn rầy nữa, chỉ tiếc một vùng dưa. Ông đã tự hào về nó biết bao nhiêu. Có lần những xe đũa Đồng Tháp xuống, họ cảm báng mạo nhận là dưa Lý Văn Lâm, ông yêu cầu hạ bằng, "Không phải tui làm khó người

ngoài, nhưng đâu ra đó, xin đừng làm mất uy tín dưa Lý Văn Lâm...". Dưa đất nấy không đặc sắc như xứ Cái Keo (ở đó người ta bón phân bằng phân tôm, nên dưa xốp, ngọt lịm như đường), nhưng nhờ lợi thế trồng ở ngoại ô thành phố, tiện chuyên chở, sát Tết mới cất dây nên giữ được lâu. Ông thường nâng trái dưa to nhất lên, vỗ nhẹ với vẻ âu yếm, bảo với khách hàng, "Dưa nấy để hết Mừng bảo đảm còn ngon, ủa nông dân tui tui nói mà bà con không tin, thì còn tin ai được nữa?".

Tin chớ, bây giờ thì người ta đã tin tưởng, trông đợi, tìm kiếm. Nhưng vùng dưa ấy mai một mất rồi.

Có điều, ông vẫn có cảm giác, bằng một cách nào đó, ông đã gặp những người bạn rẫy của mình, những nông dân chính hiệu, những người hồi trước hay nói đùa, "Máu tôi chảy ra cũng thấy hai chữ "trồng dưa". Có cảm giác như ông đã gặp, vào một ngày trời gió, dù ở cách nhau năm đồng bảy đổi, dù kẻ ngược người xuôi, đều bật dậy, kêu lên, "Ý, mau mau, vô mùa dưa rồi". Nếu thật tâm trạng người trồng dưa nào cũng giống nhau, thì họ cũng muốn gầy dựng lại một vùng dưa đã mất...

Mùa sau, có lẽ ông sẽ đạt đến một cánh đồng xa hơn, nơi mà đô thị chưa đuổi kịp. Lại đốt rạ, lại nghe khói trên đồng xứ người cay sè con mắt. Lại dè chừng một văn phòng Ban quản lý dự án nào đó bỗng hiện lên, giữa ruộng...

Nói cho cùng, cái văn phòng ấy không có tội...

Chợ của má

Tôi gọi những cái chợ ruộng dân dã này là chợ của má. Bởi nó hiền lành, lam lũ như má, bởi chợ nhỏ nhoi, khiêm tốn như má, nhưng nó mang một cái hồn sâu, mệnh mông lăm nên người ta nhắc nhớ hoài, thương hoài như thương... má vậy.

Bất cứ khu chợ thực phẩm nào ở thành phố Cà Mau cũng có một góc nhỏ dành cho người chợ ruộng. Chợ bắt đầu từ tiếng xe lam chở hàng lặc lè, ậm ị trong buổi sớm, bằng tiếng trò chuyện êm đềm, bằng đôi tay oằn, đôi chân mỏi. Chợ bắt đầu bằng những cái bao ni lông trải ra nền đất. Bàn tay nào bày ra đó mấy trái dừa khô, mấy nải chuối vàng, con vịt lặc cạc bên rổ trứng. Trên thúng, trên nia lún phún nhỏ lên những ngọn rau ướt sương cong cong.

Hầu như tất cả rau trái ở quê mình có, ở chợ ruộng có. Từ rau muống, rau lang, mồng tơi, búp ngót đến lá chuối xanh, lá dứa, bó sả, nhúm ớt... Rồi cá, rồi gà, vịt, chuột đồng... Ngày rằm, ngày ba mươi, chợ trang điểm bằng bông

trạng được cột thành khóm đỏ tươi bán cho những người cúng bàn thờ Phật. Mồng hai, mười sáu, chợ lúc nhúc những chú gà non tơ. Trời hạn, chợ bày thùng rau đắng đất run rẩy xanh cho ta thêm một nồi cháo tống. Bữa nắng chiều, chợ có rế tranh, mía lau... Mùa xấp xoài, chợ lớn nhón ốc lát bán kèm lá ổi, lá sả. Những con ốc lát vừa cựa mình trở dậy từ đất, thịt cứ ngọt lừ. Cũng cỡ này, người ta bán xối rau muống đồng, loại rau muống bị chìm trong nước nhú lên những cái đọt non mềm, cở một gang tay, trắng nõn, tưởng như có thể bẻ bằng mắt một cái “bụp” ngon ơ. Mùa nào thức ấy. Nhưng có hôm ta thêm thứ trái mùa lại gặp ở đây thứ trái mùa. Vô tình, chính con người nón rách áo túi cùng những món hàng đã khoác lên cho chợ ruộng một cái áo bình dị, một linh hồn hiền hậu mà rất đối thiêng liêng. Thêm vào đó một chút thâm trầm dân dã. Thì có gì dân dã bằng nắm rau càng cua mọc từ chái hè, mấy trái bình bát chín hươm mọc từ hào ranh, rổ đọt lúa hái từ sân trước...

Chỉ có vậy mà những bà nội trợ đắm đuối mê đắm mê đuổi chợ này. Họ mua được nhiều rau tươi, cá tươi, giá lại rẻ do gần như người bán chỉ lấy công làm lời. Họ mua được đầy ắp lòng tin từ bàn tay cần cù của những tấm lòng nóng dân chân chất. Và những người xa quê nhớ quê nhà.

Những người ra chợ Cà Mau đều từ ngoại thành, từ những địa danh như Bà Bèo, Đàn Âm, Nhà Phấn, Tân Thành, An Xuyên vốn có truyền thống trồng rau, đi chợ. Lợn rau muống giá 150 đồng, nhúm đọt chùm ruột giá 500 đồng, xấp lá chuối 1.000 đồng... Thật ra, nhà nào cũng có một vài công

ruộng nhưng “ngồi không ăn lúa kho cũng hết, nên đi bán kiếm ít đỉnh tiền”. Khuya sớm gánh gồng đi chợ, chợ tan, các mẹ, các chị về nhà, lua vôi vài chén com, lại tần tảo quấy gió, cầm dao ra vườn lo buổi chợ mai. Cắt, lật, rửa, bó lộn... loay hoay cũng đến tận chiều. Bàn tay thấm nước, nhán nheo, bàn tay tái nhợt. Vậy mà buồn (chắc là nông dân ai cũng buồn kiểu này), họ không định đoạt được giá cả món hàng. Nó có thể rẻ, rất rẻ (mở hôi có rẻ vậy bao giờ).

Đội rau đi chợ trở thành một công việc đẹp của người nông dân tự đời nào không biết. Tìm được một người đi chợ lâu năm không khó, chỗ này, đằng kia đều có mặt những người đi “tính từ hồi đó đến giờ tui đi đứt cỡ 50 đôi dép Lào”. Họ là những người gắn bó máu thịt với cảnh chợ quê này không chỉ vì mưu sinh mà là mối gắn bó thiêng liêng. Không có rau, không đi chợ, đêm... buồn. Có người lặn lội đi bán từng trái bình bát chín, không đủ tiền đi xe thì đi bộ, “miễn sao đỡ ghiền chợ. Ở nhà buồn tay buồn chân, đi bán, một trăm đồng cũng đỡ một trăm”. Những đồng tiền nhỏ nhoi nhưng đầy niềm vui bởi nó được làm ra từ giọt mồ hôi mặn, từ tấm lòng lương thiện, thẳng ngay.

Những chuyến hàng lại ra chợ vào buổi sớm mai.

Nên sáng nay con đứng nhìn và con nhớ má. Ngày xưa, có phải má con mình ngồi đằng kia, trong góc đó? Và con ngồi chồm hồm, mắt ngó về ông già bán kẹo mà tay chắt chiu rổ trứng gà con con. Ôi! Nhớ hồi xưa quá, má há?

Lời cho má

Bây giờ không biết đã mấy mùa tôm rồi tôi trở thành một đứa-con-hàng-xóm. Bao lâu rồi con không còn leo đèo theo gót má để chia chút dãi dầu, hả má ơi? Bao lâu rồi má không còn dịp để dạy con hiểu được ý nghĩa của giọt mồ hôi rơi xuống...

Má tôi là nông dân, suốt quãng thời gian cầm bút, mỗi khi tôi viết về người nông dân tôi lại nghĩ tới má. Trong tôi hiện lên đôi bàn chân ngắn, bè ra vũng chầy, những cái móng chân khảng phèn, dày, đầy xơ. Một khuôn mặt sạm đen nửa đêm thao thức, nghe gió về lo lúa đang trở ngoài đồng bị lem lép hạt. Một mái tóc bạc trắng, những sợi tóc sâu loăn quăn mọc trên đỉnh đầu, đám con cháu hăm he nhớ hoài mà chưa có ngày nào má thành thoi. Một dáng người chắc đậm tong tả đội rau đi chợ trong sương sớm. Một đôi tay cục mịch với những đốt xương thô mà sàng gạo như múa trong trưa vắng. Một bóng người sương khói ngời tan nổi đất, cái mùi cảm khét ngọt, nghe nổi nhớ quê dậy động trong lòng.

Không có gì khác đâu, cũng như mọi bà má quê khác, má tôi cũng hiền lành, tháo vát, giỏi giang... Má tôi cũng có những đứa con không bao giờ nhớ tuổi má, không bao giờ nhớ thời thanh xuân của má. Nhưng má không buồn, chỉ buồn khi tôi về, ngồi than bên bậc cửa, làm cái nghề viết văn cô độc, cực khổ quá má ơi, má tôi lặng lẽ buồn hiu. Buồn vì không hiểu văn chương, không thể diu dặt, nâng đỡ tôi trên con đường nhọc nhằn đó, nhưng má không hay rằng má giúp tôi nhiều lắm.

Bảy tuổi, má dạy tôi trồng rau, tưới rẫy. Tôi lon ton đi chặt cây, kiếm sậy về cho má làm giàn cho dưa leo, mướp, đậu rồng. Những buổi chiều còn nắng, má xới đất, lên giống, tôi lấy dao phay băm cho đất tơi ra để kịp lúc ba đi làm về gieo hạt cải. Ba má quấy tưới thùng to, tôi nơ thùng nhỏ, nước sánh ra ướt đầm đĩa. Tôi biết chống mông ngồi rửa rau cần, ngó gai ở cầu ao cho má bó từng lọn nhỏ, tay tôi mới bợt bợt một chút má đã xót xa, kê tay má đẩy những mảng nước ăn, đau nhức tới từng đốt xương sao má không than hả má. Nửa khuya ra chợ, tôi xách cái giỏ nhỏ chỉ đựng ghế ngồi với mấy cái bao trái để bày hàng, má đội thúng ngò, má cứ hỏi có lạnh lắm hôn con, gió bắc thì cứ hiu hắt cắt da, nước từ cái thúng đội đầu cứ nhỏ long tong xuống đôi vai má. Khi đó tôi không hề biết hỏi, má ơi má có lạnh không, mà, chỉ câu nói của tôi, má ấm lòng biết chừng nào.

Năm tôi mười tuổi, cả xóm rủ nhau làm nấm mèo. Má cũng cố làm thêm lúc nông nhàn để tăng thu nhập. Sau mỗi buổi học, mấy anh em tôi với má bơi xuống đi hàng năm ba cây

số mua so dưa. Anh tôi đốn, róc cành xong, hai má con tôi vác xuống xuống, sợ phía tôi nặng, má gánh tới nửa thân cây, tôi chỉ te tái vịn hồ một đầu còn lại mà tưởng mình mạnh giỏi, cái cây bự chẳng vậy sao mà vác nhẹ hắng nhẹ hơ. Đường về nhà phải qua con đập, thường là quãng cây lên để kéo xuống qua, những lúc mưa nhiều, đập xả, nước từ trong kinh tràn ra như thác, nước cứ lăm lăm nhấn chìm chiếc xuống khẳm lừ tìm cách đi ngược vào. Má chống chọi đằng lái, tôi nháy ào xuống nước nắm mũi xuống kéo đi, qua đập, ướt như con chuột, má khen tôi giỏi mà sao nước mát má rơm rớm vậy.

Làm nắm mèo cực nhất là lúc vô mùa, phải cưa cây thành khúc, đóng lỗ, vô meo... Cũng không lâu nhưng đủ để vai má tôi cán hằn những cái rãnh sâu sần như vỏ cây so dưa, đủ để mấy đầu ngón tay ẩm mù và bàn tay cầm búa chai rộp lên...

Coi lại, hồi nào tới giờ, nhà tôi làm nghề gì cũng cực thẩu trời thẩu đất, làm gì cũng nặng nhọc, cũng có thể đong mỗ hôi bằng khạp, bằng lu. Mà, dù có làm gì thì má tôi cũng là người gánh chịu nhọc nhằn hơn hết thầy, ba tôi chỉ hự hợ chút việc mỗi khi tan sở, má không buồn, má nói, ổng đi làm cách mạng mà. Tôi mười bảy tuổi, thôi học, theo má bán gạo, cám. Ngày nào má cũng bơi một hai xuống gao từ máy chà chớ len lỏi theo dòng kinh dày những cây cầu khí để mang gạo bán tận nhà người ta. Tôi ngồi đằng mũi, qua cầu cao thì lấy trớn đẩy cho xuống đi nhanh, cầu thấp lè tè không quá mũi xuống, không đi được tới giờ cầu cho má bơi. Tôi học từ má, rằng gạo Một Bụi dài, thon, óng ả, gạo Tiên Lùn hạt ngắn,

đục như nếp, bầu bình, gạo Nàng Gáo tròn vo, cút lún, no căng... Gạo càng trong càng cứng, khô com, gạo đục, có ngòi là com mềm com dẻo... Lăn lóc với bụi cám, tôi nghiện luôn cái mùi thơm nồng nàn đó. Má nói rằng, mùi gạo đầu mùa khác mùi gạo cuối mùa, mùi gạo trắng khác với mùi gạo lức, và cho tới bây giờ, mỗi khi bưng chén com, tôi lại nhớ cái vị béo ngậy ngậy, ngọt ngào tinh khiết của gạo sống.

Bán gạo cũng có cái cực trần ai khoai củ của nghề bán gạo nhưng má tôi gắn bó với nghề rất lâu, chắc vì nó gắn gũi với hạt lúa, cánh đồng, nơi cả đời nông dân má tôi dầm dãi. Tôi còn nhớ như in những mùa hạn, nước dưới kinh rút, chiếc xuồng không thể chống trên lòng lạch cạn teo, má nghĩ ra cách tải gạo, cám bằng xe đạp. (Ôi! Cái thuở sao nghèo quá là nghèo). Bao gạo để dài theo sườn xe, má ngồi yên sau chồm hai tay cầm lái, xoay chân ra phía trước để đạp. Má con tôi suốt ngày dưới nắng công công đạp xe trên con đường lờm chớm đá. Sau này, tôi còn có thể một tay vịn bao gạo đặt ở yên sau, chân đạp cuống cuống, tay kia cố kềm giữ tay lái đang lắc lư lắc lư, cái bánh xe trước lúc nào cũng muốn chống lên trời. Ai khen tôi giỏi lòng má tôi cũng đau, vì đã để tôi dang dở con đường học tập. Lúc đó tôi chưa biết nói, “Chùng nào nhà mình khá giả rồi con đi học lại, má lo gì”, chỉ một câu thôi sẽ an ủi lòng má biết bao nhiêu.

Những câu đáng nói thì vì vô tâm, khờ dại nên không nói, những câu không đáng nói thì cũng vì vô tâm, dại khờ nên đã nói rồi, không lấy lại được. Vẫn còn những ngày dài phía trước, mai tôi sẽ về thưa với má, dù tôi nói câu này dù hơi

trẻ tràng nhưng có còn hơn không, rằng chưa có bao giờ má dạy tôi viết văn, nhưng những gì tôi viết ra đều mang hơi thở cuộc sống mà má trao tặng.

Bây giờ không biết là đã mấy mùa tôm rồi má với ba tôi xa nhà cất cái chòi giữa đồng vắng xoay sở, vật lộn với con tôm trên những cái đầm chang chang nắng. Cũng từng ấy thời gian, ngày hai buổi sáng, chiều tôi quanh quán bên bàn giấy, sớm uống cà phê tối ngồi quán nhậu. Những con chữ bỏ đi xa, những câu văn trốn bật. Mai mốt đây viết tặng má còn không xứng thì viết cho ai nữa bây giờ.

Ngủ ở Mũi

Giong ruồi lang thang mãi mình hóa ra người “sành điệu” lúc nào không biết. Tháng hai quấy túi về đồng, canh trúng mùa đĩa, bắt cá lóc ký đốt rom nướng trui ăn kèm muối ớt, uống rượu xóm Dừa (rượu Tân Lộc cũng được), dài tới tháng tư, sa mưa, ra đồng bắt ốc lác luộc với lá sả, lá ổi chấm com mè chơi. Gió chướng về Đầm Bà Tường ăn com nguội với ghẹm muối. Tháng mười trái mấm rụng đầy những sông những rạch ven các cửa biển, mùa săn cá dứa bắt đầu. Ăn “sành điệu” đã đành, lúc ngủ cũng đòi đi về phía biển, để ngủ ngay trên ấp Mũi, một xóm nhỏ ở cuối trời Tổ Quốc.

Ở đó có những căn nhà không bao giờ khép cửa. Những căn nhà không cả vách che đàng trước, vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì. Không cần giới thiệu gì cả, bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà nầy. Mưa Nam hay mưa Chướng, nhà chỉ treo một cái rèm bằng mấy cái bao bố may ghép lại hoặc bằng lá chằm đóp. Không cái gì cho người ta cái cảm giác thái bình, no ấm như thế, không có gì cho ta sự

gắn gũi, thân thuộc như thế. Những ngôi nhà rất rộng lòng, mở trong tầm nhìn của ta một chiếc giường, một cái bàn thờ gia tiên, cái bàn trà, một bức màn vải thêu hình hai con chim loan đậu trên cành trúc, thấy nhà nó hợp với con rạch này làm sao đâu, vì khi nước ròng rạch cũng cạn lòng, phơi đây. Nó hợp với tính cách con người của vùng đất này làm sao đâu, vì người ở đây cũng sống khoáng khoáng, cời mở, rộng rãi, hào sảng.

Người ấp Mũi ít khi làm buồng để ngủ, buồng chỉ để cho con gái, cho những cặp vợ chồng son, người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà, chỉ cần cái mùng, khối chiếu, áp cái lưng trần đỏ au xuống với sàn nhà bằng gỗ được bóng như gương đồng vậy là được một giấc ngủ ngon. Mà đúng là ngủ ở ngoài này thì thích không chịu được.

Nhà bao nhiêu gian thì bấy nhiêu gian đầy gió. Trong cái mùi biển tanh nồng mặn mòi của những giàn lưới phơi trên giá, trong cái mùi khói ngọt bùng nhùng tỏa ra từ bếp đun, dường như có nhà ăn cơm chiều trễ, nghe mùi béo ngậy của cá thòi lòi kho với nước cốt dừa. Và đâu đó chắc có vài người chuẩn bị lai rai, rõ ràng là mùi thơm khô mực nướng trên lò than đang tàn.

Ngủ ở ấp Mũi có "quá trình" hẳn hoi (như quá trình công tác vậy). Bao giờ lúc chạng vạng ta cũng ngồi với nhau uống vài ly cho ấm bụng, không khô mực thì hầu nướng, sò nướng chấm muối tiêu chanh. Khuya một chút, khi ngà ngà say rồi, người dưới bếp sẽ bùng lên một nồi cháo sò huyết. Trời ơi, cái mùi thơm của sò, của tiêu, của mỡ tỏi mới hít vào hơi

rượu đã tan đâu hết, còn nói gì tới cánh xi xụp húp chén cháo nóng, nó không chê vào đâu được. Xong rồi, ta quay lại uống trà.

Trà xứ biển đậm đà, nước vàng quánh, kẹo. Nền lán đầu ngủ ở ấp Mũi hần sẽ có người thao thức. Vì trà, vì ngủ trong phòng kín cửa với gió máy điều hòa se se quen rồi, nằm đây ngộp thiệt chớ chơi à. Còn nỗi sợ nữa, sợ bóng đêm, sợ mấy anh chàng nằm cạnh giả đồ ngủ say dịch qua để... gác chân ảnh lên chân mình. Thôi, nằm canh chừng cho chắc ăn, má dạn, thân gái dạm trường. (Lạ, ở đây người ta sống chân thật với nhau đến mức để trống cả vách nhà, cửa cái đồ đạc cũng có mất mát gì đâu, vậy thì mắc mớ gì phải dè chừng). Gió vẫn như múa, như ca, như chạy như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng. Những chiếc tàu đánh cá âm ì chạy qua, và tiếng biển, đúng là tiếng biển lướt trên những búp lá đầm sương trong rừng được, rì rào rất gần. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.

Nhưng ngôi nhà sàn không cửa lại có cái lý của nó. Để cho tiếng biển thật gần mình, cho người vợ trẻ nghĩ tới chồng đang búa lưới ngoài khơi, cho những ông già nguôi niềm thương nhớ biển kể từ khi xa những cái đày hàng khơi, cho những cậu bé đang tuổi nhỡ giò mơ một giấc mênh mông, trông trành trên chiếc ghe câu giữa bốn bề biển cả.

Có cái gì đó giống như ta đang ngủ ở trong một cái chòi giữ vuông giữa cánh đồng gió tới bời, có cái gì đó như không giống. Phải chăng, ngủ ở đây, gió có vù vụt, cồn cào ta cũng không thấy lạnh, bởi đây là nhà, một mái nhà mang đầy đủ ý

nghĩa của nó, có khói mờ un, có những hơi thở nhẹ, có con gà đứng trên ngọn cây mấm gầy le te.

Cũng vì vậy mà có cái gì đó giống như ta đang ngủ ở trong một căn chòi ngoài đáy hàng khơi, lại vừa không giống. Vẫn gió mang cái hơi nước mặn mòi, vẫn tiếng biển ì ầm nhưng thiếu cái yên ả, êm đềm thâm nâu của đất.

Tự dưng thấy coi thường cái câu “Ở nhà Tây, ăn cơm Tàu, lấy vợ Nhật” (không biết có bị A.Q của Lỗ Tấn nhập không?), làm nghề viết lách như ta coi bèo bèo vậy chứ “sành điệu” thấu trời.

Trăm năm bến cũ con đò

Cửa sau nhà tôi trông ra sông. Tôi thường ví đó là một khung tranh, và bức tranh biến đổi không ngừng, có lúc nó hiện lên những chiếc tàu cao nghệu, hùng hục đi qua, che khuất cả dãy nhà sàn bên kia sông, có lúc hình ảnh lại xa vắng với vài chiếc vỏ lãi dài nhằng, bé teo mong manh chờ đầy nhóc dừ, chuối... Nhiều khi bức-tranh như bị trêu xuống khi buộc phải về mấy chiếc xà lan ngược nước ề ạch khảm lừ, găm gù... Nhưng cảnh có chuyển động thế nào, trong bức tranh cửa sau của tôi, vẫn luôn có hình ảnh một chiếc đò thắm lặng chờn vờn trên sóng nước.

Bến đò nằm cạnh nhà. Có thể nghe được tiếng bước chân người xoèn xoẹt lại qua, nghe mũi đò chạm lịch kịch vào bến, và tiếng chèo chém ngọt vào mặt nước những lát cắt dày. Và nhiều khuya nghe tiếng gọi đò xao xác, tôi đã nghĩ, phải mình là đạo diễn, thế nào cũng làm phim về cái bến, con đò.

Trong hình dung, đó là bộ phim giàu hình ảnh hết biết.

Trèo lên một chỗ thật cao, tôi sẽ bắt đầu “bộ phim tương tượng” của mình bằng cảnh các con sông giao nhau cắt thành phố bằng năm ba mảnh, gặp chút đó rồi lại thao thiết chảy đi. Nằm rải rác dọc theo những khúc sông, khúc kinh có hàng trăm bến đò ngang dọc. Mỗi bến có một cái tên khác nhau như Đâu Đò, Cầu Chùa, Rạch Rập, Công Chánh... nhưng giống hệt ở lối đi xuống hẹp và hơi tối. Bậc lên xuống bằng bê tông bị sóng mài mòn phôi lớp đá nhỏ bên trong, nhờ vậy mà đỡ trượt chân. Những người phụ nữ đi chợ sáng về, rôm rả chuyện trò trong lúc chờ qua sông, tôm cá quẫy trong giỏ lách tách.

Và con đò, nó tới kia. Một đám trẻ con vai quàng khăn đỏ đứng ngồi lóc nhóc đang qua bờ bên nầy. Những chiếc đò đóng theo kiểu tam bản vững chãi, ít chao lắc. Hai bên be, đằng mũi đều được bọc vỏ xe để khỏi sòn khi va vào bến. Có chiếc còn đỏ au lớp dầu trong, có chiếc đã nhiều năm dầm mưa nắng sạm đi, khô róc, nứt nẻ. Chiếc đò cũng già đi như người chèo nó. Cũng buồn, cũng mệt mỏi, cũng làm công việc nặng nhọc, chở người đi, về.

Nhưng dòng chảy của sông đã làm cho công việc người chèo đò bớt đơn điệu. Sông quê tôi không rộng nhưng sâu, đôi khi nước đứng lờ đờ, lúc ròng lại nồn nao chảy xiết. Khéo léo lái, chỉ cần khẽ nhẹ vài lát chèo là đã qua bờ, nên ngoài sức mạnh của đôi tay còn phải nương theo nước, theo gió. Cái “nghệ thuật” chèo đò cũng lắm công phu, đừng có ai đại dợt cạy mình biết chút đỉnh chèo chống hỏi còn ở quê rồi xung phong chèo đò thử, coi chừng quê độ à ghen.

Đôi lần, thử gồng mình thót lên đôi chèo dưới cái nắng

Cà Mau rát, gió Cà Mau khô, tôi lại thương người chèo thêm một chút. Và hình ảnh họ trong “phim” tôi luôn mạnh mẽ, tươi tắn, dù khuôn mặt có đen sạm, dù đôi tay vồng lên những đường gân guốc, dù họ chỉ khoác một manh áo bạc, và lai quần xoắn tít vì không được ủi, lâu ngày.

Trong cái phim tưởng tượng đó, tôi ao ước được vào vai người ngồi trên bến thu tiền, một bà cụ còng queo, như hầu hết người làm công việc này đều già (nhận xét này cần được kiểm chứng lại, cả câu hỏi trước tôi hay nói là tất cả cây cỏ dại mọc trên đất quê nhà đều trở hoa màu tím biếc, tôi cũng không chắc đâu à nghen). Chỗ tôi ngồi có một chiếc vồng con giăng ngang cản chòi đe ra mép nước. Cái thùng đựng tiền đã lên nước bóng ngời đặt trước mặt, thùng ngăn làm nhiều ngăn nhỏ, mỗi ngăn đựng một loại giấy bạc hai trăm, hoặc năm trăm...

Không khó để tôi vào vai nhỏ đó, bởi buổi chiều nào giữa đời, tôi cũng nhìn thấy bà cụ ngồi thu tiền đò bên kia sông. Quen thuộc, đến nỗi nhắm mắt lại, tôi vẫn thấy rõ cái cười móm mém và ánh mắt hóm hỉnh, tinh quái của bà. Hai mươi năm đưa đò, cái ngày không còn quạt nổi mái chèo, bà lên bến (chứ làm sao xa được khúc sông này). Ngày ngày, bà ngồi nhìn cuộc đời cuộn cuộn đi qua, chứng kiến biết bao nhiêu thay đổi cuộc đời, người già già đi, bọn nhỏ lấy nhau sinh ra nhiều thiệt nhiều đứa trẻ. Và những đứa trẻ lớn lên... Có người qua đò rồi quay về, có người không trở lại. Bến đò, cũng là nơi nhiều đứa con gái qua sông lên thành phố rao bán mình trong những “chợ vợ”, để lại mấy thằng con trai chiều chiều

ra bến đón đã đời mới ngo ngắc, trời ơi, mình đang chờ ai đây. Bến đò, cũng là nơi anh cán bộ phường ngày xưa thường qua, rồi anh lên thị xã, ai đó mừng, “thằng chả mà làm lớn thế nào cũng bắc cây cầu qua xóm mình. Thì kinh nghiệm, ông lớn nào đường vô nhà cũng ngon hết”. Ai dè, lúc anh “lên” tới tỉnh, anh qua đò rồi đi luôn một nước. Xóm bên sông nghèo vẫn hoàn nghèo, ọp ẹp và buồn hiu.

Mới lấy ví dụ có vài khuôn mặt người mà đã thấy cái bến đò sinh động biết bao. Và vai bà cụ tóc trắng ngời miên viễn trên bến đáng cho tôi hóa thân vào biết bao (dù có một chút thiệt thòi là sẽ rất... xấu xí). Tôi mà được ngồi ngay cái vồng đó, không cần diễn, sẽ ngấm ngay nỗi vui của một người lương thiện, vui vì không làm gánh nặng cho cháu con, vui vì được làm nhân chứng cho đời... Khi đôi bàn tay gầy guộc của tôi vượt lại những tờ bạc lẻ nhàu nát lem luốc mồ hôi, dầu nhớt.. để nộp thuế cho đảng phường, nghĩ tới mấy vụ tham nhũng động trời ngay tại quê mình, nghĩ tới những bữa tiệc vung vỉnh tiền triệu, chắc cái mặt tôi buồn hết biết, mà tôi còn khóc, hóng chừng...

Cửa sau nhà tôi vẫn ngó ra sông, tôi vẫn ngày ngày ghi vào lòng mình bộ phim tưởng xong mà hoá ra đang dở mãi. Người qua đò mỗi ngày mỗi khác, có người tốt lên, có người xấu đi. Làm sao ghi hết những hình ảnh đó?

“Phim” chưa xong, vì bến đò vẫn còn, vì cầu xây lâu mà vẫn chưa xong. Để đêm đêm tiếng gọi đò lại cất lên, những âm thanh ồn ào của đô thị lập tức ngưng phắc, chết ngắc, dường như một nửa thành phố - mấy rẻo đất buồn bên kia những dòng sông vừa lên tiếng...

Bà già vui vẻ

Bạn thích đi mua sắm, thấy xao xuyến khi bước vào siêu thị, hằng hái chọn mua đồ cho chồng con (tất nhiên diện cho mình là ý nghĩ hàng đầu), là chuyên gia "thăm dò" hàng mới và trên đường về bạn luôn ghé đâu đó ăn uống, đặc biệt là ở lề đường? Người cùng cơ quan nói tánh bạn đôi lúc hơi nhàn nhó khó khăn?... Xong, ba mươi năm sau, bạn sẽ biến thành một bà già vui vẻ, vui vẻ như tuổi mười lăm, mười bảy. Bài trắc nghiệm đã nói vậy, rõ ràng.

Bạn không tin. Con nhỏ cũng đâu có tin, nhưng lạ lắm, nó bản thân, nó ngây ngất suốt những ngày sau nữa với cái kết quả trong bài trắc nghiệm kỳ lạ đó. Ở tuổi sáu mươi, nó - một bà lão quậy tung, suốt ngày cười ha ha với đám con cháu, thích ngao du, dù già sự năng nổ và ham thích mới lạ vẫn không thay đổi, thậm chí còn tăng (vì vào độ ấy, người ta nghĩ hưu rồi, rảnh muốn chết), những hình ảnh đó làm con nhỏ phấn khích. Tự nhủ đừng có tin mấy trò nhảm nhí này, nó còn tẻ

hơn vụ, bà thấy bói nói sắp tới nữa sẽ gặp ý trung nhân, là mối tình đầu, là duyên kiếp trước (trong khi ta đã gặp vài ba mối tình đầu, thêm một mối tình đầu nữa, đã sinh cho anh ta một thằng nhóc rồi). Rồi con nhỏ lại tìm cớ cãi lại, đầu có, tui thấy chi tiết hồi trẻ khó, về già sẽ dễ dãi (và ngược lại, theo kinh nghiệm từ ba và sắp, hai ông già đang khó tánh chịu hổng nổi) tin được quá đi chớ.

Con nhỏ, giống như một người đi trên con đường dài thăm thẳm, đã mệt ngất ngư, đã chớm chán chường, đã toan rẽ ngang, bỗng dưng phát hiện ra đằng phía mặt mù đó (có thể) có nắng và hoa. Và cỏ xanh rờn... Không chắc, nhưng dường như có một cái gì đó tươi đẹp, đang chờ mình. Vậy thì ngu sao hổng tin cho đời bớt nhọc nhằn đi.

Ngày đó, chắc là da con nhỏ đã nhăn nheo, nhất là hai bên khoe miệng, đuôi mắt (do cười quá nhiều!?), nhưng nó luôn giữ cho mình chín chu, tươm tất. Và ngọt ngào. Đám cháu luôn bảo, ngoại (hay nội) tánh tình như hồi còn con gái. Với chúng nó, con-nhỏ-tuổi-năm-mươi giống như người bạn thiết. Bà bạn già còi mớ, không cừ như cần nhằn khi tụi nó đi sớm về khuya (vì bà cũng từng đi sớm về khuya), tụi nhỏ dán poster đầy nhà, bà khen Bea Yoong Joon đẹp trai dễ sợ, rồi té nhị bảo, phải Britney chịu khó mặc cái áo đủ vải thì dễ thương hơn nhiều. Bà gật gù lắc lư xem MTV cùng bọn trẻ để sau đó rủ chúng nghe... cải lương với mình. Nói về máy vi tính, về Internet, về các sản phẩm kỹ thuật số, các trào lưu mới, bà già rành sáu câu. Cả nhà toàn mặc quần áo do bà sắm sửa, vừa thời trang, vừa rẻ tiền. Xem phim, những chỗ hài hước

bà cười nghiêng ngả, chỗ tình tiết cảm động, bà già khóc như mưa (Có thể sao? vì ngay bây giờ con-nhỏ-tuổi-ba-mươi không dễ khóc cười khi mà cảm xúc đã sắp chai sạn vì nếm trải, hoài nghi).

Ngày đó, con nhỏ sẽ nối lại tình bạn bè xưa (vốn đã đứt lìa từ khi bạn bị văn chương, rồi bù với công việc gia đình). Vài trời tụi bạn cũng được trở thành những ông bà già vui vẻ. Con nhỏ sẽ rủ bạn cùng đi du lịch, thăm thú đầu núi cuối sông, mỗi cặp chờ nhau bằng honda xuyên Việt (đường như cái máu khoái mạo hiểm hồi trẻ vẫn dào dạt trong nó), tưởng tới cảnh một sớm mai nào, dựng xe trên một đỉnh đèo lõng gió nhìn xuống biển xanh ngằn ngặt, mà thèm. Ngót nửa đời, con nhỏ lủi thủi một mình với thế giới văn chương, ở tuổi năm mươi, nó muốn chia sẻ cuộc sống (vui vẻ) với bạn bè. Chiều chiều, con nhỏ và bạn hẹn nhau ăn bún nước lèo, bánh xèo hay sáng sớm cùng tập dưỡng sinh và đá cầu ở công viên. Nó sẽ mời bạn về nhà mình (bù lại nửa quãng đời trước nó không cho ai tới). Chuyện nhà nhỏ nhà to, chuyện sang hèn với nó không còn quan trọng nữa, bạn tới, đãi khoai lang luộc chấm mỡ hành, sau đó hát karaoke, cũng vui thấu trời xanh.

Những gì mà con nhỏ hình dung ra, ngót một nửa là những chuyện mà suốt thời thanh xuân nó không làm được, không muốn hoặc không thể làm. Ví dụ như nó sẽ đến trường, học cái gì đó vừa hay vừa vui. Hoặc tìm ai đó... Bao lần đi qua một vùng đất, bao lần nghe một cái tên hay người lại mùi quen thuộc, là bao lần nó day diết nhớ một người (với nụ cười từng làm con tim chết điếng). Rồi xe chạy huốt, rồi bạn làm gì đó

hoặc nghĩ tới chuyện gần sắp tới, rồi nguôi, hồi trẻ là vậy. Nhưng con-nhỏ-tuổi-năm-mười thì không chịu, khi nào nhớ, nó sẽ lặn lội đi tìm. Dù chỉ để nhìn nhau và móm mém cười. Dù bề bàng nhận ra dáng xưa, mùi xưa, tóc xưa, tình xưa phai màu... Về với cái tổ rối nùi của mình, ngồi uống trà với ông lão nhà mình trong buổi sớm mai, khi tụi trẻ đã lũ lượt ra đường, nhà vắng đến nỗi nghe con ong bầu vo ve phía hàng rào (ùa tới lúc đó nhà mình có ọp ẹp như bây giờ không mà thấy cái hàng rào thơm tất quá vậy cả, con nhỏ chột nghĩ). Trong khói sóng sánh, con nhỏ bỗng thương cái người đang ngồi trước mặt mình, trước giờ thỉnh thoảng nghĩ ông nầy già hơn ông kia, đâu phải nè... Thật không công bằng khi so sánh ông - người cùng với mình già đi từng ngày với kẻ trẻ hoài trong ký ức tuổi hai mươi.

Những hình ảnh tung tủy, nhiều màu sắc đã kéo cái ngày con nhỏ năm mười tuổi thật gần. Gần như thể ngày mai không phải làm việc cật lực, dậy sớm đi chợ làm cá nấu cơm, thức khuya để vật lộn từng con chữ; không cần nghĩ tới việc tìm một chỗ ngủ cho thằng con, rồi chạy trường cho nó; không cần lo vách nhà đã mục, sàn sau đã bị sóng đánh dạt mấy cây cột cặm, biết có chịu nổi mùa nước rong năm nay? Và bệnh tật, và bất trắc...

Không phải, nỗi lo còn nguyên, cực nhọc còn nguyên, nhưng chúng không còn nặng nề, ngọt ngạt trong lòng con nhỏ, dưới cái vắng sáng xanh dịu dàng hiện ra phía chân trời...

Có khi bài trắc nghiệm đó chỉ giỡn chơi thôi, có khi tuổi năm mươi của con nhỏ cũng y chang như bây giờ, tất bật

và tắt bật (chẳng còn tóc để mà rụng, nên bới cái đầu tóc mượn chơi). Có thể tới được cái viễn chân trời ấy, không có khi khô gì, không có hoa, chim chóc và ong bướm... Nhưng đứng ở đó, ngoái lại con đường thật dài mà ta vừa đi qua, không thấy kỳ diệu sao? không ngạc nhiên lắm sao? không bật cười sao?

Nhớ nguồn

Không thể một ngày một bữa mà liệt kê hết những khác biệt giữa thế hệ của má và tôi. Cũng như khi hai má con ì ạch trèo lên chiếc xe để chuẩn bị cho chuyến đi xa, tôi chợt nhận ra ngay trong những chuyến đi như thế này, lúc chiếc xe cũ mềm xùng xèng từ từ lăn những vòng bánh đầu tiên, cảm nhận trong lòng mình với má cũng khác. Tôi thấy mình bùi ngùi như chiếc lá bị bút lia càn (mỗi lần bước chân ra khỏi nhà tôi luôn có cảm giác kỳ cục đó). Má tôi lại khác, mỗi chuyến đi như thế này, má nôn nao như được về nhà-của-mình, về một cảnh cội nào đó mà dòng họ má đã bị bút lia ra từ lâu lắm. Bởi chuyến đi này, má về Hà Tiên.

Không có gì đặc biệt đâu, cái thị xã nằm cheo leo bên biên giới. Biển Hà Tiên không xanh lắm, núi Hà Tiên không cao. Không có gì đặc biệt để kỳ vọng, để chờ đợi, nhưng đó là nơi ông tổ họ của má tôi nằm xuống, gởi nắm xương lưu lạc trên những ngọn núi xanh rì.

Má tôi họ Mạc. Người ta nói rằng chi tộc họ Mạc ở Cà Mau

là chi tộc đông nhất của họ Mạc Hà Tiên. Những năm tháng chiến tranh loạn lạc như con lốc bốc một số người Hà Tiên ném đến tận cùng Đất Mũi. Vậy nên, năm nào cũng vậy, cùng với bà con trong họ, má tôi hành hương về Hà Tiên cúng giỗ Ông - Khai trấn quốc công Mạc Cửu. Buổi chiều má còn xắn quần lội ruộng dặm lúa, quảng phân, chạng vạng má biểu tôi tở con mắt cạo phèn móng chân giùm má để tí nữa má lên xe làm một chuyến xa nhà.

Đoàn người đến Hà Tiên là một đoàn lữ hành nghèo, giản dị nhưng vui một cách kỳ lạ. Trên chiếc xe đò cũ kỹ cộc cạch, đông đảo nhất là con nít, không có đủ tiền mua vé, người lớn trái chiếu ngồi bệt dưới sàn xe nhường ghế cho trẻ con ngồi. Chen trong tiếng kêu lảm rảm của những cái cửa kính xe long lên khi qua đoạn đường xấu, là tiếng vụ mùa rôm rả qua những lời thăm hỏi, là tiếng trẻ con ríu rít háo hức mơ về nơi sắp đến, Hà Tiên.

Dòng họ ngoại tôi giáo dục truyền thống vào hàng siêu việt, dạy từ hồi bé con con, từ hồi lít chít như thế nấy. Những đứa trẻ sinh ra trong dòng họ Mạc, vừa tí tuổi đầu trong lòng đã có Hà Tiên. Hà Tiên xa mà tưởng như gần xịu gần xịt, bởi trong lời cha ông mình dạy, Hà Tiên là nhà. Trong lúc người ta cuống cuống đi tìm cách giữ gìn bản sắc văn hóa thì cái bản sắc văn hóa uống nước nhớ nguồn lại được bà con giữ một cách hồn nhiên.

Vô tình vì những giếng mới sâu tận đáy lòng, thâm tình ràng ruột mà hai miền đất Cà Mau - Hà Tiên gần nhau như trong gang tấc, như mặt đối mặt, như tay nắm được tay.

Bà con bên má tôi đều là nông dân, vì là nông dân nên phần lớn đều nghèo. Để trong lòng khỏi thấy bức rứt, có tội với tổ tiên vì lỡ chuyển, bà con chuẩn bị từ lâu lắm. Từ đầu mùa lúa năm trước, má tôi đã ngăn phía dưới đất bỏ để dành mười gia để tháng năm nầy làm lộ phí đường xa. Hết như má tôi, dì Ba, dì Bảy mót máyt từng lợn rau bán, bó vô heo đất để dành từ sau Tết, cậu Năm, cậu Tám chạy đồ dọc cũng dành dùm khoản riêng nào đó cho chuyển về nguồn.

Ý thức đây là dịp đặc biệt, người họ Mạc ở Cà Mau chuẩn bị về dự giỗ Ông rất trân trọng, chu đáo. Với một tấm lòng thành kính, thiêng liêng, má tôi vẫn tin rằng, có về quỳ xuống cúng bái mộ tổ tiên, sẽ bớt đi bệnh tật, đảm con cháu khỏe mạnh, lúa trúng đầy bồ, làm ăn khá giả. “Những người ăn ở mất gốc sống tới hết đời cũng ngóc đầu dậy không nổi đầu con à”, má vẫn thường dạy tôi. Má hay kể, từ loạn lạc người họ Mạc có chạy đi đâu, về đất nào cũng nhớ về đất Hà Tiên. Đường về, với mỗi thời, mỗi người mỗi khác. Ngày xưa ông cố má một mình chèo chiếc ghe bầu, ngày chèo, đêm chui vào nóp ngủ. Chiến tranh, ông ngoại tôi trên đường đi công tác cũng tạt qua, sụp xuống, cúi lạy người đã khuất. Trước đây, đoàn đi bằng tàu đồ từ Cà Mau qua Rạch Sỏi rồi mới lên xe đồ đến Hà Tiên. Rồi có lần đi bằng ghe biển. Nhàu nhừ vì say xe, say sóng mà vẫn vui, vui một cách tự nguyện. “Ngày xưa có cực khổ mấy ông bà mình cũng ráng về thắp nhang cho ông bà ở trên, bây giờ hòa bình, xe cộ đầy đường, sướng nhiều rồi hông ráng đi sao được, con?”.

Tôi yêu Hà Tiên từ má, từ những cậu, những dì trong họ,

từ những chuyến đi như thế này. Những con người chân chất, bình dị. Ra biển không cần áo tắm, cứ để nguyên bộ bà ba nhảy ùm xuống. Những món đồi mỗi, ốc biển chạm trở công phu bày đầy ở các quầy hàng lưu niệm chỉ là phù phiếm (một món bằng hai ba gia lúa chó có ít đâu). Những người mê cải lương nhưng tẩy chay vở *Áo cưới trước cổng chùa* (còn làm đơn gởi đài truyền hình để phản đối) nói vở đã bêu xấu tổ tông mình, vì đã cho rằng Mạc Thiên Tích đoạt vợ người. Tôi thích những ông cậu, bà thím đã già vẫn mong về Hà Tiên rồi mai chết, cho yên lòng. Tôi thích đám con nít, luôn làm vẻ mặt nghiêm trọng khi cầm nén nhang trong tay, trước những ngôi mộ trầm mặc bên sườn núi.

Tôi thích những đêm ngủ lại ở Hà Tiên. Có lần ngủ chùa Tam Bảo, gần trăm người chui vô chỉ cái mùng vài dài dằng dặc. Sáng ra cả đoàn thức dậy, mặt phờ phờ vì thiếu ngủ, phần tại đông, phần một năm trời mới gặp lại bà con, phải thăm hỏi chuyện làm ăn ra làm sao, hỏi giáp một vòng cũng vừa trời sáng. Sau này, không ở chùa, nhà trọ trong thị xã lùm lùm mọc lên, cả đoàn cũng vào nhà trọ, cũng trái chiều bệt xuống sàn ngủ chung nhau. Không phân biệt ai giàu ai nghèo, ai đói ai no, ai từng xấu và ai tốt, ai ở xa ai ở gần, chỉ biết hết thầy đều là họ hàng bà con, là hậu duệ của người khai phá trấn Hà Tiên, là con cháu của xứ sở nhiều huyền thoại. Bị bút lia trăm mối mưu sinh, đó là khoảng thời gian níu người ta xích lại.

(Tôi nghĩ đến những chuyến về nguồn kỷ niệm các ngày lễ lớn. Xe chạy ngời ngời, nào cờ nào trống, cặm lều cặm trại...

có xôn xao, có rôm rả, nhưng cách mà người ta tìm về nguồn nước, thăm kẻ trồng cây làm như thiếu mất sự thành kính, trân trọng, biết ơn. Thiếu cái ngậm ngùi cho những người ngã xuống, thiếu cái lắng trong tâm hồn mỗi người để có thể nghe gió tựa như tiếng thở dài của người xưa).

Tôi yêu Hà Tiên trước hết cũng vì cái điều mà ông bà ba má tôi cố công gìn giữ. Họ sợ rằng, sau này họ khuất rồi, đám con cháu sẽ quên nguồn quên cội, quên tổ quên tông. Cái truyền thống tốt đẹp này mà không ráng gìn giữ thì tội lắm.

Có những vùng đất không phải nơi người ta sinh ra và lớn lên nhưng yêu đầm thắm bởi vì một lý do riêng tư nào đó. Có thể vì nơi ấy có người thương, có người thân đã hy sinh, có người con lưu lạc... Má tôi yêu Hà Tiên đơn giản chỉ vì đó là nơi gởi gắm xương của ông cha mở đất, nên thành kính nâng niu từng hạt bụi, từng ngọn cỏ Hà Tiên. Tình yêu gắn bó từ tâm linh, máu thịt mà tôi nghĩ, tôi sống cho tới khi bằng tuổi má, chắc gì tôi làm được như vậy.

Nghe má tôi nói rằng tổ tiên họ Mạc rất linh thiêng (má tôi hay bảo cái khoán văn chương của tôi cũng nhờ ông Mạc Thiên Tứ phò hộ (?), không phải ông đã rất giỏi thi phú, từng lập ra tao đàn Chiêu Anh Các lừng lẫy một cõi đó sao?). Vậy thì, nếu thật sự tổ tiên họ Mạc có linh thiêng, xin hãy phù hộ cho tôi yêu mãi Hà Tiên bằng máu thịt, bằng tâm linh như má tôi, như ông ngoại tôi, hãy giúp cho tôi đừng bao giờ đánh mất tình yêu đó cho dù vùng đất này có thay đổi như thế nào.

Mơ thấy mùa đang tới

Nếu cuộc sống của bạn đã mệt nhoài, nếu rã rượi với công danh, chức tước rồi, nếu ho khan với khói bụi thành phố rồi... thì về quê tôi, làm một tua du lịch dài ngày, dài cả năm, sống vật lộn làm một thuở nông dân chơi. Tua của tôi không kén khách, bạn có thể từng là nông dân nhưng bây giờ quên mất, bạn có thể chưa một lần đặt chân xuống sinh đất quê hương, chưa biết sống đời nông dân... Tôi chấp nhận hết.

Tôi sẽ dẫn bạn về gặp má tôi. Má tôi sẽ dẫn bạn đi hết một mùa của má.

Má tôi ấy à, bà là một người nông dân chân chính.

Ai quen với cái “e” hể nói tới nông dân là phải khăn rằn vắt vai, chân đất đầu sương, ngón tay ám khói thuốc gò... gặp má tôi chắc chung hững. Bà mập mạp, hồn hậu, ăn mặc giản dị nhưng đẹp, không thô ráp như nhiều phụ nữ quê khác. Bà không ăn trầu, uống rượu (đừng thất vọng, má tôi không uống thì bạn uống với tôi). Bà đi nhiều, hiểu nhiều chứ không suốt

đời chôn chân mình vào một chốn quê. Bà chân dắt đám ruộng chưa tròn mười công đất chứ không như nhiều nông dân khác, ruộng đất rông rông mấy chục công, cúm nùm chiều về bay lạc ổ. Nhưng má tôi vẫn là người nông dân thật, bởi đã sống cực nhọc, lam lũ như đời nông dân lam lũ, cực nhọc.

Gặt đầu rồi thì hãy đi với tôi. Tốt nhất bạn hãy làm cùng má tôi, hụ hợ thôi nhưng đừng đứng nhìn bởi vụ lúa mới này, má tôi làm công việc như mùa trước, trước nữa, khác nhau chỉ vài thông số kỹ thuật, tuyệt má tôi không biểu diễn. Không biểu diễn thì làm sao đứng coi được. Nào, đi từ bây giờ, ngay bây giờ. Bởi vì má tôi không chờ bạn. Bởi vì bây giờ là tháng tư. Mùa Tết còn nắm niu mấy giống dưa hấu muộn chưa nhổ gốc thì mưa đầu mùa đã gióng giả vuốt bụi trên cây lá, việc của má tôi, tua của bạn bắt đầu.

Mài cây dao chết cho bén, mình đi làm cò bờ. Chỗ bờ đứt thì ôm những lát đất đã cày xếp lớp từ mấy tháng trước chất lại đó. Tin má tôi đi, đất khô gặp mưa sẽ vỡ ra thành bờ chắc nụi. Rồi máy đến bữa tối đám ruộng, bạn coi má tôi ngâm, ủ giống. Kinh thủy lợi thì xa mà ruộng nhà lại nằm lọt thỏm trong ruộng, thành ra chuyện gì má cũng phải làm trước bà con chung quanh đó. Làm trước nước có đường ra. Đặt máy bơm tát lòi đất gò, ốc bươu vàng dồn xuống, có việc cho bạn nè: bắt ốc. Chân thật sinh, khom lưng, căng mắt mà bắt. Tụi nó bò lừ đừ, đi đằng trước nó bò đằng sau. Đừng bực dọc, đừng nản lòng. Tôi nhớ, năm đầu tiên đồng đất Bà Điều quê tôi chứng kiến cuộc tiến công tàn bạo của ốc bươu vàng. Tôi đi học xa, chiều thứ bảy về nhà bắt ốc.

Cả nhà bắt ốc. Cả xóm bắt ốc. Cả tỉnh bắt ốc. Lúc sức trẻ tôi rệu rã thì má tôi vẫn chăm chăm từng con ốc theo mỗi bước chân thụt lút dưới sinh. Má tức: “Đất xứ mình bao đời nay đâu có đẻ ra tụi nó, chắc tại nước ngoài người ta lên thấy qua...”. Má định ninh: “Má nghĩ bên Thái Lan thấy mình làm ruộng giỏi quá, sợ mình xuất khẩu gạo hơn họ nên họ thả ốc phá mình chơi chứ gì...”. Trách con người nào đó vô tâm đi nước ngoài đem mấy con ốc về nhậu ngờ đâu nó nhậu lại... nông dân mình. Do chủ quan, chưa biết sức “địch” nên đợt giống đầu ốc ăn sạch, phải lượm lại ốc để gieo sạ đợt hai. Đó là lúc tôi thấy má tôi tội nghiệp như nàng Tấm bị mẹ dì ghẻ bắt nhặt thóc khi làng đang vào hội, khi đời nào nước ngoài kia. Má già sọp như trăm ngày gộp lại, cái dáng lẻ loi, chịu đựng, bộ đồ đi ruộng phèn thấm vào sớ vải chấp chới trong nhòe nhoẹt mưa rơi. Mắt tôi nhức, rụng xuống những giọt nước trong và mặn.

Thấy chưa, chỉ con ốc thôi mà cũng làm cho nông dân đã nhọc lại càng nhọc nhằn thêm. Con ốc vàng tươm, con ốc đẹp đẻ vừa nhác thấy đã thềm một chén nước chấm có tí gừng, ít sả, chút ớt. Con ốc nhỏ xíu đó cũng có thể làm má tôi điều đứng. Nghĩ cũng lạ, hại nông dân là cả bọn mỹ miều, con bà Linda mỹ miều, rồi bọn chuột chạy rần rần ngoài bờ kia cũng một phần do mấy cái quán nhậu thịt tiểu hổ mang tên mỹ miều: quán Lan, quán Huệ... Làm nông dân mà, cực từ đằng Đông, Tây đem lại, cực từ Nam, Bắc cực vô, cực từ trên trời rơi xuống.

Nhưng rồi, bạn hãy tin ở má tôi, lúa lại xanh rì trên đồng.

Như bây giờ vậy, mới đây mà lúa đã lún thún vượt ngang bờ mầu. Má tôi đi thăm ruộng sớm chiều, bạn có thể đi theo nhưng bạn sẽ chán. Má tôi thì không. Má có con mắt thần kỳ thấy cây lúa bữa nay cao hơn ngày hôm qua, cây lúa hôm nay tốt hơn bữa trước. Lúa có linh hồn. Không biết má trao cho đám lúa còn non nót xanh nhót kia bao nhiêu tình thương yêu, bao nhiêu hy vọng. Buổi sáng, má đi ruộng. Buổi chiều má đi ruộng. Má tôi có cái tật làm ráng, quên tối. Bà lại hay chóng mặt, té. Nên mỗi lần về trễ, ba tôi biểu phải đi kiếm má. Trên đường ra ruộng, tôi lại nghĩ đại. Tôi sợ má té ngụp mặt vào nước. Đành rằng, có một ngày nào đó, má tôi sẽ về với đất, nhưng về kiểu này, tôi không đang tâm. Bao nhiêu ý nghĩ đau thương chợt biến tan, khi khóa chân xuống cầu sau, má khoe bằng giọng téu dễ sợ: “Mấy đứa lên ruộng mà coi, lúa của bà út nào mà tốt lộng lẫy...”. Má tôi chưa từng được phong danh hiệu nông dân sản xuất giỏi nhưng làm ruộng vào loại giỏi nhất đồng đất Bà Điều. Bà có tình thương yêu ruột ràng vào cây lúa, bà tin tưởng mạnh mẽ vào kinh nghiệm năng sương mấy mươi mùa ròng rãi của mình. Để coi, tính mùa này nữa, má tôi làm ruộng suốt ba mươi tám năm. Bà có nhiều kỷ niệm trên đồng, ngày ba tôi ghé tạt lại theo ông ngoại để coi mất má, vào mùa đậm lúa, má về tới nhà mồ hôi đầm tóc. Có chóng, tàn cư về Đất Cháy, hôm hay tin Bác Hồ mất, má đang cấy, “Không hiểu thương làm sao mà nước mắt rớt lộp độp...”. Rồi cái ngày má nghe báo đất nước mình giải phóng, cũng ở trên đồng, lúc đấy là đang làm đất chuẩn bị gieo mạ... Qua bao nhiêu năm, bao nhiêu chuyện, bao nhiêu mùa, thời gian

đó đủ cho một tình cảm thiêng liêng vô hình nào đó níu lấy bà. Lúa vừa ra ba lá, má tôi đã xách cặp vịt luộc thơm vàng để kể bộ đồ lòng cùng nhang đèn gạo muối lên đồng để cúng Thần Nông. Chén cháo đậu xanh vàng mỡ nấy, tôi mời bạn, chén cháo thơm lòng.

Phía đó là tâm linh, bạn không học được, bởi bạn chưa máu thịt với mảnh đất nầy, chưa đủ đức tin. Bạn để ý má tôi chuyện khác, bà cũng khoa học lắm. Má phiền: “Sao mình cũng làm lúa mà thua người ta. Cẩn Thơ bỏ cấy lúa mùa mấy năm, mình mới chạy theo, mình sạ. Rồi người ta chuyển qua máy sạ hàng, máy gặt đập liên hợp, mình cũng chưa có. Người ta đỡ cực rồi sao mình cứ cực hoài...”. Cực, lười thôi đi theo người ta hoài. Lúa chín đợt nầy, bạn chờ lúa về nhà, mới biết má tôi làm sao mà mớ cái máy gặt đập. Khi mà đồng đất đã biến biệt bóng trâu. Bạn chịu khó đẩy xuống trên ruộng cạn, tải từng bó lúa như ba, má tôi dưới nắng hè. Má tôi đã bao nhiêu năm rồi đẩy voi voi trời biển. Lúa về nhà, trời không nắng, chúng tôi phải che lều ni lông phơi lúa. Lều cao thì gió lồng, tốc mái, lều thấp thì ngộp, thở hồng hộc, thở không ra hơi. Muốn vô trở lúa phải khom lưng. Có đêm nào về nằm ngủ, chân mình mới tưởng chân ai, tay mình tưởng tay ai, chỉ biết có mỗi con mắt mình, xốn xang nhiều nỗi. Năm ngoái, má tôi mừng hết lớn khi nghe chính quyền mở một con kinh cách ruộng nhà chừng một công đất, “Sướng rồi, má hồ hởi, chờ lúa cũng sướng, làm vụ ba nước ra cũng sướng”. Năm nay, không nghe động tĩnh gì, mới biết, đất ngoại ô đang sắp ngửa đô thị hóa, đồng sẽ thành nhà ở, thành chợ, còn làm ruộng đâu nữa mà

đào kinh. Kế hoạch đang treo lơ lửng. Nên má tôi, nông dân xứ tôi phải chờ đến ngày đó, nên ước mây gặt đập liên hợp, mây sẩy lúa. Vậy thôi. Ước toàn cho cây lúa.

Không biết từ bao giờ, từ thời nào, đàn bà xứ tôi bắt đầu gắn bó với đồng ruộng, có lẽ tại đất nước nầy chiến tranh ở lại lâu quá. Chiến tranh như dòng sông điên cuồng cuốn những đàn ông của ruộng đồng chảy phăng về trăm ngả, trong đó có ông ngoại và ba tôi. Cha, chồng làm cách mạng, má quen với đồng áng. Cực vì chồng con nên không buồn. Hôm qua bạn thấy má tôi chạy xe máy đi mua phân bón về chớ? Má kể một chuyện buồn mà giọng rất vui (hay tại giọng má tôi vốn hồ hởi thế). Má tôi nói: "Mấy người bán ngoài cửa hàng hỏi tao vậy nhà đàn ông đàn ang đâu hết mà để thím đi chở phân hàng mấy chục bao. Tao nói cần gì đàn ông con trai, cái gì mình làm được thì làm chớ".

Tôi nghi quá, chắc là má sẽ y chang như bà ngoại, người thương đồng thương ruộng đến lúc tàn hơi. Tôi nghi má tôi mai đây, mắt mờ, nghe mưa đầu mùa day diết trên mái nhà hối đám con cháu kêu máy trục đất là vừa, chân yếu rồi nhưng lầy bầy muốn đi. Đồi chân ấy từ mười tuổi đã biết khóc. Chân má ngắn, ngón ngắn, chỉ rộng bề ngang nên nhìn nó to bè bè. Trên vuông đất nhỏ nhoi lọt thỏm trong cánh đồng Bà Điều, là thàng, là năm chân má đắm dĩa trong bùn và nước. Lâu lâu, như buổi tối nay, tôi nơ chân má lên cát móng cho má, lại thấy móng dày thêm sớ, phèn che bít cái phần hột gạo đục ở trong, vàng hoe hoe vàng. Dưới gan bàn chân, chai nhiều chỗ, phía gót thì nứt nẻ như đồng khô mùa hạn. Gió trở bắc,

chỗ nứt từa máu, lại nứt sâu hơn. Má cười: “Làm ruộng mà, sao đẹp được con?”.

Xứ này có nhiều người đàn bà giống hệt má tôi.

Họ đưa đôi vai ra chống đỡ nhọc nhằn từ khi còn con gái đến hết đời, nhưng không bao giờ buồn. Bạn có thấy má tôi buồn chưa? Thăm ruộng về, lúa bị cháy lá, sâu phá má có thuốc trị, không buồn. Lúa thất, là thất đều trời, thất do thiên tai, dịch họa chứ không phải không biết làm ruộng mà lúa thất, không buồn. Má làm mệt bực bội, đôi khi rầy mắng đứa con lười biếng, không phải là buồn. Nhưng bạn là người khó ngủ, bạn sẽ biết má tôi buồn vào lúc nửa đêm về sáng. Suốt ngày, ba tôi miệt mài ở cơ quan, biết khá nhiều thông tin, trời chuyển hừng đông hay thú thi kế cho má nghe. Ông Y thăm lam chực ngoài ti, ông X làm nhà nước thất thoát hai ba chục tỉ... Những câu chuyện đó làm cho má tôi buồn. Quen nét nông dân, bà tính, được số tiền đó bà phải làm ruộng chất mót suốt... đời. Lúa rẻ rẻ, một gia vài chục ngàn, mấy ông “ở trên” làm mất tính ra hàng tỉ tỉ gia chớ ít đâu. Có khi bà buồn vì một chuyện khác, đi Đám Dơi, bên nội tôi về, nghe bác Bảy xỏ vuông một đêm năm bảy triệu, má lắc vống than: “Thấy người ta làm vuông ham quá, ngủ một đêm thức dậy bằng mình làm lúa ị ạch một mùa... Nghĩ thấy chán...”. Nhưng rồi sáng hôm sau, khi bạn còn đang ôm mộng đẹp trên giường, má tôi đã thay bộ đồ phên ra ruộng. Mùa này, má phấn đấu phụ tiền cho anh trai tôi sắm chiếc xe máy đi làm, dư dả chút đỉnh, khi tôi lấy chồng, bà cho tôi ít chỉ vàng làm của hồi môn. Tôi không an ủi được má

thì thôi còn để má phải ngậm ngùi “Nhà mình nghèo, con đừng buồn...”.

Bạn có thể là người đang “ở trên”, đi chuyến nầy vừa thu thả đầu óc vừa thị sát dân tình, bạn có thể vừa “ở trên” xuống, mệt lử với đại cuộc rồi, muốn vui đời điền viên, bạn có thể là người sắp lên “ở trên” nên tranh thủ chút nầy hưởng trọn cánh quê, và bạn có thể là một người bình thường, bạn nên hiểu và nên biết những nỗi buồn, những nhọc nhằn mà những người nông dân như má tôi phải trải qua. Bạn đừng giận khi má tôi cần nhắc: “Thuở đời nay, năm nào mấy ống cũng lên ti vi kêu năm nầy phấn đấu đạt năng suất cao hơn năm trước, khuyến khích giống mới nầy trụng hơn giống cũ, vậy mà làm ra hột lúa trần thân, bán không có giá, mấy ống đổ thừa tại nông dân làm cho cố mạng nên bán không được...”. Thấy chưa, má tôi nói cũng có lý lắm à.

Thú thật, tôi dắt bạn về đây là có ý đồ. Tôi muốn bạn sống trọn một mùa nông dân trước đã, có cực rồi mới hiểu, mới thương. Tôi đưa bạn về với tôi, con đường không xa, tròng trèm ba cây số, bạn nhớ thị thành thì chạy vù cái là tới, gần xít. Nhưng ở chỗ bạn, hai bữa cơm canh tươm tất trong một ngày của bà nội trợ yêu chồng thấp gì cũng bằng một gia lúa của má tôi. Một gia gần ba mươi ngàn. Có được nó, phải chờ ngót ngét ba tháng. Má tôi còn có đồng lương của ba tôi hộ họ, chứ như dì Ba, chú Tám... vợ đau, con đi học, tang chế, cưới gả giỗ quây cũng nhờ vào bố lúa, mà lúa giá như vậy ngọc đầu sao lên? Nên bạn thấy, cái khoảng cách nầy gần đó

mà xa đó, xa đến thăm sâu. Bạn đâu cần đi đến chỗ khí ho có gáy nào nữa.

Má tôi trần trổ hạt lúa sáng hơi rồi, cần vào răng nghe giòn rồi, chà mè gạo đầu mùa com thơm dẻo là hết vụ đầu, bạn về đi thôi. Vụ sau vẫn thế, cực thế. Mồ hôi má tôi túa đầm đìa, ướt đầm áo chứ tuyệt không lặn vào trong. Chân má tôi nứt thêm chứ chẳng lành lại. Cực là bản chất của đời nông dân mà, vui buồn có khi thay đổi do hoàn cảnh, nhưng xoay qua xoay tới lui cũng không qua con ốc, con chuột, do mưa nắng thất thường, do mấy ông “ở trên”... Ai biểu làm nông dân làm chi. Chi hy vọng mấy ông “ở trên” làm cách nào cho dân bớt khổ, má tôi nhấn mạnh, bằng cái giọng hết sức tin tưởng, “Mấy ông hứa rồi...”.

Tôi tiếc mình không làm được gì cho chuyến du lịch của bạn trở nên thơ mộng. Hết thấy đều trần trụi, phải không? Thôi không còn con cá rô róc rách ruộng cày, không được ăn cúm nùm nướng rơm, không mục đồng thổi sáo (quả thật trước đây tôi quảng cáo hơi... lão). May ra, còn mặt trăng bằng cái nĩa lưng bụng vệt đám dừa ngoi lên từ phía chân trời, còn một đêm giông gió toi bời, bạn ngủ trong căn lều che trên đồng canh nước, nằm trên xuống nghe lẫn trong tiếng máy bơm có một bầy vạc sành kêu bạn rùm trời...

Thôi không cần tính chuyện tiền bạc với tôi, kết thúc chuyến du lịch, tôi khuyến mãi tặng thêm cho bạn một chiếc chuông gió (vì ở chỗ bạn, chỉ cảm nhận được gió khê như một tiếng rung). Mong nhà bạn có cửa sổ, bạn treo chuông, nghe chuông hát leng keng, là biết gió về, mưa về. Trong gió

có mùa có khô cháy ong ong, mùa đốt đồng. Trong cơn mơ bạn thấy cái lưng ai đó (thường nằm mơ khó thấy mặt người). Cái lưng y như lưng má tôi, ba tôi chỉ khác là còng khảm một chút, bạn thấy cái dáng đó đang ngồi mài cây dao chết. Mùa đang tới...

Lời bạt

Về Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư

TRẦN HỮU DŨNG⁽¹⁾

Trước rạng đông một ngày đầu tháng tám, tôi lên một chiếc xe chín chỗ, đi từ Sài Gòn về Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư. Nhưng tôi sẽ không kể lại từng phút giây của hai ngày đáng nhớ ấy (hôm đó và hôm sau) mà tôi gặp Tư và gia đình của cô ở Cà Mau, bởi vì cuộc hành trình này (như bây giờ tôi nhận ra) không chỉ là non mười một tiếng đồng hồ ngồi xe về đất Mũi, nhưng là một chuyến trở về “quê thật” của tôi. Quê ấy chẳng phải là một nơi nào đó trên bản đồ địa lý, nhưng là một vùng tâm tưởng của một người đã ra đi hơn bốn chục năm trời. Và gặp Tư không phải vì tò mò về một tác giả mà tôi đã đọc nhiều và yêu thích, nhưng để hình tượng hóa khung cảnh sản sinh những tác phẩm có sức rung cảm tuyệt vời của một nhà văn mà tôi đã gọi là “đặc sản miền Nam”.

1. Tiến sĩ Trần Hữu Dũng là giáo sư Kinh tế Đại học Wright State, Ohio, Mỹ.

Xe chuyển bánh từ giữa lòng bóng tối, lòa nhòa ánh đèn vàng của Sài Gòn còn ngái ngủ, vào ngoại ô trong sương lúc bình minh, qua những địa danh quen thuộc của tuổi trẻ tôi: Bến Lức, Tân An, Ngã ba Trung Lương, Cai Bè, Cai Lậy, Cầu Mỹ Thuận, Vĩnh Long (Chẳng biết người tôi quen hơn bốn mươi năm trước bây giờ ở đâu?), Cần Thơ, và những nơi có thể tôi đã qua nhưng không còn nhớ: Sóc Trăng, Bạc Liêu. Càng xa Sài Gòn, đường càng xấu, khủng khiếp nhất là đoạn từ Bạc Liêu đến Cà Mau.

Và rồi khoảng ba giờ chiều hôm ấy, dưới ánh nắng vừa hực lại sau một thoáng mưa to, bên vệ đường vào thị xã Cà Mau, một người trẻ (tôi còn nhớ đã thốt thắm: trời, sao trẻ vậy!) như nữ sinh trung học, quay xe Dream ngừng lại cúi chào tôi. Nguyễn Ngọc Tư.

Suốt buổi chiều hôm ấy tôi trò chuyện nhiều với Tư, dùng cơm tối với Tư và ba Tư. Sáng hôm sau đi ăn cháo cá với Tư (và, cao điểm của đời tôi: được Nguyễn Ngọc Tư chở Honda vòng quanh thành phố Cà Mau), về nhà (cũng là cửa hàng) của vợ chồng Tư, lại nhà ba má Tư ăn trưa với cả gia đình. Rồi chia tay, tôi trở lại thành phố Hồ Chí Minh.

Tôi sẽ không nói về Tư nhiều hơn nữa bởi vì, tôi phát giác, Nguyễn Ngọc Tư mà tôi gặp chính là Nguyễn Ngọc Tư mà mọi người đều có thể biết rõ qua các bút ký của cô, và Cà Mau mà tôi đến là Cà Mau trong tất cả những gì Tư viết.

Đó là một người phụ nữ rất trẻ, dung dị, bình thường, nhưng kiên cường và bản lĩnh.

Tư sống gần ba má, anh chị. Từ thế hệ nội, ngoại, cả gia đình của Tư đều là bộ đội trong chiến tranh chống Mỹ. Chị và anh của Tư sinh ra trong chiến khu trước hòa bình, còn Tư thì sinh ra ở Bạc Liêu (năm 1976, nhưng không ai nhớ ngày nào, chỉ nhớ đêm ấy trời không trăng, tốiมืด) rồi về sống ở Cà Mau từ hồi bốn tuổi. Ngoài đời, Nguyễn Ngọc Tư mà tôi đã gặp rõ ràng là *Tư của Lời cho má, Sân nhà, Tấm sông, Chơi một mình, Một mái nhà, Nguyệt – người bạn không biết viết văn, Cửa sau*. Và Cà Mau mà tôi thấy chính là chợ (hãy đọc lại *Chút tình sông nước*), là sông, là xóm làng (*Đất Mũi mù xa, Nhớ đất, Tháng Chạp ở rạch Bọt Trời*) trong bút ký Nguyễn Ngọc Tư.

Song tôi phải nói, đến Cà Mau, tôi mới thấy rõ hơn sự gắn bó của Nguyễn Ngọc Tư với con người, với đời sống, với đất nước quanh cô. Bối cảnh gia đình cho Nguyễn Ngọc Tư một cái nhìn mà tôi ít thấy ở ai khác. Đó là cái nhìn thật trưởng thành nhưng của một người rất trẻ. Đó là cái nhìn của kẻ đã sống qua máu lửa, chứng kiến lắm đau thương, nhưng với con mắt vô tư của một người sinh ra khi đã hết chiến tranh. Đó là cái nhìn của một gia đình chân chất và trầm lặng, hãnh diện đã làm tròn nhiệm vụ đấu tranh cho đất nước, không chút nghi ngờ tương lai của dân tộc, nhưng chẳng có ảo tưởng nào về những mặt bất toàn của hiện tại. Đó là những người bị thiên tai liên miên vùi dập (*Chờ đợi những mùa tôm, Đi qua những cơn bão khó, Ngậm ngùi Hưng Mỹ*), nhưng bao giờ rồi cũng đứng lên và xây dựng lại. Đó là những người nặng tình với công lý,

song không phải là thứ công lý khô khan, quyết liệt của kẻ bị áp bức, bóc lột thời bị trị, mà là thứ công lý đầy nhân ái, giận nhưng không oán, trách nhưng không thù (*Một giấc mơ, Kính thưa anh nhà báo, Làm cho biết, Tản mạn quanh... cái cống*).

Và, đến Cà Mau, tận mắt nhìn sông, nhìn chợ, tận tai nghe tiếng gà gáy sớm, tiếng máy ghe bình bịch sau nhà Tư, rồi nhớ lại những bút ký của Tư (mà hầu như tôi nhớ hết!), tôi thêm một ý nghĩ: nếu là nhà làm phim, Nguyễn Ngọc Tư sẽ rất tài tình. Bạn hãy đọc, hoặc đọc lại, một sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư (tỷ như *Bến cũ*), rồi trả lời giùm: đó là phim hay truyện? Những chi tiết trong đó làm người đọc thần thờ, nhưng sao ấy, chúng không tẻ mún tẻ mẩn, mà sáng và vui. Cái nhìn của cô trong *Chút tình sông nước* đúng là một cái nhìn “điện ảnh”: những gam màu thật tươi, những “cận cảnh” bất ngờ, song đôi mắt nhà văn ấy không bị vướng cái rề rề cơ động, cái xoay chuyển chậm chạp của máy quay phim, mà gần hơn với cái tung tăng của một con bướm nhỏ. Cánh và người, lạ mà thân, xa mà gần, náo hoạt mà tĩnh yên, và đầy lòng thương mến. Nguyễn Ngọc Tư cho biết cô hay nghe nhạc khi viết, và tôi không ngạc nhiên. Đúng là văn của cô nghe như nhạc. Nhiều truyện của cô gần như một bài vọng cổ (hay một thứ ballad, nếu nói cách kiêu kỳ) hơn bất cứ gì khác. Và, như bài vọng cổ, chúng thường là những chuyện buồn, đôi khi rất buồn, kết thúc bằng một nốt trầm, một sự lửng lơ.

Có thể hình dung phần lớn cuốn-phim-bút-ký của

Nguyễn Ngọc Tư như một con thuyền vượt sóng: một bên là những rộn ràng sống động của sinh hoạt đời thường, một bên là những đòi hỏi (rất nghiêm trang và chính đáng) cho công lý.

Nguyễn Ngọc Tư là tiêu biểu của thế hệ Việt Nam mới, sinh ra sau thống nhất, trong thanh bình, nhưng luôn quý trọng những hy sinh, và hãnh diện chấp nhận kế thừa những người mang lại thống nhất và thanh bình ấy. Hãnh diện với quá khứ và xông vai tiếp tục đi tới. Những người như Nguyễn Ngọc Tư cực khổ mà không than phiền. Đầu đó trong nụ cười e thẹn (và rất xinh!) của cô là sự trong sáng của một tuổi trẻ hầy còn đây. Ở Nguyễn Ngọc Tư là phong cách ngoan hiền nhưng kiên quyết, cuộc sống giản đơn nhưng thấp thoáng một nội tâm phức tạp và bí ẩn (những lúc cô chột im lặng giữa câu chuyện, con mắt trở nên đắm chiều, làm tôi giật mình). Nguyễn Ngọc Tư thường ví truyện của mình như trái sầu riêng: nhiều người rất thích nhưng cũng có người lại dị ứng. Tôi đã cự với Tư về cách ví von này bởi vì, theo tôi, văn của Tư không chỉ là một trái nẩy hay quá nọ, mà là cả hàng chục, hàng trăm loại trái cây, hoa quả. Nhìn cảnh chợ Cà Mau, tôi tin là tôi đúng hơn Tư. Xin lỗi nha Tư!

Tôi hỏi Nguyễn Ngọc Tư có cảm thấy cô lập trong đời văn không (nhớ rằng Cà Mau dù gì cũng là hơi xa đông đảo những người viết khác) thì Tư lại bảo nếu không còn làm ở chỗ hiện tại (Hội Văn học Nghệ thuật Cà Mau) cô muốn sẽ về công tác ở một Hội Nông dân ở vùng xa, vùng sâu hơn nữa, nơi không

ai sẽ biết cô là nhà văn nhà báo (ít ra trong vài tháng đầu, cô nói đùa) để cô biết thêm về đời sống của họ. Nguyễn Ngọc Tư là như thế đấy.

Khi trao tặng Tư một quyển biên khảo mà tôi có tham gia, nhìn tay cô loáng thoáng lật nhanh trang giấy, tôi chợt nhớ chỉ vài năm trước đây chính bàn tay nhanh nhẹn ấy còn hái rau để má đem ra chợ bán mỗi sáng. Bàn tay hái rau, nấu cơm, rồi lật sách và cầm bút! Những chuyển biến gần như huyền thoại của một phụ nữ dám đương, một tài năng thiên phú. Có điều tôi hơi hổ thẹn là ngồi với Tư, tôi lại nói nhiều hơn Tư! Nếu tôi là người nổi tiếng thì Tư có thể viết một bút ký “Gặp Trần Hữu Dũng ở Cà Mau” tiết lộ những “tâm sự” của tôi, chắc tôi phải độn thổ!

Vậy bạn đừng quở tôi, nghe nói đi Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư mà sao không kể gì về Cà Mau, không kể gì về cô Tư hết vậy? Bởi vì, cà-mau ở đây chính là sự bình dị của hàng trăm tỉnh làng trên mọi miền đất nước. Những tỉnh làng không hoành tráng, không nhiều danh lam thắng cảnh, thưa khách tham quan, và nghèo, nhưng là cái nôi, cái nguồn của sức sống dân tộc. Bởi vì, nguyễn-ngọc-tư ở đây là hình ảnh một phụ nữ miền Nam như rất nhiều phụ nữ khác, không phải là một trong “mười khuôn mặt tiêu biểu năm 2003” (dù cô có là), một người đàn bà còn rất trẻ, không son phấn, bận bịu chồng con, chăm lo ba má, quần quật công việc cơ quan, và sáng tác. Và chuyến đi Cà Mau thăm Nguyễn Ngọc Tư của tôi là một cuộc trở về (vì tôi đã lớn lên ở đó) với ruộng vườn miền Nam

ruột thịt, một cuộc viếng thăm (vì lại phải ra đi) những đứa em, đứa cháu, những bà con và bè bạn (mới và cũ) đang sống nơi ấy, vui, buồn, gian nan và thành đạt, nhưng trong tất cả là khí tiết của quê hương.

Dayton, ngày 23.8.2005

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. QUÁCH THU NGUYỆT

Biên tập:
TRẦN NGỌC SINH

Bìa:
BÙI NAM
Ảnh bìa:
HOÀNG THÊM

Sửa bản in:
AN SAN
Kỹ thuật in:
THU HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP Hồ Chí Minh
ĐT: 9.316289 - 9.317849 - 9.316211 - 9350973
Fax: (08) 8437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NXB TRẺ tại HÀ NỘI
Số 20 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh - Q. Đống Đa - Hà Nội
ĐT: (04) 7734544 - Fax: (04) 7734544
E-mail: vanphongnxbtre@hn.vnn.vn

Khổ 14 x 20cm, Số 84-2006/CXB/130-09/ĐKKH/Tre Quyết định xuất bản số: 313A/QĐ-Tre, ngày 27 tháng 02 năm 2006. In 3.000 cuốn, tại Nhà in Thanh Niên, 62 Trần Huy Liệu - Q. PN-TP.HCM. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2006.



“Tôi không mê cái lương. Tôi chỉ thích thú với nghiệp của người nghệ sĩ. Họ có thể sống nhiều cuộc đời, nhiều vai diễn khác nhau. Còn tôi, hình dáng buồn cười, thô mộc, quê mùa, không trau chuốt. Hai mươi bảy tuổi vẫn yêu, vẫn tin rằng cuộc đời này màu hồng (mà tới một cái tuổi nào sẽ thấy nó đen thui) nên vẫn thích viết về những người tốt. Có điều những người đó sẽ không sung sướng vì tôi nghĩ, tốt mà được đền đáp thì người đời rủ nhau đi sống tốt hết rồi”.

NGUYỄN NGỌC TƯ



Tập văn - Nguyễn Ngọc Tư



Giá: 26.000 đ